

KIDO GROUP

VỮNG VỊ THỂ
Vườn Tầm Cao



MỤC LỤC



GIỚI THIỆU TẬP ĐOÀN

Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng Quản trị	06
Thông tin chung	10
Tầm nhìn - Sứ mệnh – Giá trị cốt lõi	12
Lịch sử hình thành và phát triển	16
Cơ cấu tổ chức	22
Mạng lưới kinh doanh và các công ty con	30
Hội đồng Quản trị	36
Ban Kiểm soát	40
Ban Điều hành	42

BÁO CÁO CHIẾN LƯỢC

Thông điệp của Tổng Giám đốc Điều hành	48
Kết quả hoạt động kinh doanh	52
Chiến lược tập đoàn	58
Báo cáo liên quan đến trách nhiệm môi trường, xã hội	70
Đánh giá tiềm năng tăng trưởng trong từng ngành hàng	72
Mô hình kinh doanh	74
Quá trình số hóa và tự động hóa	76

QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

Quản trị doanh nghiệp	82
Quản trị rủi ro	84
Quản trị công tác bảo vệ môi trường	86
Báo cáo của Hội đồng Quản trị & Ban Kiểm soát	98



BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Thông tin chung	115
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	
Báo cáo kiểm toán độc lập	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	

GẮN KẾT TRÁCH NHIỆM CÙNG CỘNG ĐỒNG

Hoạt động vì cộng đồng	108
Giải thưởng được ghi nhận	110



VỮNG MẠNH VỊ THÉ PHÁT TRIỂN BỀN LÂU

QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP



THÔNGIỆP của Chủ tịch Hội đồng Quản trị

BƯỚC VÀO NĂM 2023, KIDO ĐÁNH DẤU CHẶNG ĐƯỜNG 30 NĂM THÀNH LẬP VÀ KHẲNG ĐỊNH VỊ THẾ HÀNG ĐẦU TRÊN THỊ TRƯỜNG THỰC PHẨM THIẾT YẾU BẰNG VỊ TRÍ DẪN ĐẦU NGÀNH HÀNG KEM TẠI VIỆT NAM (44,5% THỊ PHẦN), ĐỨNG VỊ TRÍ SỐ 01 MÀNG BƠ THỰC VẬT TẠI VIỆT NAM (74,9% THỊ PHẦN), ĐỨNG THỨ 2 TOÀN NGÀNH DẦU CẢ NƯỚC. TẬP ĐOÀN KIDO GIỜ ĐÂY ĐÃ HỘI TỤ ĐẦY ĐỦ YẾU TỐ ĐỂ CHUYỂN SANG GIAI ĐOẠN PHÁT TRIỂN MỚI - GIAI ĐOẠN **"QUẢN TRỊ TẬP TRUNG"** (CENTRALIZED MANAGEMENT).

Kính thưa Quý cổ đông!

Năm 2022, bối cảnh kinh tế thế giới tiếp tục rơi vào vòng xoáy "đa khủng hoảng" khi đối mặt với những thách thức lớn, biến động nhanh, khó lường và mang tính bất ổn cao đến từ việc biến đổi khí hậu, xung đột quân sự vẫn chưa có hồi kết giữa Nga và Ukraina... Từ đó khiến chuỗi cung ứng toàn cầu bị đứt gãy, khó khăn trong lưu thông hàng hóa, giá nguyên vật liệu sản xuất tăng - giảm đột biến, tình trạng lạm phát tăng lên mức cao nhất trong nhiều thập kỷ..., gây ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất - kinh doanh của Tập đoàn khi hầu hết các nguyên liệu sản xuất của chúng tôi đều được nhập khẩu từ nước ngoài, đồng thời tình trạng lạm phát khiến người tiêu dùng dần thắt chặt chi tiêu. Năm 2023 tiếp tục được nhận định là năm vô cùng khó khăn và làm thế nào để KIDO có thể vượt qua giai đoạn cam go này.

Nhìn lại chặng đường 5 năm đã qua, với định hướng **"Design for Success - Thiết kế để thành công"**, chúng ta đã và đang đi đúng lộ trình đã vạch ra, khẳng định sức mạnh nội tại, năng lực dẫn dắt của Ban lãnh đạo Tập đoàn khi liên tiếp gặt hái những thành công mới. Trong giai đoạn đầu của quá trình thực hiện, KIDO đã thiết kế và nâng cấp hệ thống quản trị bằng việc ứng dụng công nghệ thông tin trong việc vận hành, đóng góp vào chuỗi giá trị của công ty từ rất sớm với những nền tảng quản trị như SAP, DMS, KIDO Shop..., giúp nâng cao hiệu quả kinh doanh, quản trị hệ thống nhà phân phối và đội ngũ thị trường... để mỗi thành viên nhanh chóng thích nghi với mô hình chuyển đổi số, khối lượng và thời gian thực hiện công việc từ đó cũng giảm đáng kể. Đồng thời thế mạnh về hệ thống kênh được phát huy tối đa và KIDO đã thiết kế và thành công mở rộng hệ thống kênh bán hàng trên toàn quốc. Trong giai đoạn 2017 - nay, Tập đoàn đã nâng số điểm bán ngành hàng lạnh từ 70.000 điểm bán lên 120.000 điểm bán trên toàn quốc. Ngoài ra, hệ thống 450.000 điểm bán ngành hàng khô, bằng nỗ lực duy trì cùng sự đầu tư chần chu đã ngày càng phát triển vững chắc với độ phủ rộng khắp, đưa KIDO trở thành một trong những đơn vị có hệ thống bán hàng hiệu quả nhất cả nước. Cùng với đó là thành công vượt trội trong việc thiết kế và vận hành các ngành hàng trực thuộc Tập đoàn.

Bước vào năm 2023, KIDO đánh dấu chặng đường 30 năm thành lập và khẳng định vị thế hàng đầu trên thị trường thực phẩm thiết yếu bằng vị trí dẫn đầu ngành hàng kem tại Việt Nam (44,5% thị phần), đứng vị trí số 01 mảng Bơ thực vật tại Việt Nam (74,9% thị phần), đứng thứ 2 toàn ngành dầu cả nước. Tập đoàn KIDO giờ đây đã hội tụ đầy đủ yếu tố để chuyển sang giai đoạn phát triển mới - giai đoạn **"Quản trị tập trung"** (Centralized Management).

Mô hình Quản trị tập trung mang ý nghĩa về cả mặt chiến lược lẫn hoạt động, giúp đảm bảo sự nhất quán trong chiến lược phát triển, đồng bộ trong chính sách điều hành và trong hoạt động kinh doanh của Tập đoàn này đã được triển khai những bước đi đầu tiên từ nửa đầu năm 2022. Theo đó, bộ máy quản lý sẽ được đặt tại Công ty mẹ KDC để thực hiện các chức năng như: Hỗ trợ các công ty con trong việc định hướng chiến lược kinh doanh và mô hình phát triển; Kiến trúc hoạt động đầu tư, chiến lược đầu tư và kinh doanh cho các công ty trong tập đoàn; Hỗ trợ các công ty con, các BU (Business Unit) về các khía cạnh luật pháp, tài chính, cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin và các vấn đề khác liên quan đến hoạt động hàng ngày... Đây là một trong những chiến lược quan trọng, phù hợp với cấu trúc hoạt động hiện tại của Tập đoàn. Đối với KIDO, chiến lược Quản trị Tập trung sẽ được thể hiện trên tất cả các mặt trận về vận hành tập đoàn trong đó 05 phương diện chính được đặt trọng tâm gồm: Chiến lược vận hành - Phát triển & Quản trị Thương hiệu - Phát triển Hệ thống Kênh phân phối - Quản trị Nhân sự - Tài chính & Đầu tư. Cụ thể:

VỀ MẶT CHIẾN LƯỢC VẬN HÀNH

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc sẽ giữ nhiệm vụ định hướng và kiểm soát mọi hoạt động của công ty. Ủy ban quản lý điều hành (EMC) sẽ lãnh đạo và giám sát việc thực hiện các mục tiêu chiến lược của Tập đoàn, thúc đẩy các kết quả hoạt động kinh doanh chung. Điều này khớp với vai trò và nhiệm vụ của Team 1, Team 2, Team 3 ở thời điểm hiện tại. Dẫn đến các quyết định, các chiến lược được thống nhất triển khai từ trên xuống dưới.

ĐỐI VỚI VIỆC PHÁT TRIỂN VÀ QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU

Tập đoàn KIDO hiện đang sở hữu nhiều thương hiệu nổi tiếng, thuộc top dẫn đầu thị trường tại Việt Nam như Merino, Celano, Tường An (Bơ thực vật và các sản phẩm dầu ăn), KIDO's Bakery... Tất cả những thương hiệu hiện có hoặc các thương hiệu mới đều được quản lý tập trung bởi Tập đoàn. Song song đó, các chiến lược quảng bá, phát triển thương hiệu, Marketing, Truyền thông đều phải thông qua Tập đoàn và do Ban lãnh đạo định hướng triển khai.



THÔNGIỆP của Chủ tịch Hội đồng Quản trị (tiếp theo)

ĐỐI VỚI VIỆC PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG KÊNH PHÂN PHỐI

Tập đoàn hiện đang nắm giữ hệ thống kênh phân phối rộng khắp tại Việt Nam với 450.000 điểm bán ngành hàng thực phẩm thiết yếu, 120.000 điểm bán ngành hàng lạnh. Dựa vào sự tương thích của từng ngành hàng với kênh phân phối, Tập đoàn sẽ xem xét, phân bổ sản phẩm/ ngành hàng vào từng kênh phân phối hoặc định hướng để phát triển các kênh phân phối mới phù hợp. Điển hình, ngành bánh (Bánh tươi và Bánh trung thu) đang phát triển cộng hưởng trên hệ thống kênh phân phối ngành khô và ngành lạnh của

Tập đoàn. Nằm trong chiến lược phát triển rộng khắp Việt Nam, Tập đoàn đã, đang và sẽ tiếp tục triển khai để mở rộng, phát triển mạnh hệ thống kênh phân phối cho ngành bánh bên cạnh việc sử dụng các thể mạnh kênh hiện tại. Mặt khác, ngành gia vị sẽ phát triển đi cùng hệ thống kênh phân phối hiện có của Tường An. Điều này giúp tăng hiệu quả hoạt động của BU mới, đồng thời giúp tiết kiệm thời gian, chi phí và nhân sự vận hành kênh.

ĐỐI VỚI QUẢN TRỊ NHÂN SỰ

Tất cả gần 4.000 nhân sự từ các công ty thành viên, nhà máy đều do Bộ phận Nhân sự Tập đoàn quản lý. Căn cứ nhu cầu phát triển nguồn lực khác nhau, cùng điểm mạnh và điểm yếu của từng nhân sự, Phòng Nhân sự Tập đoàn sẽ tiến hành quy hoạch, sắp xếp, khai thác, bố trí nhân sự vào vị trí/ ngành hàng phù hợp nhằm phát huy năng lực làm việc của người lao động một cách tối đa, đạt hiệu quả cao trong công việc. Mỗi nhân sự khi được phân công, bổ nhiệm vào đúng vị trí sẽ tạo ra nhiều giá trị cho sự phát triển của công ty, ngành hàng của mình. Trong trường hợp nguồn lực có giới hạn phải làm sao để tối ưu hóa nhất. Mặt khác, Tập đoàn cũng tìm kiếm, đào tạo, bồi dưỡng những nguồn lao động chất lượng cao, phân bổ vào những vị trí chủ chốt của Tập đoàn, tạo thêm giá trị gia tăng theo phương châm win – win giữa Tập đoàn & Người lao động.

ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH & ĐẦU TƯ

Các dòng tiền, các chiến lược đầu tư, huy động vốn... sẽ do Tập đoàn trực tiếp quản lý và kiểm soát, đảm bảo dòng tiền phát huy hiệu quả, từ đó tạo ra lợi nhuận cho Tập đoàn bên cạnh hoạt động sản xuất kinh doanh chủ lực. Theo đó, dựa trên nguồn tiền và nhu cầu phát triển tại từng thời điểm, Tập đoàn sẽ tiếp tục nghiên cứu sự phát triển của thị trường, tìm kiếm cơ hội hợp tác, M&A, chọn lọc và sẵn sàng mua lại các công ty và ngành hàng tiềm năng nhằm mở rộng danh mục thực phẩm thiết yếu cho Tập đoàn, tiếp tục xây dựng ngành hàng mới phát triển vững mạnh như cách mà chúng

tôi đã thực hiện thành công đối với KIDO Foods (Ngành kem); Tường An, KIDO Nhà Bè, Vocarimex (Ngành dầu) đồng thời có chiến lược M&A đối với các ngành hàng khác trong lĩnh vực thực phẩm thiết yếu trong từng giai đoạn.

Song song đó, chúng tôi tiếp tục tập trung theo dõi, giám sát để phân bổ nguồn vốn đầu tư thích hợp dành cho những ngành hàng tiềm năng, có dư địa phát triển tốt, đặc biệt khi kết hợp với hệ thống sẵn có của Tập đoàn sẽ mang lại hiệu quả tài chính vượt bậc.



Thưa Quý cổ đông,

Trong thời gian tới, nền kinh tế được dự đoán sẽ tiếp tục có nhiều biến động khi tình hình chiến sự giữa Nga – Ukraina vẫn chưa đến hồi kết, chuỗi cung ứng chưa phục hồi, tình hình lạm phát vẫn là một trong những tác nhân ảnh hưởng trực tiếp đến hành vi tiêu dùng. Do vậy, KIDO đặt mục tiêu tăng trưởng trong năm 2023. Cụ thể, doanh thu thuần kế hoạch là 15.000 tỷ đồng, tăng 19,7% so với năm 2022 và kế hoạch lợi nhuận trước thuế là 900 tỷ đồng, tăng 76,3% so với năm 2022.

Với nền tảng phát triển bền vững, kết hợp với việc tăng cường quản trị tập trung, chúng tôi sẽ nỗ lực, cộng hưởng các sức mạnh bên trong lẫn bên ngoài để hoàn thành các chỉ tiêu đề ra, cũng như đảm bảo mang lại giá trị lâu dài cho cổ đông trong tất cả các hoạt động kinh doanh hiện tại và trong tương lai của Tập đoàn KIDO.

Cùng với đội ngũ CBCNV đầy nhiệt huyết và tận tâm, tôi mong rằng Tập đoàn KIDO sẽ tiếp tục nhận được sự ủng hộ, đồng hành của Quý cổ đông, Quý nhà đầu tư, Quý khách hàng để cùng KIDO chinh phục các đỉnh cao mới trong giai đoạn sắp tới.

Kính chúc Quý vị

SỨC KHỎE - HẠNH PHÚC - THÀNH CÔNG!

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ - TRẦN KIM THÀNH

THÔNG TIN CHUNG



TỔNG QUAN VỀ CÔNG TY

TÊN GIAO DỊCH

Tên tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KIDO

Tên tiếng Anh: KIDO GROUP CORPORATION

Tên viết tắt: KIDO GROUP

Giấy CNĐKKD: Số **4103001184** do Sở Kế Hoạch - Đầu Tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 06 tháng 09 năm 2002 và theo các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó.

Mã số doanh nghiệp: **0302705302.**

Thông tin niêm yết: Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép Niêm yết số 39/UBCK-GPNY do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 18 tháng 11 năm 2005 với mã giao dịch chứng khoán là "**KDC**".

Vốn điều lệ:

2.797.413.560.000 ĐỒNG

(Bằng chữ: Hai nghìn bảy trăm chín mươi bảy tỷ bốn trăm mười ba triệu năm trăm sáu mươi nghìn đồng.)

Địa chỉ trụ sở chính:

138-142 Hai Bà Trưng, Phường Đa Kao, Quận 01, Thành phố Hồ Chí Minh.

Số điện thoại: +84 8.38270468

Fax: +84 8.38270469

Website: www.kdc.vn



NGÀNH NGHỀ KINH DOANH CHÍNH YẾU



Bán buôn thực phẩm;

Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm thực phẩm và nước uống như kem ăn, sữa và các sản phẩm từ sữa, các loại đồ uống không cồn, nước khoáng;



Sản xuất kinh doanh và xuất khẩu các sản phẩm chế biến từ dầu, mỡ động thực vật, từ các hạt có dầu, thạch dừa; sản xuất, kinh doanh các loại bao bì đóng gói; xuất khẩu nguyên nhiên vật liệu phục vụ sản xuất chế biến ngành dầu thực vật.



NGÀNH, NGHỀ THEO HỆ THỐNG NGÀNH KINH TẾ VIỆT NAM

Mã ngành	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành	Tên ngành, nghề kinh doanh
1030	Chế biến và bảo quản rau quả - Chi tiết: Chế biến nông sản thực phẩm (Không hoạt động tại trụ sở)	4321	Lắp đặt hệ thống điện (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)
1050	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa (Không hoạt động tại trụ sở)	4329	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác
1062	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột (Không hoạt động tại trụ sở)	4330	Hoàn thiện công trình xây dựng
1071	Sản xuất các loại bánh từ bột (Không hoạt động tại trụ sở)	4390	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác
1074	Sản xuất mì ống, mì sợi và sản phẩm tương tự (Không hoạt động tại trụ sở)	4632	Bán buôn thực phẩm (trừ lúa gạo, đường mía, đường củ cải và không hoạt động tại trụ sở).
1075	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn (Không hoạt động tại trụ sở)	4633	Bán buôn đồ uống (trừ đồ uống có cồn)
1079	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu (Không hoạt động tại trụ sở)	4641	Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép
1104	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng (Không hoạt động tại trụ sở)	4649	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (trừ sách, báo, tạp chí, dược phẩm)
4663	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4659	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác
4764	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh (có nội dung được phép lưu hành)	6619	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu - Chi tiết: Tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật)
4311	Phá dỡ	4322	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí (Trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở; trừ lắp đặt các thiết bị lạnh (thiết bị cấp đông, kho lạnh, máy đá, điều hòa không khí, làm lạnh nước) sử dụng ga lạnh R22 trong lĩnh vực chế biến thủy hải sản)
4312	Chuẩn bị mặt bằng	1073	Sản xuất ca cao, sôcôla và bánh kẹo (không hoạt động tại trụ sở)



GIỚI THIỆU CHUNG

Được thành lập vào năm 1993, KIDO có tiền thân là Công ty TNHH Xây dựng và Chế biến thực phẩm Kinh Đô. Công ty hoạt động chính trong lĩnh vực sản xuất, chế biến và kinh doanh phân phối các mặt hàng thực phẩm tiêu dùng như dầu ăn, kem, bánh kẹo, thực phẩm ăn vặt và nước giải khát. KIDO chính thức hoạt động theo mô hình công ty cổ phần từ năm 2002 với vốn điều lệ 150 tỷ đồng.

Các giai đoạn hình thành và phát triển đều đem lại nhiều thành quả tốt.

1993 - 2003: Xây dựng nền tảng và phát huy sở trường.

2004 - 2014: Tăng cường thêm lực và khẳng định vị thế.

2015 - 2022: Mở rộng thương hiệu và tăng trưởng từ nội lực.

Hiện nay, KIDO đang sở hữu Nhà máy sản xuất các loại bánh từ bột tại Quận 12, Tp. Hồ Chí Minh, quy mô 19.044 tấn sản phẩm/năm và 02 Nhà máy Thực phẩm Đông lạnh ở Bắc Ninh và Củ Chi; 04 Nhà máy Dầu ăn ở Nghệ An, Bà Rịa - Vũng Tàu, Nhà Bè, ... Tổng công suất cung cấp ra thị trường gồm: 21 triệu lít sữa chua/năm; 24 triệu lít kem/năm; 15.000 tấn bánh bao, bánh hấp/năm; hơn 400.000 tấn dầu thành phẩm/năm tại 02 Nhà máy Dầu Tường An và Nhà máy Dầu KIDO Nhà Bè (Golden Hope Nhà Bè trước kia). Mỗi năm công suất tại Nhà máy Dầu Vocarimex đạt 130.000 tấn dầu tinh luyện, 120.000 tấn dầu thành phẩm và 4.000 tấn dầu mè. Ngoài ra với lợi thế từ công ty con đem lại, KIDO còn sở hữu hệ thống kho chứa gần 8.000 m²; Bốn chứa chất lỏng 22.300 m³ và 04 cầu tàu tại Cảng Nhà Bè chịu tải trọng: 20.000 DWT hàng, 5.000 tấn dầu.

Tiếp tục sứ mệnh trở thành Tập đoàn thực phẩm số 1 tại Việt Nam và mở rộng sang khu vực Đông Nam Á, KIDO đã phát triển mạng lưới phân phối bán lẻ rộng khắp cả nước với đa dạng các loại thực phẩm tiêu dùng mang tính thiết yếu, tiện lợi và độc đáo tại 450.000 điểm bán ngành hàng khô, 120.000 điểm bán ngành hàng lạnh.

Thông qua việc chuyển đổi linh hoạt các kênh bán hàng trên toàn quốc như GT, MT, KA, CVS, kênh online, sàn thương mại điện tử (Lazada, Shopee, Tiki, ...), KIDO sẽ tiếp tục mở rộng thị trường theo hướng cao cấp hóa và đa dạng hóa nhằm phục vụ nhu cầu tiêu dùng suốt cả ngày cho người tiêu dùng ở mọi lứa tuổi trên khắp mọi miền đất nước và vươn ra thế giới.

TÂM NHÌN - SỨ MỆNH - GIÁ TRỊ CỐT LÕI

TÂM NHÌN | HƯƠNG VỊ CHO CUỘC SỐNG

TRỞ THÀNH TẬP ĐOÀN THỰC PHẨM SỐ 1 TẠI VIỆT NAM VÀ MỞ RỘNG SANG KHU VỰC ĐÔNG NAM Á THÔNG QUA VIỆC MANG “**HƯƠNG VỊ CHO CUỘC SỐNG**” VÀ “**LẤP ĐẦY GIAN BẾP VIỆT**” BẰNG NHỮNG SẢN PHẨM THIẾT YẾU, DINH DƯỠNG, TIỆN LỢI, AN TOÀN VÀ ĐỘC ĐÁO.



SỨ MỆNH



Đối với NGƯỜI TIÊU DÙNG

Sứ mệnh của KIDO đối với người tiêu dùng là cung cấp những sản phẩm phù hợp, tiện dụng bao gồm các loại thực phẩm thông dụng, thiết yếu, các sản phẩm bổ sung và đồ uống. Chúng tôi cung cấp các thực phẩm an toàn, thơm ngon, dinh dưỡng, tiện lợi và độc đáo cho tất cả khách hàng để luôn giữ vị trí tiên phong trên thị trường thực phẩm.

Đối với CỔ ĐÔNG

Với cổ đông, sứ mệnh của KIDO là phân bổ vốn để tối đa hóa giá trị cho cổ đông trong dài hạn và quản trị rủi ro để tạo sự ổn định và vững tin với các khoản đầu tư, đem lại lợi ích mong đợi cho cổ đông.



Đối với NHÂN VIÊN

Chúng tôi luôn ươm mầm và tạo mọi điều kiện để thỏa mãn các nhu cầu và kỳ vọng trong công việc nhằm phát huy tính sáng tạo, sự toàn tâm và lòng nhiệt huyết của nhân viên. Vì vậy KIDO luôn có một đội ngũ nhân viên năng động, sáng tạo, trung thành, có khả năng thích nghi cao và đáng tin cậy.



Đối với ĐỐI TÁC

Với đối tác, sứ mệnh của KIDO là tạo ra những giá trị bền vững cho tất cả các thành viên trong chuỗi cung ứng thông qua các sản phẩm đầy tính sáng tạo. Chúng tôi hướng tới mức lợi nhuận hài hòa cho các bên, cải tiến các quy trình cho chất lượng và năng suất để tạo sự phát triển bền vững.



Đối với CỘNG ĐỒNG

Để góp phần phát triển và hỗ trợ cộng đồng, chúng tôi chủ động tạo ra, đồng thời tích cực tham gia và đóng góp cho những chương trình hướng đến cộng đồng và xã hội. Chúng tôi tích cực tham gia vào các hoạt động vì xã hội, cộng đồng và bảo vệ môi trường hướng đến sự phát triển bền vững.



TÂM NHÌN - SỨ MỆNH - GIÁ TRỊ CỐT LÕI (tiếp theo)

GIÁ TRỊ CỐT LÕI



CÓ TÂM NHÌN



TÍNH TIÊN PHONG - DẪN ĐẦU



TÍNH SÁNG TẠO - CÁCH TÂN



TÍNH CHẤT LƯỢNG



TÍNH TIN TƯỜNG



TÍNH NĂNG ĐỘNG

LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

KIDO - CHẶNG ĐƯỜNG 30 NĂM VỚI NHIỀU DẤU ẤN LỊCH SỬ TẠO NÊN BẢN SẮC ĐẶC THÙ

“TƯƠNG ỨNG VỚI TỪNG GIAI ĐOẠN PHÁT TRIỂN, KIDO ĐỀU GHI ĐẬM DẤU ẤN RIÊNG, KHẲNG ĐỊNH GIÁ TRỊ ĐÍCH THỰC VỚI TÍNH SÁNG TẠO, NĂNG ĐỘNG, TIỀN PHONG ĐI ĐẦU CỦA TẬP ĐOÀN TRÊN CON ĐƯỜNG CHINH PHỤC THỊ TRƯỜNG VIỆT NAM VÀ VƯƠN RA THẾ GIỚI.”

1999-2001

- Khai trương hệ thống bakery đầu tiên. Tăng vốn điều lệ lên 51 tỷ đồng, mở rộng diện tích nhà xưởng lên hơn 40.000 m². Sản phẩm Công ty được xuất khẩu sang Mỹ, Pháp, Canada, Đức, Nhật, Thái, Singapore, ...



1993-1998: Xây dựng nền tảng



1993

- Tiên thân là Công ty TNHH Xây dựng và Chế biến thực phẩm Kinh Đô, sở hữu nhà xưởng sản xuất và kinh doanh bánh snack (100m²) tại Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh, với 70 công nhân và vốn đầu tư 1,4 tỉ đồng.

1994-1998

- Đầu tư xây dựng nhà xưởng mới với diện tích 6 hecta; Đầu tư dây chuyền sản xuất bánh cookies, dây chuyền sản xuất bánh mì, bánh bông lan công nghiệp và đưa dây chuyền sản xuất kẹo chocolate vào khai thác.
- Tung sản phẩm bánh snack, bánh cookies, bánh tươi, bánh trung thu, chocolate.

1999-2003: Phát huy sở trường

2002

- Công ty Cổ phần Kinh Đô được thành lập, vốn điều lệ là 150 tỷ đồng.

2003

- Mua lại nhà máy kem Wall's từ Tập đoàn Unilever và thành lập Công ty TNHH MTV KIDO, phát triển 2 nhãn hiệu Merino và Celano. Nhập dây chuyền sản xuất chocolate (1 triệu USD) và tăng vốn điều lệ lên 200 tỷ đồng.

LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN (tiếp theo)



LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN (tiếp theo)

2019-2020

- Tập trung vào phân khúc cao cấp với dòng sản phẩm "Tường An Premium - dòng sản phẩm thượng hạng" với biểu tượng voi vàng.
- Đánh dấu sự trở lại của KIDO trên thị trường snacking. Sáp nhập KDF vào KDC.
- Top 10 công ty thực phẩm uy tín. Top 50 thương hiệu dẫn đầu.



2019-2022: Tăng trưởng từ nội lực

2021-2022

- Tiếp tục sứ mệnh trở thành Tập đoàn thực phẩm số 1 tại Việt Nam.
- Tung ra những sản phẩm bánh tươi thương hiệu KIDO's Bakery theo phong cách "Thưởng Thức Thời Thượng".
- Trở lại ngành hàng bánh trung thu với thương hiệu KIDO's Bakery với mong muốn tái kích hoạt ý nghĩa và nét truyền thống vốn có của trung thu, nhanh chóng đứng thứ 3 toàn thị trường về mặt quy mô.
- Tiếp tục dẫn đầu thị trường kem lạnh; Tiếp tục đứng thứ 2 về thị phần dầu ăn với thương hiệu Tường An. Được vinh danh Thương hiệu quốc gia 16 năm liên tiếp.
- Là doanh nghiệp lần thứ 3 đạt giải thương hiệu vàng Tp. Hồ Chí Minh năm 2022.



CƠ CẤU TỔ CHỨC

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

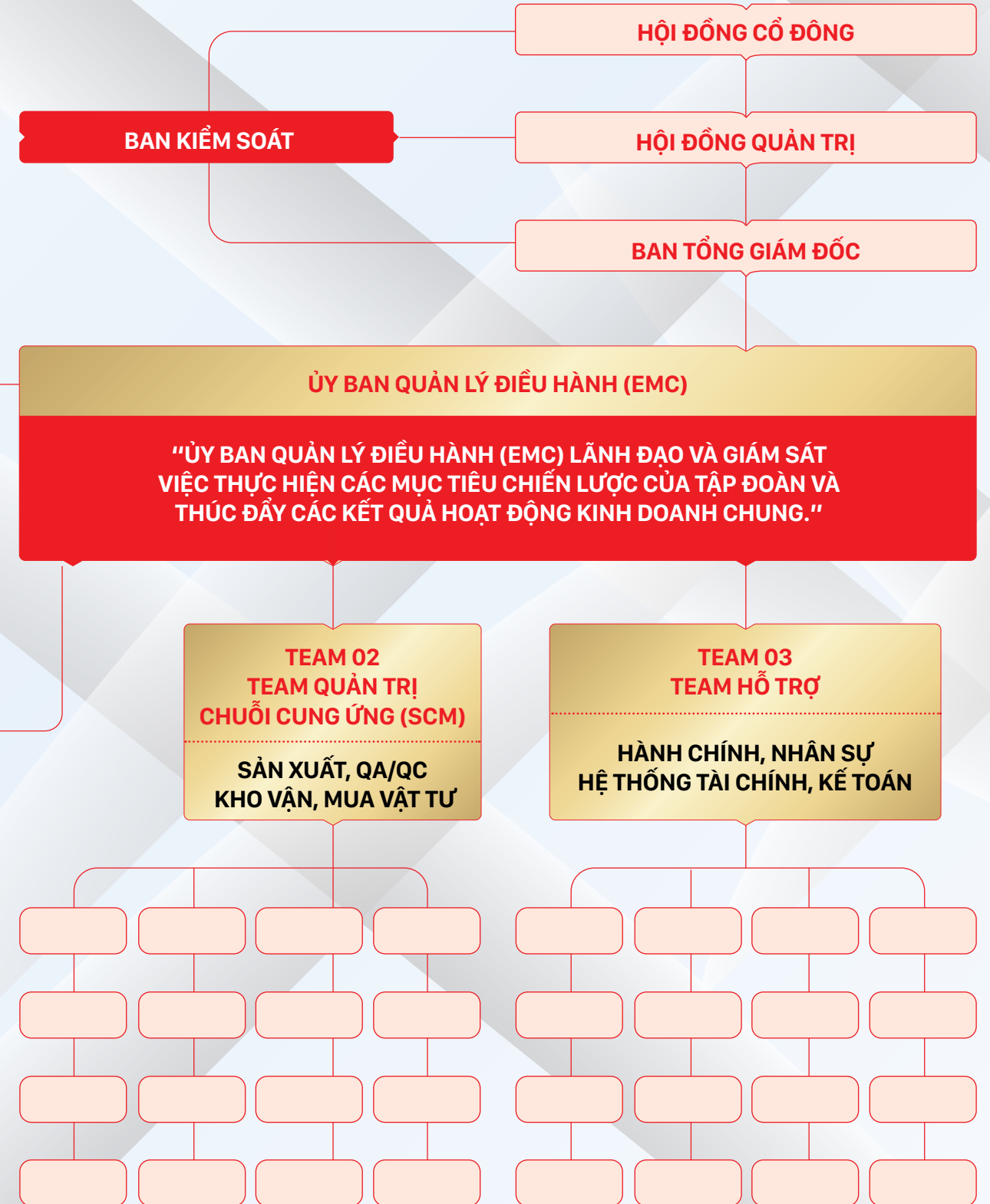
Trên Hội đồng Quản trị là Hội đồng Cổ đông. Hội đồng Quản trị giao nhiệm vụ điều hành mọi hoạt động sản xuất kinh doanh cho Ban Tổng Giám đốc.

Ban Kiểm soát đồng hành với Hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc trong vai trò kiểm soát mọi hoạt động của công ty.

Nhằm tạo sự cân bằng giữa mục tiêu ngắn hạn và dài hạn, đồng thời đảm bảo thực hiện đúng đường lối chiến lược đã hoạch định, Ban Tổng Giám đốc lập Ủy ban Quản lý Điều hành (EMC) đưa đề bài, yêu cầu với 3 TEAMS và điều tiết toàn bộ hoạt động. Sau đó, hàng loạt vấn đề ở hàng ngang là trung tâm để các Team, bộ phận phòng ban thực hiện triển khai việc; kết hợp với năng lực của từng TEAM được chuyên môn hóa và chuyên nghiệp hóa theo hàng dọc.



SƠ ĐỒ TỔ CHỨC



CƠ CẤU TỔ CHỨC (tiếp theo)

VAI TRÒ VÀ NHIỆM VỤ CỦA TỪNG TEAM TRONG TẬP ĐOÀN



TEAM 1 - TEAM KINH DOANH

Là đội ngũ đề ra phương hướng hoạt động trong bán hàng, phân phối, tiếp thị, phát triển sản phẩm và tìm hiểu người tiêu dùng. Team 1 thường xuyên tương tác, kết nối chặt chẽ với người tiêu dùng, nghiên cứu môi trường cạnh tranh và xu hướng của thị trường. Từ đó, các bộ phận của Team 1 có thể thấu hiểu sâu sắc nhu cầu và mang đến những dịch vụ tốt nhất cho khách hàng. Vai trò của Team 1 là cung cấp và phản hồi thông tin cho toàn bộ Công ty và phối hợp chặt chẽ với các bộ phận chức năng của Công ty hướng đến mục tiêu cung cấp đúng sản phẩm, vào đúng thời điểm, ở đúng nơi và đáp ứng nhu cầu người tiêu dùng. Nhiệm vụ của các Team hỗ trợ (Team 2 và Team 3) được đặt xung quanh Team 1 để hỗ trợ, đưa ra các ý kiến nhằm phản hồi hoặc dự báo nhu cầu của khách hàng, những xu hướng của thị trường và luôn lấy người tiêu dùng là trung tâm.



TEAM 2 - QUẢN TRỊ CHUỖI CUNG ỨNG (SCM)

Chuyên trách về các hoạt động sản xuất thành phẩm, kiểm soát chất lượng, hậu cần và kho vận. Team SCM chính là thế mạnh cốt lõi của Tập đoàn. Team SCM có trách nhiệm quản lý việc sản xuất hàng hóa, hiệu quả về sản xuất và phân phối sản phẩm đạt hiệu quả cao nhất. Sự phối hợp chặt chẽ của Team 2 với Team 1 giúp đảm bảo cung cấp đúng sản phẩm, đúng khối lượng đến đúng đối tượng khách hàng với mức giá cạnh tranh nhất. Đây là bước tiến quan trọng trong chính sách khách hàng và tăng cường phát triển lợi thế cạnh tranh cho Tập đoàn.



TEAM 3 - TEAM HỖ TRỢ

Là Team có các chức năng đặc trưng nhằm hỗ trợ cho hoạt động của Công ty bao gồm nhân sự, hành chính, kế toán tài chính và kế toán quản trị. Bản chất các dịch vụ của Team 3 cung cấp liên quan đến cơ sở hạ tầng, do vậy các dịch vụ như IT, Quản trị Quy trình Kinh doanh, Truyền thông, Quan hệ Nhà đầu tư, Quản trị mua hàng và Tài chính được tập trung quản lý bởi Tập đoàn. Điều này cho phép mỗi công ty có thể tập trung vào việc tạo ra lợi nhuận và giá trị khác mà không bị chi phối bởi các vấn đề liên quan đến việc đầu tư cơ sở hạ tầng dài hạn.

THÔNG QUA ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ SỐ **3 TEAMS** ĐƯỢC GẮN KẾT CHẶT CHẼ NHẪM KỊP THỜI ỨNG PHÓ VỚI SỰ BIẾN ĐỘNG CỦA THỊ TRƯỜNG CẢ VỀ HÀNG DỌC LẪN HÀNG NGANG.



Vai trò của 3 TEAMS vô cùng quan trọng trong vận hành. Khi thị trường biến động mạnh, vai trò của 3 TEAMS được đưa vào chu kỳ kinh doanh với công suất được thiết kế từ bên trong ở mức độ tăng / giảm khác nhau tùy từng thời điểm nhằm đáp ứng nhu cầu theo sự biến động. Công nghệ số sẽ giải quyết được sự tăng trưởng nhanh chóng của doanh nghiệp, kết nối 3 Teams sẽ chặt chẽ hơn khi công nghệ số được Tập đoàn ứng dụng và ngày càng tối ưu.

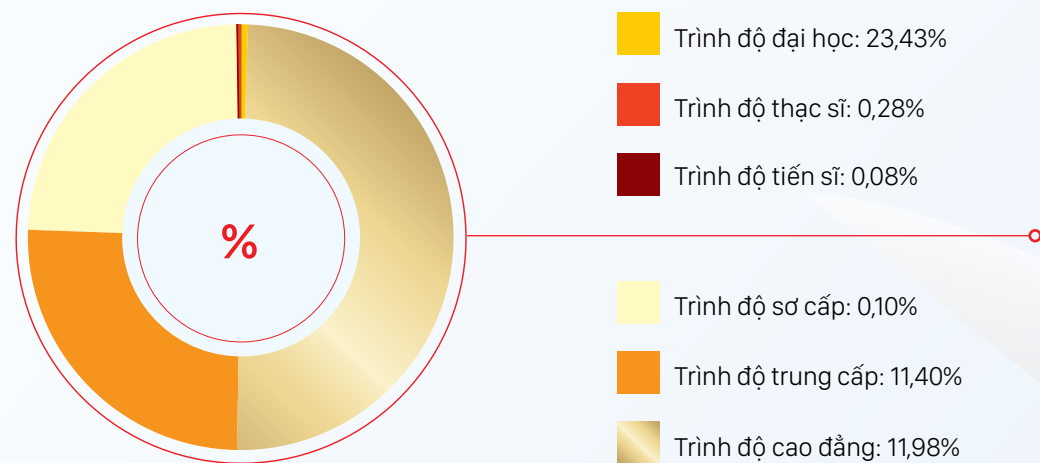
- ▶ NĂNG LỰC CỦA TỪNG TEAM CẦN PHẢI ĐƯỢC CHUYÊN MÔN HÓA VÀ CHUYÊN NGHIỆP HÓA THEO HÀNG DỌC.
- ▶ KẾT HỢP THÔNG TIN THEO HÀNG NGANG.

(Hàng loạt thông tin đều theo 2 chiều và cùng nhau phối hợp để giải quyết công việc)

CƠ CẤU TỔ CHỨC (tiếp theo)

NHÂN SỰ

Tính đến thời điểm ngày **31/12/2022**, tổng số CBCNV của Tổng công ty Cổ phần Tập đoàn KIDO là **3.982 người**.



Trình độ	Số lượng người
Tiến sĩ	3
Thạc sĩ	11
Đại học	933
Cao đẳng	477
Trung cấp	454
Sơ cấp	4

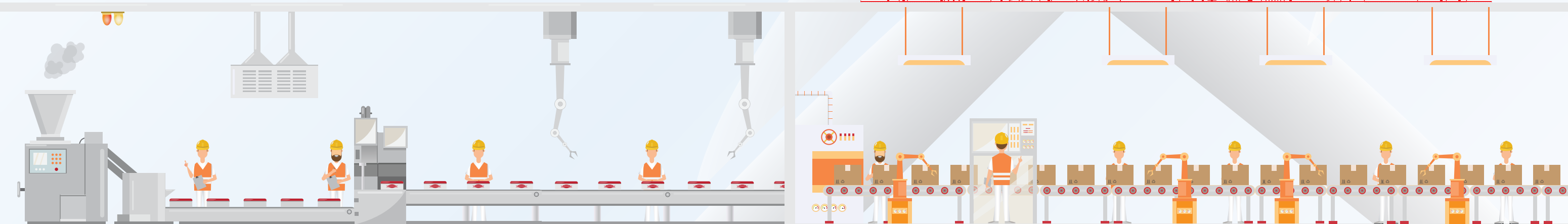
Còn lại **2.100 người** không phân loại theo trình độ được nêu ở bảng trên (tỉ lệ 52,74%)

ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC NHÂN SỰ

Con người là nhân tố quyết định sự thành công của một doanh nghiệp, KIDO luôn tạo ra môi trường làm việc an toàn, thân thiện, chuyên nghiệp với tinh thần tư duy là người làm chủ cùng nhiều cơ hội phát triển nghề nghiệp, khuyến khích nhân viên làm việc lâu dài. Việc trải nghiệm một môi trường cởi mở, làm việc đội nhóm, không giới hạn giúp nhân viên khám phá được tiềm năng của mình, luôn tin tưởng vào sự dẫn dắt từ Ban Lãnh đạo để cùng đưa Công ty thực hiện tầm nhìn, sứ mệnh đã đặt ra. Bên cạnh đó, KIDO còn tập trung vào việc xác định nhân tài, tạo cơ hội cho nhân viên phát triển nghề nghiệp tại các đơn vị trực thuộc Tập đoàn.

Song song đó, với tâm huyết trao - truyền kiến thức, Ban lãnh đạo KIDO đã thiết kế các khóa đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ dành cho cấp Quản lý, Cán bộ Công nhân viên. Mỗi chương trình đào tạo là một chuỗi các giá trị được đúc kết từ những kinh nghiệm thực tiễn và những kiến thức cập nhật mới nhất của các doanh nghiệp thành công trên thế giới. Việc chia sẻ kiến thức từ Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn đã mở ra cho nhân viên một lối tư duy khác biệt, linh hoạt, sáng tạo và thích ứng mọi hoàn cảnh thay đổi của môi trường kinh doanh, đồng thời rút ngắn thời gian để CBCNV hoàn thành công việc để đạt được mục tiêu.

Không những tạo môi trường học tập cho CBCNV, KIDO còn tạo ra những sân chơi cho các bạn trẻ thông qua chương trình thực tập sinh. Các bạn trẻ được các Anh, Chị hướng dẫn, chia sẻ và cọ xát với thực tế, được trải nghiệm và đúc kết với kiến thức đã học. Sau đó, được tuyển dụng chính thức và Tập đoàn tiếp tục ươm mầm nhằm giúp các tài năng trẻ đủ khả năng đảm nhận các vị trí quan trọng mà các đơn vị thành viên trực thuộc Tập đoàn đang mở rộng.



CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

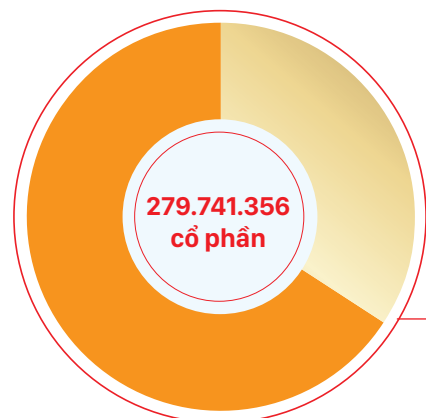
CỔ PHẦN

Tổng số cổ phần của KIDO tại ngày **31/12/2022** là **279.741.356** cổ phần (tương đương với vốn điều lệ **2.797.413.560.000 VNĐ**), trong đó:



▶ TỔNG SỐ CỔ PHẦN	279.741.356
▶ TỔNG SỐ TRÁI PHIẾU ĐANG LƯU HÀNH	Không có
■ KHỐI LƯỢNG CỔ PHIẾU ĐANG LƯU HÀNH	257.224.010 (8,0%)
■ SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU QUỸ	22.517.346 (92,0%)

Cơ cấu cổ đông theo tỷ lệ sở hữu của cổ đông lớn, cổ đông nhỏ tại ngày **23/11/2022**



Trần Lệ Nguyên	25.864.655
Công ty TNHH Một Thành Viên PPK	22.979.565
CT TNHH Đầu tư KIDO	18.554.201
STAR PACIFICA PTE. LTD.	15.345.000
Liva Holdings Limited	13.200.000
■ Cổ đông lớn	95.943.421 (34,3%)
■ Cổ đông còn lại	183.797.935 (65,7%)

Cơ cấu cổ đông theo tỷ lệ sở hữu của cổ đông tổ chức và cổ đông cá nhân tại ngày **23/11/2022**



▶ TỔNG SỐ CỔ PHẦN	279.741.356
■ Cổ đông tổ chức	154.632.515 (55,3%)
■ Cổ đông cá nhân	125.108.841 (44,7%)

Cơ cấu cổ đông theo tỷ lệ sở hữu của cổ đông trong nước và cổ đông nước ngoài tại ngày **23/11/2022**



▶ TỔNG SỐ CỔ PHẦN	279.741.356
■ Cổ đông trong nước	207.976.189 (74,3%)
■ Cổ đông nước ngoài	71.765.167 (25,7%)

Cơ cấu cổ đông theo tỷ lệ sở hữu của cổ đông nhà nước và cổ đông khác tại ngày **23/11/2022**

Cổ đông lớn	Số lượng cổ phần
Cổ đông nhà nước	0
Cổ đông khác	279.741.356
Tổng cộng	279.741.356

TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Trong năm 2022, KIDO không phát sinh thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU QUỸ

Năm 2022, KIDO đã bán 5.600.000 cổ phiếu quỹ. Số lượng cổ phiếu quỹ còn tồn là: 22.517.346 cổ phiếu.

CÁC CHỨNG KHOÁN KHÁC

Trong năm 2022, Công ty không có phát sinh các chứng khoán khác.

MẠNG LƯỚI KINH DOANH và các công ty con

MẠNG LƯỚI KINH DOANH



01 TRỤ SỞ
KINH DOANH CHÍNH



05 CÔNG TY CON



**HỆ THỐNG KÊNH PHÂN PHỐI
KHẮP CẢ NƯỚC**

15
KHO TRUNG CHUYỂN

300
NHÀ PHÂN PHỐI

450.000
ĐIỂM BÁN NGÀNH
HÀNG KHÔ

120.000
ĐIỂM BÁN NGÀNH
HÀNG LẠNH



01 NHÀ MÁY SẢN XUẤT CÁC LOẠI BÁNH TỪ BỘT
quy mô 19.044 tấn sản phẩm/năm ở Quận 12, Tp.HCM



02 NHÀ MÁY THỰC PHẨM ĐÔNG LẠNH
ở Bắc Ninh và Củ Chi



HỆ THỐNG KHO CHỨA GẦN 8.000 m²



01 XƯỞNG TINH LUYỆN DẦU

01 XƯỞNG ÉP DẦU MÈ

03 NHÀ MÁY DẦU THÀNH PHẨM
ở Nghệ An, Bà Rịa - Vũng Tàu,
Nhà Bè - Tp.HCM



BỒN CHỨA CHẤT LỎNG 22.300 m³



04 CẦU TÀU TẠI CẢNG NHÀ BÈ
chịu tải trọng: 20.000 DWT
hàng, 5.000 tấn dầu

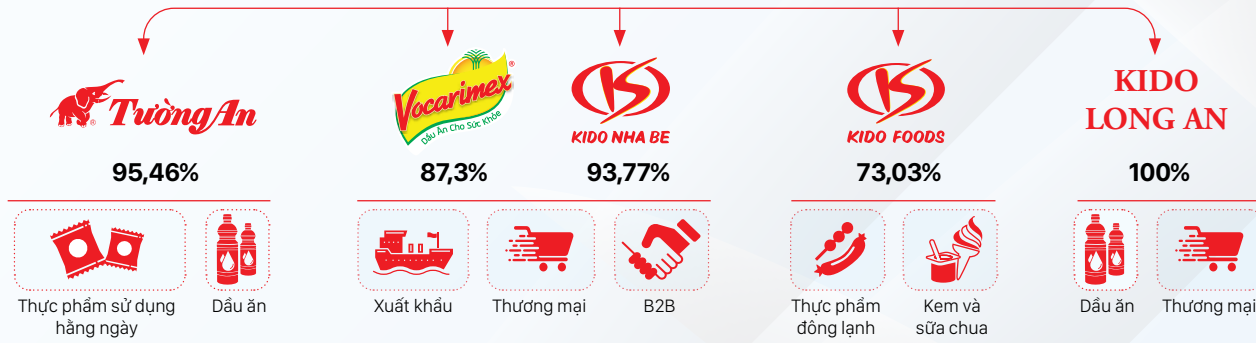
STT	Tên công ty, Tên Nhà máy	Địa chỉ
1	Công ty Cổ phần Tập đoàn KIDO Trụ sở kinh doanh chính	138 - 142 Hai Bà Trưng, Phường Đa Kao, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh.
2	Công ty Cổ phần Tập đoàn KIDO Chi nhánh	Lô 07-12, Khu A5, KCN Tân Thới Hiệp, Phường Hiệp Thành, Quận 12, Tp. Hồ Chí Minh.
3	Công ty Cổ phần Tập đoàn KIDO Văn phòng đại diện	Ô 32, Lô 10, Khu di dân Đền Lũ 1, Phường Hoàng Văn Thụ, Quận Hoàng Mai, Tp. Hà Nội.
4	Công ty Cổ phần Dầu thực vật Tường An	138 - 142 Hai Bà Trưng, Phường Đa Kao, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh.
5	Công ty Cổ phần Thực phẩm Đông lạnh KIDO	Lô A2-7, Đường số N4, Khu Công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, Ấp Cây Sộp, Xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Tp. Hồ Chí Minh.
6	Tổng Công ty Công nghiệp Dầu thực vật Việt Nam	58 Nguyễn Bình Khiêm, Phường Đa Kao, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh.
7	Công Ty TNHH KIDO Nhà Bè	370, Gò Ô Môi, Khu phố 2, Phường Phú Thuận, Quận 7, Tp. Hồ Chí Minh.
8	Nhà máy Thực phẩm Đông lạnh (Củ Chi)	Lô A2-7, Đường số N4, KCN Tây Bắc Củ Chi, Ấp Cây Sộp, Xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Tp. Hồ Chí Minh. Lô C2-3-2, Đường số D6, KCN Tây Bắc Củ Chi, Ấp Cây Sộp, Xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Tp. Hồ Chí Minh.
9	Nhà máy Thực phẩm Đông lạnh (Bắc Ninh)	Số 8 - Đường số 3A - KCN Đô Thị & DV VSIP Bắc Ninh, Phường Phù Chấn, Tp. Từ Sơn, Tỉnh Bắc Ninh
10	Xưởng tinh luyện Dầu và Xưởng ép Dầu Mè	Cảng Quận 7, Phường Phú Thuận, Quận 07, Tp. Hồ Chí Minh.
11	Nhà máy Dầu Phú Mỹ	Thị trấn Phú Mỹ, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
12	Nhà máy Dầu Vinh, Nghệ An	Phường Hưng Dũng, Tp. Vinh, Tỉnh Nghệ An.
13	Nhà máy sản xuất các loại bánh từ bột	Lô 07-12, Khu A5, KCN Tân Thới Hiệp, Phường Hiệp Thành, Quận 12, Tp. Hồ Chí Minh.

MẠNG LƯỚI KINH DOANH và các công ty con (tiếp theo)

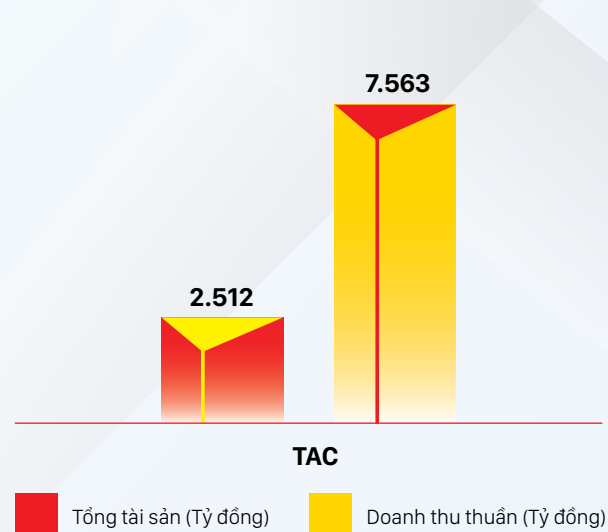
CÁC CÔNG TY CON

KIDO GROUP

TỶ LỆ ĐẦU TƯ VÀO CÁC CÔNG TY CON

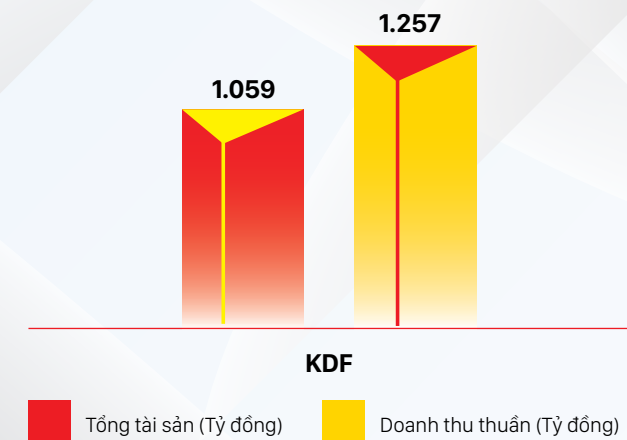


	CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN
Giấy phép hoạt động	GCNĐKKD số 4103002698 ngày 27 tháng 9 năm 2004 và các GCNĐKKD sửa đổi sau đó.
Địa chỉ	138 - 142 Hai Bà Trưng, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
Ngành nghề kinh doanh	Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm dầu thực vật, mỡ động, thực vật.
Vốn điều lệ	338.796.480.000 đồng.
Tỷ lệ sở hữu	KDC sở hữu 95,46% vốn chủ sở hữu và 95,41% quyền biểu quyết.
Giá trị kinh doanh	Nền tảng phân phối thực phẩm đóng gói rộng khắp cả nước.



Công ty Cổ phần Dầu thực vật Tường An đứng thứ 2 về thị phần dầu ăn tại Việt Nam. Bằng sự uy tín, tiên phong và chất lượng trong suốt hơn 45 năm qua, thương hiệu Tường An đã giữ một vị trí quan trọng trong lòng người tiêu dùng Việt. Giá trị thương hiệu được minh chứng qua hàng loạt giải thưởng danh giá và uy tín như: Nhiều năm liền đạt Thương hiệu Quốc gia, Top 10 Công ty Thực phẩm Uy tín năm 2022, Top 10 Thương hiệu được chọn mua nhiều nhất khu vực Thành thị năm 2022, Top 01 thương hiệu tăng trưởng tốt nhất năm 2022 theo Báo cáo dấu chân thương hiệu của Kantar Worldpanel năm 2022, hơn 25 năm đạt danh hiệu Hàng Việt Nam – Chất lượng cao do người tiêu dùng bình chọn... Đặc biệt, sản phẩm bơ thực vật Tường An giữ vững vị trí số 1 thị trường tại Việt Nam hơn 10 năm liên tiếp với thị phần 74,9% (Theo số liệu nghiên cứu thị trường từ Euromonitor, 2022).


	CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM ĐÔNG LẠNH KIDO
Giấy phép hoạt động	GCNĐKKD số 4103001557 do SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14 tháng 4 năm 2003 và các GCNĐKKD sửa đổi sau đó.
Địa chỉ	Lô A2-7, Đường số N4, Khu Công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, Ấp Cây Sộp, Xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
Ngành nghề kinh doanh	Sản xuất và kinh doanh các thực phẩm đồ ăn, thức uống như kem, sữa và các sản phẩm từ sữa, thức uống không cồn, nước khoáng và các loại thực phẩm đông lạnh.
Vốn điều lệ	541.600.000.000 đồng.
Tỷ lệ sở hữu	KDC sở hữu 73,03% vốn chủ sở hữu và 100% quyền biểu quyết.
Giá trị kinh doanh	Nền tảng phân phối thực phẩm đông lạnh hiện đại tại Việt Nam.

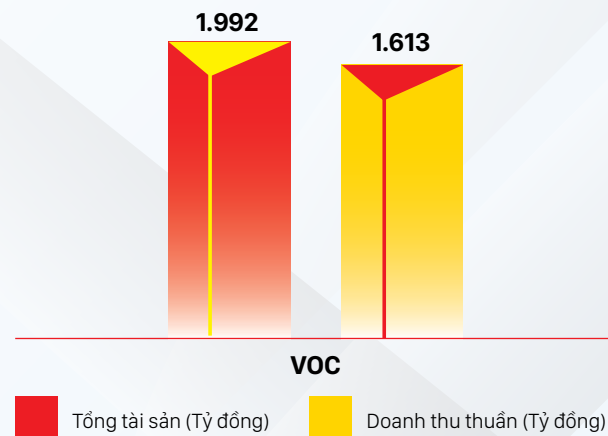


Công ty Cổ phần Thực phẩm Đông lạnh KIDO nhiều năm liền giữ vững vị trí số 1 thị trường kem, thị phần lên đến 44,5% (Theo số liệu khảo sát thị trường từ Euromonitor, 2022), trong đó thương hiệu Merino chiếm 24,2% và thương hiệu Celano chiếm 19,2% thị phần. Ngoài ra, KIDO Foods cũng vinh dự nằm trong Top 10 Công ty thực phẩm uy tín năm 2022 nhóm sữa và sản phẩm từ sữa và đạt giải thưởng Thương hiệu Quốc gia ở hai nhãn hàng Merino và Celano.


MẠNG LƯỚI KINH DOANH và các công ty con (tiếp theo)

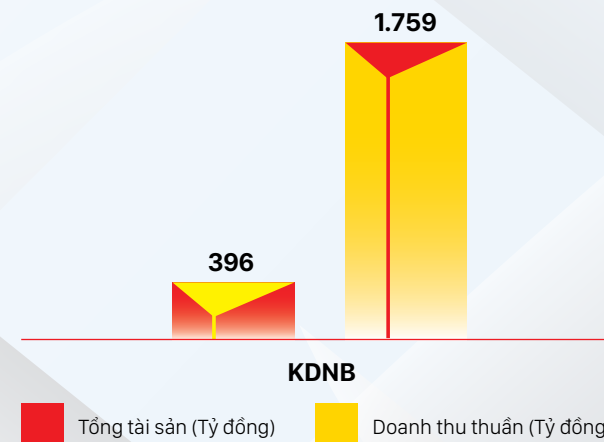
CÁC CÔNG TY CON (tiếp theo)

	TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP DẦU THỰC VẬT VIỆT NAM
Giấy phép hoạt động	GCNĐKKD số 0300585984 do SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31 tháng 12 năm 2014.
Địa chỉ	58 Nguyễn Bình Khiêm, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
Ngành nghề kinh doanh	Sản xuất và kinh doanh dầu, mỡ động, thực vật.
Vốn điều lệ	1.218.000.000.000 đồng.
Tỷ lệ sở hữu	KDC sở hữu 87,3% vốn chủ sở hữu và 87,3% quyền biểu quyết.
Giá trị kinh doanh	Nền tảng hậu cần vững mạnh về nhập khẩu, lưu trữ và phân phối dầu ăn.



Tổng Công ty Công nghiệp Dầu thực vật Việt Nam (Vocarimex) là doanh nghiệp có vốn nhà nước được thành lập với mục đích đẩy mạnh phát triển nền công nghiệp dầu ăn tại Việt Nam. Trong những năm qua, Vocarimex đã đầu tư và thúc đẩy sự phát triển của ngành công nghiệp với nhiều đối tác chiến lược trong khu vực. Bằng nhiều thương vụ đầu tư chiến lược, năng lực sản xuất và hệ thống kho vận, logistic lớn mạnh, Vocarimex đã trở thành công ty hàng đầu trong phân phối nguyên liệu cho các ngành công nghiệp dầu ăn tại Việt Nam.

	CÔNG TY TNHH KIDO NHÀ BÈ (KDNB)
Giấy phép hoạt động	GCNĐKKD số 0300832672 do SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 9 tháng 9 năm 2008 và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó.
Địa chỉ	370, Gò Ô Môi, Khu phố 2, Phường Phú Thuận, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
Ngành nghề kinh doanh	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật.
Vốn điều lệ	97.702.126.518 đồng.
Tỷ lệ sở hữu	KDC sở hữu 93,77% vốn chủ sở hữu và 100% quyền biểu quyết.
Giá trị kinh doanh	Nền tảng khách hàng công nghiệp rộng lớn.



Công ty TNHH KIDO Nhà Bè là công ty dầu ăn thương mại tích hợp lớn thứ ba tại Việt Nam.

KIDO LONG AN	CÔNG TY TNHH KIDO LONG AN
Giấy phép hoạt động	GCNĐKKD số 1102018632, đăng ký lần đầu ngày 17 tháng 10 năm 2022.
Địa chỉ	Lô B2, đường số 3, KCN Đông Nam Á, Long An, Xã Tân Lập, Huyện Cần Giuộc, Tỉnh Long An, Việt Nam.
Ngành nghề kinh doanh	Buôn bán, sản xuất thực phẩm và đồ uống.
Vốn điều lệ	250.000.000.000 đồng.
Tỷ lệ sở hữu	KDC sở hữu 100% vốn chủ sở hữu.
Giá trị kinh doanh	Nền tảng phân phối thực phẩm đóng gói khu vực Đồng Bằng Sông Cửu Long.

Công ty TNHH KIDO Long An là thành viên mới của Tập đoàn KIDO, thực hiện nhiệm vụ thương mại dầu ăn tích hợp với việc phân phối các thực phẩm đóng gói tại khu vực Đồng Bằng Sông Cửu Long và toàn quốc theo định hướng chung của Tập đoàn.

CÁC CÔNG TY LIÊN KẾT



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Ông TRẦN KIM THÀNH

Thành viên sáng lập,
Chủ tịch Hội đồng Quản trị Tập đoàn.

Thành viên sáng lập Tập đoàn KIDO với hơn 30 năm kinh nghiệm điều hành và quản trị doanh nghiệp cùng tầm nhìn chiến lược, hài hòa giữa khả năng quyết đoán và sự cẩn trọng trong quản lý rủi ro, ông Thành đóng vai trò then chốt trong các chiến lược phát triển của Tập đoàn. Luôn nhạy bén nắm bắt cơ hội, phân tích rủi ro và đưa ra những quyết định để đạt mục tiêu. Ông đang dẫn dắt KIDO hướng đến mục tiêu trở thành một trong những Tập đoàn thực phẩm lớn nhất Việt Nam.

Ông dành trọn tâm huyết cho mọi hoạt động và trong từng cột mốc, giai đoạn phát triển của Tập đoàn KIDO, ông luôn truyền cảm hứng và định hướng phát triển rõ ràng cho Tập đoàn KIDO và các công ty thành viên. Quan tâm và xây dựng thể hệ lãnh đạo kế thừa tài năng, chiến lược của ông là tạo ra một công ty tốt nhất với đội ngũ nhân sự và quy trình vận hành chuyên nghiệp.

Ông Thành là doanh nhân nhiều kinh nghiệm trong quản lý và điều hành kinh doanh, bên cạnh vai trò là Chủ tịch Hội đồng Quản trị Tập đoàn KIDO, ông Thành còn là thành viên Ban Quản trị của một loạt các Tập đoàn khác hoạt động trong lĩnh vực kinh tế tư nhân.



Ông TRẦN LỆ NGUYỄN

Đồng sáng lập, Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị
& Tổng Giám đốc Điều hành Tập đoàn.

Là doanh nhân nhiều kinh nghiệm trong việc tạo lập và phát triển các doanh nghiệp, ông Trần Lệ Nguyễn là thành viên sáng lập Tập đoàn KIDO. Trong vai trò là thành viên sáng lập và Tổng Giám đốc Điều hành, ông đóng vai trò chủ chốt trong sự phát triển của Tập đoàn KIDO suốt 30 năm qua. Dưới sự điều hành của mình, ông đã góp phần quan trọng dẫn dắt KIDO phát triển, trở thành một trong các thương hiệu nổi tiếng tại Việt Nam và sở hữu một danh mục sản phẩm phong phú, chiếm lĩnh thị trường. Ông đã dẫn dắt các thương vụ M&A của Tập đoàn KIDO và xây dựng danh mục đa dạng của các thương hiệu góp phần vào quá trình hình thành của KIDO ngày nay.

Ông hiện là Ủy viên Ban chấp hành Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI), Ủy viên Ủy Ban Mặt trận Tổ quốc Thành phố Hồ Chí Minh và là thành viên Hội đồng Quản trị của nhiều công ty lớn khác tại Việt Nam.



Bà VƯƠNG BỬU LINH

Đồng sáng lập, Thành viên HĐQT
& Phó Tổng Giám đốc Tập đoàn

Là một trong các thành viên sáng lập, bà Linh hiện là Thành viên Hội đồng Quản trị và là Phó Tổng Giám đốc Tập đoàn KIDO.

Trong giai đoạn đầu khi sáng lập Tập đoàn, bằng kinh nghiệm trong quản lý, điều hành sản xuất, bà đã giúp Công ty vượt qua những thách thức và ngày càng mở rộng quy mô trên thị trường. Bên cạnh đó, cùng với khả năng và am hiểu sâu sắc trong lĩnh vực quản lý, điều hành chuỗi cung ứng, quản lý chi phí, đảm bảo chất lượng và nâng cao lợi thế cạnh tranh của doanh nghiệp, bà đã xây dựng và phát triển các Phòng, Ban trong chuỗi cung ứng của Tập đoàn, góp phần quan trọng trong việc hình thành nên một trong các doanh nghiệp thực phẩm lớn nhất Việt Nam.

Bà Linh là "kiến trúc sư" trưởng trong việc triển khai hệ thống ERP (Hoạch định Tài nguyên Doanh nghiệp) trong Tập đoàn KIDO nhằm tăng cường khả năng của Tập đoàn trong việc ra các quyết định kịp thời và chính xác. Bên cạnh năng lực quản lý chuyên sâu, bà còn có kinh nghiệm trong lĩnh vực đầu tư giáo dục.



Bà VƯƠNG NGỌC XIÊM

Đồng sáng lập, Thành viên HĐQT
& Phó Tổng Giám đốc Tập đoàn

Bà là một trong các thành viên sáng lập, bà Xiêm hiện là Thành viên HĐQT và là Phó Tổng Giám đốc Tập đoàn KIDO. Với trên 20 năm kinh nghiệm trong việc điều hành chuỗi bán lẻ và nhượng quyền chuỗi cửa hàng Bakery, bà đã có những đóng góp vào quá trình quản lý và điều hành doanh nghiệp từ những ngày đầu mới thành lập.

Linh động, sáng tạo trong cách tiếp cận và mở rộng thị trường trong chuỗi cửa hàng bán lẻ, bà đã giúp thương hiệu của Công ty ngày càng gắn kết với người tiêu dùng thông qua việc phân phối các sản phẩm đảm bảo chất lượng, an toàn, dinh dưỡng và phù hợp với xu hướng tiêu dùng. Với kinh nghiệm và cách tiếp cận thực tế của mình, bà giữ vai trò chủ chốt trong đội ngũ quản lý, đóng góp to lớn vào sự phát triển và thành công của Tập đoàn KIDO trong suốt 30 năm qua.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ! (tiếp theo)

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ! (tiếp theo)

Ông **TRẦN QUỐC NGUYỄN**

Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Tập đoàn & Tổng Giám đốc Điều hành Công ty Cổ phần Thực phẩm Đông lạnh KIDO

Ông Nguyễn có hơn 20 năm kinh nghiệm trong việc quản lý và điều hành các công ty thành viên thuộc Tập đoàn KIDO. Ông hiện là Thành viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc Tập đoàn, đồng thời kiêm nhiệm vai trò Tổng giám đốc điều hành Công ty Cổ phần Thực phẩm Đông lạnh KIDO. Trên cương vị của mình, ông đã góp phần quan trọng vào sự phát triển và mở rộng hoạt động kinh doanh của mảng thực phẩm đông lạnh.

Ông đóng vai trò lớn trong việc phát triển danh mục sản phẩm, từ kem, các sản phẩm từ sữa cho đến thực phẩm đông lạnh, cũng như mở rộng kênh phân phối để đưa Công ty trở thành doanh nghiệp có hệ thống phân phối sản phẩm đông lạnh hàng đầu Việt Nam, là người có vai trò lớn trong việc xây dựng hai thương hiệu kem lớn nhất tại Việt Nam hiện nay.



Ông **NGUYỄN ĐỨC TRÍ**

Thành viên HĐQT

Ông Trí là thành viên HĐQT độc lập của Tập đoàn KIDO từ năm 2013. Là Tiến sĩ chuyên ngành Quản trị Kinh doanh tại Đại học Công nghệ Nanyang ở Singapore, ông Trí đã làm cho một công ty sản xuất đường thuộc Bộ Nông nghiệp và tham gia giảng dạy cho Đại học Touro University International nay là Trident University International (California, Hoa Kỳ); Khoa Kinh tế tại Đại học Ritssho (Tokyo, Nhật bản); trường Đại học Kinh tế TP. HCM và các chương trình đào tạo liên kết khác tại Việt Nam. Năm 2016, ông đã được bổ nhiệm vào vị trí Phó Giáo sư tại Trường Đại học Khoa học Ứng dụng Stenden, nay là NHL Stenden University of Applied Sciences (Hà Lan).



Ông **NGUYỄN VĂN THUẬN**

Thành viên HĐQT

Ông Thuận là Thành viên HĐQT độc lập của Tập đoàn KIDO. Là Tiến sĩ Kinh tế, ông Thuận hiện là Trưởng khoa Thuế - Hải quan, Đại học Tài chính - Marketing. Ông có hơn 35 năm kinh nghiệm giảng dạy trong lĩnh vực Ngân hàng và Tài chính.

Bên cạnh công việc chuyên môn tại trường đại học, ông cũng là cố vấn tài chính cho các công ty và tổ chức nước ngoài tại Việt Nam.



Bà **NGUYỄN THỊ XUÂN LIỄU**

Thành viên Hội đồng Quản trị làm Trưởng ban Kiểm toán nội bộ
Phó Tổng Giám đốc Tập đoàn
TGD Tổng Công ty Công nghiệp Dầu thực vật Việt Nam
Chủ tịch HĐQTV KIDO Nhà Bè

Bà Nguyễn Thị Xuân Liễu đã gắn bó với Tập đoàn KIDO từ năm 2014 và hiện nay đang là Phó Tổng Giám đốc Tập đoàn KIDO, Chủ tịch Hội đồng Thành viên Công ty TNHH KIDO Nhà Bè, Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Dầu Thực vật Tường An, Tổng Giám đốc Tổng Công ty Công nghiệp Dầu Thực vật Việt Nam - CTCP (Vocarimex). Bà là Tiến sĩ Kinh tế, bà đã có nhiều năm kinh nghiệm và giữ các vị trí quản lý cấp cao về Tài chính của hệ thống Ngân hàng Thương mại Việt Nam.

Bà đã vinh dự được nhận bằng khen của Thủ tướng Chính phủ; Bằng khen của các Bộ, Ngành; Giải thưởng Doanh nhân Việt Nam; Giải thưởng Bông Hồng Vàng và Huân chương Lao động của Chủ tịch Nước trao tặng.



Ông **NGUYỄN GIA HUY CHƯƠNG**

Thành viên HĐQT

Ông Chương là thành viên độc lập của HĐQT thuộc Tập đoàn KIDO từ năm 2013. Ông tốt nghiệp Thạc sĩ Luật Thương mại Quốc tế tại Trường Luật Bristol (Đại học Tây Anh Quốc UWE, Vương quốc Anh). Ông Chương là đồng sáng lập và Giám đốc Điều hành của Công ty Luật TNHH Global Vietnam Lawyers GV Lawyers. Ông có hơn 20 năm kinh nghiệm trong hành nghề luật sư tư vấn cho các công ty đa quốc gia và tập đoàn lớn tại Việt Nam trong các giao dịch quốc tế thuộc nhiều lĩnh vực đầu tư. Ông được công nhận là Top 100 luật sư hàng đầu tại Việt Nam trong nhiều năm liên tiếp, thông qua các niên giám luật sư ở tầm khu vực Đông Nam Á và Châu Á Thái Bình Dương như Asian Legal Business (ALB), IFLR1000, Legal500, InHouse-Community (IHC),...



CÁC TIỂU BAN TRONG HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Tiểu ban trong Hội đồng Quản trị gồm Kiểm toán nội bộ trực thuộc HĐQT Công ty.

Bà Nguyễn Thị Xuân Liễu – thành viên Hội đồng Quản trị làm Trưởng ban Kiểm toán nội bộ.

BAN KIỂM SOÁT

THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Bà NGUYỄN THỊ NGỌC CHI

Trưởng Ban Kiểm soát

Bà Chi tốt nghiệp đại học Kinh tế năm 2007 chuyên ngành Kế Toán Kiểm Toán và cũng trong năm này bắt đầu làm việc tại phòng Kiểm toán Nội bộ Tập đoàn. Năm 2012, bà tốt nghiệp Thạc sĩ chuyên ngành Tài Chính ngân hàng tại Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh. Hiện bà Chi là Trưởng phòng Ngân sách Tập đoàn KIDO và kiêm nhiệm vị trí Phó Giám đốc điều hành KIDO Nhà Bè.



Bà LƯƠNG MỸ DUYÊN

Thành viên Ban Kiểm soát

Bà Duyên bắt đầu làm việc cho Tập đoàn KIDO từ năm 1993 và đã nắm giữ nhiều vị trí quan trọng bao gồm Phó phòng Kế toán và Kế toán trưởng của KIDO. Từ năm 2006, bà Duyên giữ vị trí Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Bất động sản KIDO. Bà tốt nghiệp Đại học chuyên ngành Tài chính Kế toán.



Ông LƯƠNG QUANG HIỂN

Thành viên Ban Kiểm soát

Ông Hiễn có hơn 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Tài chính, Quản lý và Giao dịch Tài chính. Trong thời gian 12 năm làm việc tại KIDO từ năm 1999 - 2011, ông đã tham gia vào việc quản lý tài chính, quan hệ đối tác, cũng như tham gia một loạt các thương vụ mua bán và sáp nhập (M&A) và các dự án tái cấu trúc. Ngoài vị trí Trưởng ban Kiểm soát của KIDO, ông là Giám đốc Điều hành Công ty Cổ phần Hùng Vương.

Ông Hiễn tốt nghiệp Đại học Ngoại Thương TP. HCM và có bằng Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh tại Đại học Washington State, Hoa Kỳ.



ỦY BAN KIỂM TOÁN

Hiện tại, nhân sự trong Ban Kiểm Soát đang thực hiện các hoạt động quản trị công ty khá tốt nên việc thành lập các tiểu ban trong Ban Kiểm Soát chưa thật sự cần thiết trong giai đoạn này.



BAN ĐIỀU HÀNH

THÀNH VIÊN BAN ĐIỀU HÀNH



Ông TRẦN LỆ NGUYỄN

Đồng sáng lập, Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị & Tổng Giám đốc Điều hành Tập đoàn.

Là doanh nhân nhiều kinh nghiệm trong việc tạo lập và phát triển các doanh nghiệp, ông Trần Lệ Nguyễn là thành viên sáng lập Tập đoàn KIDO. Trong vai trò là thành viên sáng lập và Tổng Giám đốc Điều hành, ông đóng vai trò chủ chốt trong sự phát triển của Tập đoàn KIDO suốt 30 năm qua. Dưới sự điều hành của mình, ông đã góp phần quan trọng dẫn dắt KIDO phát triển, trở thành một trong các thương hiệu nổi tiếng tại Việt Nam và sở hữu một danh mục sản phẩm phong phú, chiếm lĩnh thị trường. Ông đã dẫn dắt các thương vụ M&A của Tập đoàn KIDO và xây dựng danh mục đa dạng của các thương hiệu góp phần vào quá trình hình thành của KIDO ngày nay.

Ông hiện là Ủy viên Ban chấp hành Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI), Ủy viên Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Thành phố Hồ Chí Minh và là thành viên Hội đồng Quản trị của nhiều công ty lớn khác tại Việt Nam.



Bà NGUYỄN THỊ XUÂN LIỄU

Thành viên HĐQT
Phó Tổng Giám đốc Tập đoàn
TGD Tổng Công ty Công nghiệp Dầu thực vật Việt Nam
Chủ tịch HĐQT KIDO Nhà Bè

Bà Nguyễn Thị Xuân Liễu đã gắn bó với Tập đoàn KIDO từ năm 2014 và hiện nay đang là Phó Tổng Giám đốc Tập đoàn KIDO, Chủ tịch Hội đồng Thành viên KIDO Nhà Bè, Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Dầu thực vật Tường An, Tổng Giám đốc Tổng Công ty Công nghiệp Dầu thực vật Việt Nam - CTCP (Vocarimex). Bà là Tiến sĩ Kinh tế, đã có nhiều năm kinh nghiệm và giữ các vị trí quản lý cấp cao về Tài chính của hệ thống Ngân hàng Thương mại Việt Nam.

Bà đã vinh dự được nhận bằng khen của Thủ tướng Chính phủ; Bằng khen của các Bộ, Ngành; Giải thưởng Doanh nhân Việt Nam; Giải thưởng Bông Hồng Vàng và Huân chương Lao động của Chủ tịch Nước trao tặng.



Ông BÙI THANH TÙNG

Phó Tổng Giám đốc Tập đoàn
TGD Công ty Cổ phần Dầu thực vật Tường An
TGD Công ty TNHH KIDO Nhà Bè
Phó Tổng Giám đốc Điều hành Tổng Công ty Công nghiệp Dầu thực vật Việt Nam.

Ông Tùng có gần 30 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh tại doanh nghiệp trong nước và nước ngoài. Đặc biệt, ông am hiểu sâu sắc hoạt động vận hành theo mô hình SBU mà KIDO đang vận hành. Hiện ông là Phó Tổng Giám đốc Tập đoàn, Tổng Giám đốc KIDO Nhà Bè, Tổng Giám đốc Điều hành tại Công ty Cổ phần Dầu thực vật Tường An và Phó Tổng giám đốc điều hành Tổng Công ty Công nghiệp Dầu thực vật Việt Nam (Vocarimex).

Ông tốt nghiệp Khoa Quản trị Kinh doanh trường Đại học Kinh tế và hoàn thành khóa đào tạo Kỹ năng lãnh đạo cấp cao của Trường Đại học UCLA Anderson (Los Angeles, Mỹ).



Ông MAI XUÂN TRÂM

Phó Tổng Giám đốc Tập đoàn
Phó TGD Điều hành Công ty CP Thực phẩm đông lạnh KIDO

Gia nhập Tập đoàn KIDO hơn 22 năm, ông là một trong những người đầu tiên xây dựng và vận hành mô hình hệ thống phân phối của Tập đoàn. Hiện ông là thành viên của Tập đoàn có nhiệm vụ điều hành các hoạt động kinh doanh ngành hàng có điều kiện của công ty. Là một người am hiểu thị trường, có tầm nhìn chiến lược cũng như hoạch định và xây dựng hệ thống quản trị điều hành, ông có sự thông hiểu sâu sắc về công ty, mức độ cạnh tranh và thị trường qua kinh nghiệm thực tiễn làm việc. Ông tốt nghiệp Cử nhân Quản trị Kinh doanh tại Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh và tốt nghiệp MBA tại trường California Miramar University (Mỹ).

BAN ĐIỀU HÀNH (tiếp theo)

THÀNH VIÊN BAN ĐIỀU HÀNH (tiếp theo)



Ông WANG CHING HUA

Phó Tổng Giám đốc Tập đoàn

Ông Wang có hơn 30 năm kinh nghiệm hoạt động trong ngành công nghiệp sản xuất và chế biến thực phẩm. Với kinh nghiệm của mình ông đã góp phần cùng các sáng lập viên của Tập đoàn đặt nền móng cho các hoạt động sản xuất của KIDO từ những ngày đầu mới thành lập đến việc mở rộng quy mô sản xuất của KIDO trên thị trường thực phẩm tại Việt Nam hiện nay. Hiện ông đảm nhiệm vị trí Phó Tổng Giám đốc Tập đoàn.



Ông TRẦN TIẾN HOÀNG

Phó Tổng Giám đốc Tập đoàn

Ông Hoàng gia nhập Tập đoàn KIDO từ năm 1997 và đã có hơn 25 năm kinh nghiệm trong việc quản lý và điều hành hệ thống mua hàng trong lĩnh vực hàng tiêu dùng (FMCG). Năm 2011, ông được bổ nhiệm vị trí Phó Tổng Giám đốc Chuỗi cung ứng.

Hiện nay, ông là Phó Tổng giám đốc đảm trách mảng supply chain của toàn Tập đoàn. Ông tốt nghiệp Cử nhân Trường Đại học Kinh tế và khóa học về Đào tạo Kỹ năng Lãnh đạo Cấp cao của Trường Đại học UCLA Anderson (Los Angeles, Mỹ).

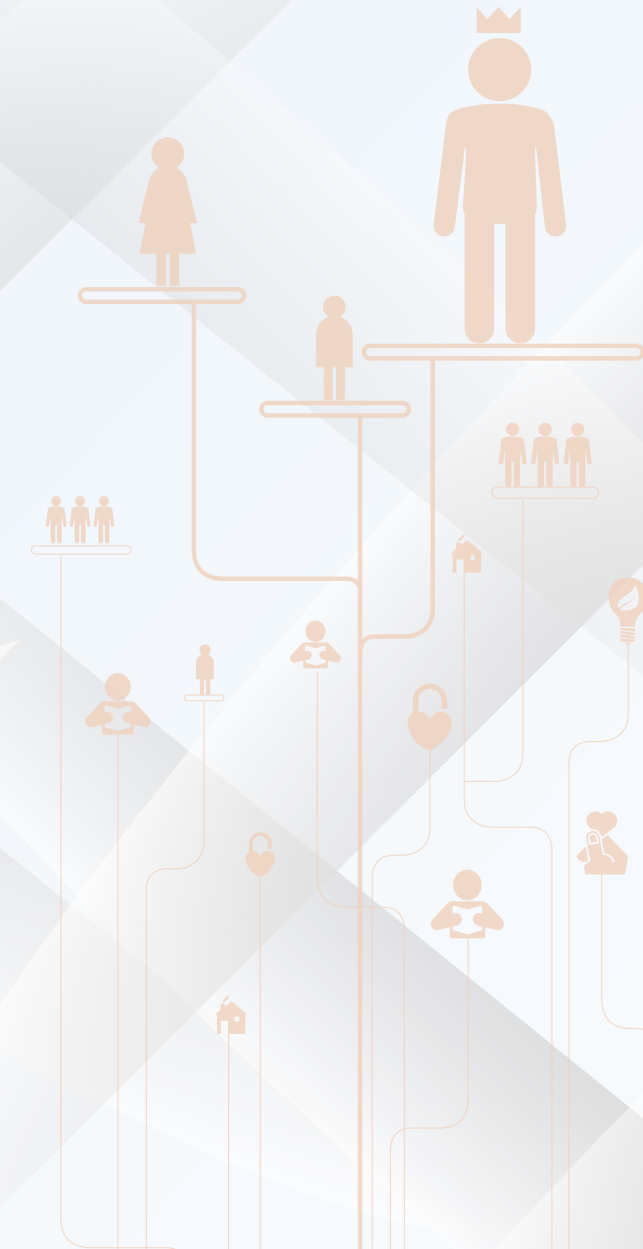


Ông MÃ THANH DANH

Phó Tổng Giám đốc Tập đoàn

Ông Mã Thanh Danh đã gắn bó với Tập đoàn KIDO từ những ngày đầu thành lập. Ông được bổ nhiệm vị trí Phó Tổng Giám đốc Tập đoàn từ năm 2013, phụ trách mảng quản lý rủi ro và kiểm soát nội bộ cho Tập đoàn. Ông có hơn 13 năm kinh nghiệm trong quản lý chiến lược kinh doanh, tư vấn quản lý thương hiệu, mua bán và sáp nhập (M&A).

Ông còn là chuyên gia tư vấn thực thi BigData cho nhiều doanh nghiệp tại Việt Nam. Ông có bằng Cử nhân Kỹ sư Điện, Cử nhân Quản trị Kinh doanh tại Đại học Kinh tế, Thạc sĩ Quản trị Doanh nghiệp chuyên ngành Chiến lược Kinh doanh Quốc tế và Quản lý Thương hiệu tại Vương quốc Bỉ.



NHỮNG THAY ĐỔI TRONG BAN ĐIỀU HÀNH

Trong năm 2022, KIDO chưa có bất kỳ sự thay đổi nào trong Ban Điều Hành.

VỮNG TIN ĐỔI MỚI TĂNG TỐC DẪN ĐẦU

BÁO CÁO CHIẾN LƯỢC



THÔNGIỆP của Tổng Giám đốc Điều Hành

ĐỨNG TRƯỚC NHỮNG KHÓ KHĂN CHUNG CỦA NỀN KINH TẾ, TẬP ĐOÀN KIDO ĐỀ RA NHỮNG CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN CHO TỪNG GIAI ĐOẠN, ĐỒNG THỜI NỖ LỰC ĐỂ DUY TRÌ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC NGÀNH HÀNG.

Năm 2022, tình hình dịch Covid - 19 tại Việt Nam đã gần như được kiểm soát. Đời sống người dân, tình hình du lịch, các hoạt động phát triển kinh tế xã hội... dần được kích hoạt trở lại. Dù vậy, cùng với sự phát triển trong thời bình thường mới, những khó khăn, thách thức mới đã dần xuất hiện như: Xung đột quân sự giữa Nga và Ukraina kéo dài; lạm phát duy trì ở mức cao, nhất là ở châu Âu và Mỹ; xu hướng tăng lãi suất, thu hẹp chính sách tiền tệ ở nhiều quốc gia; thời tiết diễn biến bất thường ở nhiều châu lục... Những biến động của tình hình kinh tế - xã hội trong nước và thế giới đã khiến nhiều doanh nghiệp tại Việt Nam bị ảnh hưởng nghiêm trọng, dẫn đến đóng cửa doanh nghiệp hoặc cắt giảm nhân sự.

Với gần 90% nguồn nguyên liệu được nhập khẩu từ thị trường quốc tế (Ngành dầu), KIDO là một trong những đơn vị chịu ảnh hưởng lớn bởi những tác động nêu trên khi giá nguyên liệu tăng nhưng giá bán trên thị trường vẫn không có sự thay đổi đáng kể, chi phí quản lý doanh nghiệp tăng cao... Đứng trước những khó khăn chung của nền kinh tế, Tập đoàn KIDO đề ra những chiến lược phát triển cho từng giai đoạn, đồng thời nỗ lực để duy trì hoạt động của các ngành hàng. Cụ thể, hoạt động của từng ngành hàng như sau:



NGÀNH HÀNG LẠNH

Kết quả rõ nét và thành công nhất của ngành hàng năm 2022 phải kể đến chiến dịch khuyến mãi LAP mùa hè: **"Kem Ngon liền tay - Trúng ngay quà đình"**, chiến dịch LAP mùa đông **"Ngại chỉ mùa đông – Ăn kem ở nhà trúng quà thả ga"** triển khai cho vùng miền Bắc và miền Trung đã tạo ra những tín hiệu rất tích cực để tăng doanh thu cho mùa thấp điểm của ngành. Song song đó, ngành hàng cũng đã tiếp tục triển khai hoạt động **"Mang kem về nhà"** nhằm thâm nhập tiêu dùng take home.

Với nhiều hoạt động cùng chương trình quảng bá đã được triển khai, ngành hàng kem của KIDO tiếp tục giữ vững vị thế dẫn đầu thị trường kem tại Việt Nam với thị phần chiếm 44,5%, trong đó thương hiệu Merino chiếm 24,2% và thương hiệu Celano chiếm 19,2% thị phần (Theo số liệu khảo sát thị trường của Euromonitor 2022).

NGÀNH HÀNG DẦU ĂN

Đứng trước những biến động của thế giới gây ra tình trạng chuỗi cung ứng bị đứt gãy, giá nguyên vật liệu biến động mạnh và chi phí vận chuyển tăng cao, khó khăn trong lịch vận chuyển, sắp xếp tàu thuyền... Tập đoàn đã không ngừng cập nhật, dự báo tình hình để từ đó linh hoạt trong việc điều tiết nguồn nguyên liệu, tối ưu hóa chi phí, kết hợp với khai thác tối ưu hiệu quả chuỗi cung ứng, gia tăng công suất sức chứa của các bồn để đảm bảo nguồn dự trữ cho sản xuất.

Năm 2022, ngành dầu đã chủ động tập trung phát triển sản phẩm trung và cao cấp, đẩy mạnh hoạt động ở các kênh bán hàng bằng việc thực hiện loạt chương trình kích hoạt thương hiệu như chiến dịch **"Tướng An 45 năm - Lan tỏa hạnh phúc"**; **"Chuyến xe hạnh phúc"** đến các tỉnh thành Việt Nam với loạt hoạt động mua hàng khuyến mãi, chơi game và check-in nhận quà, kích cầu mua sắm, gia tăng gắn kết với người tiêu dùng; Chiến dịch **"Tết có Tướng An - Cát Tướng An Khang"**... Ngoài ra, KIDO đã đẩy mạnh hoạt động bán hàng thông qua việc mở rộng khối khách hàng thương mại và khách hàng công nghiệp trên toàn quốc, các cơ sở sử dụng dầu ăn trong sản xuất và chế biến các sản phẩm địa phương, tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động xuất khẩu.

Bên cạnh tập trung cho hoạt động hướng về thị trường, năm 2022, thông qua việc đẩy mạnh sản xuất, đầu tư máy móc thiết bị, nâng cấp công suất..., ngành dầu ăn tiếp tục phát triển và giữ vững vị trí thứ 2 toàn ngành tại Việt Nam, dẫn đầu mảng bơ thực vật với 74,9% thị phần (Theo số liệu từ Euromonitor, 2022).

THÔNGIỆP của Tổng Giám đốc Điều Hành (tiếp theo)

ĐỐI VỚI NGÀNH HÀNG KHÁC

Dù 2022 là năm đầu tiên đánh dấu sự trở lại của KIDO ở mảng bánh trung thu với thương hiệu KIDO's Bakery với mong muốn tái kích hoạt giá trị truyền thống của mùa trung thu Việt Nam. Là thương hiệu "tuy mới nhưng cũ", KIDO's Bakery đã tiếp tục nhận được sự đón nhận của người tiêu dùng Việt với hơn 300 tấn bánh đã được sản xuất và cung ứng ra thị trường. Về kết quả đạt được, bánh trung thu KIDO's Bakery dù mới ra mắt nhưng đã nằm trong Top 3 thương hiệu lớn về quy mô kinh doanh. Song song đó, các sản phẩm bánh tươi KIDO's Bakery cũng dần ghi dấu ấn trên thị trường và đó là tín hiệu tích cực để KIDO chính thức chinh phục thị trường phía Bắc.

Với sự nỗ lực, quyết tâm của Ban Tổng Giám đốc cùng tinh thần đoàn kết, nhiệt huyết và trách nhiệm cao trên mọi lĩnh vực công tác của CBCNV Tập đoàn, năm 2022, KIDO vẫn giữ được đà tăng trưởng. Theo đó, đứng trước những tác động khách quan của thị trường, từ nền kinh tế, cùng sự gia tăng mạnh của nguyên vật liệu lẫn chi phí quản lý doanh nghiệp, tổng kết năm 2022, **doanh thu thuần của Tập đoàn KIDO đạt 12.535 tỷ đồng, hoàn thành 89,5% kế hoạch năm**, tăng 19,4% so với năm 2021. Lợi nhuận trước thuế năm 2022 đạt 511 tỷ đồng, hoàn thành 56,7% kế hoạch đề ra của cả năm. Đây là kết quả chưa thực sự phản ánh đầy đủ năng lực của KIDO và chúng tôi cần phải thể hiện rõ ràng, phát huy mạnh mẽ và phát triển vượt bậc hơn trong thời gian tới.

Bên cạnh hoạt động sản xuất kinh doanh, Tập đoàn KIDO và các công ty thành viên trong năm qua cũng đã được vinh danh ở nhiều giải thưởng danh giá như: 16 năm liên tiếp có sản phẩm đạt thương hiệu quốc gia (KIDO); Top 50 Công ty Đại chúng Uy tín & Hiệu quả năm 2022 (KIDO); Top 25 Thương hiệu Công ty F&B dẫn đầu (KIDO); Top 50 Doanh nghiệp có lợi nhuận xuất sắc nhất Việt Nam 2022 (KIDO); Top 50 Công ty kinh doanh hiệu quả nhất Việt Nam (KIDO); Doanh nghiệp TP. Hồ Chí Minh tiêu biểu 2022 (KIDO); Top 10 Thương hiệu được chọn mua nhiều nhất khu vực thành thị 2022 (Tương An); Top 10 Công ty Thực phẩm Uy tín 2022 (Tương An & KIDO Foods)... Đây là những đánh giá tích cực cho những nỗ lực của Tập đoàn trong hành trình chinh phục người tiêu dùng Việt Nam.

Thưa Quý cổ đông,

Năm 2023, tình hình kinh tế được dự báo sẽ tiếp tục diễn biến phức tạp khi chiến sự giữa Nga - Ukraina vẫn chưa có hồi kết, chuỗi cung ứng toàn cầu vẫn còn bị ảnh hưởng... Do đó, nền kinh tế chắc chắn sẽ vẫn còn nhiều khó khăn, tình hình lạm phát còn diễn biến phức tạp trong thời gian tới. Dù vậy, với nền tảng phát triển bền vững, dự địa tăng trưởng ổn định ở những ngành hàng mà KIDO tham gia, và theo định hướng chiến lược cho giai đoạn 05 năm kế tiếp là **"Quản trị Tập trung" (Centralized Management)**, được thể hiện trên 05 khía cạnh: Chiến lược vận hành - Phát triển & Quản trị Thương hiệu - Phát triển Hệ thống Kênh phân phối - Quản trị Nhân sự - Tài chính & Đầu tư, Tập đoàn KIDO hứa hẹn sẽ tiếp tục mang lại giá trị dài hạn cho Cổ đông.

Cùng với chiến lược nêu trên, Tập đoàn tiến hành cơ cấu lại về cách thức tổ chức vận hành và tập trung đẩy mạnh mở rộng ở 04 ngành hàng chủ chốt: **Đậu ăn; Kem; Bánh kẹo; Gia vị**, hướng đến mục tiêu dẫn đầu ở những ngành hàng mà Tập đoàn tham gia. Trong đó, định hướng cho từng ngành được hoạch định cụ thể như sau:

- **Ngành hàng đậu ăn:** Mở rộng các sản phẩm cạnh tranh chiến lược, đa dạng phân khúc từ phổ thông cho đến trung và cao cấp, mang đến nhiều sự lựa chọn cho người tiêu dùng toàn quốc; Gia tăng độ phủ sản phẩm, tập trung đa dạng hóa kênh phân phối, mở rộng danh mục sản phẩm ngành bơ thực vật... Tương An sẽ tiếp tục khẳng định vị thế và trở thành thương hiệu mang tầm vóc quốc gia.
- **Ngành hàng kem:** Tập trung vào mục tiêu giữ vững vị thế số 1 và gia tăng thị phần; Tiếp tục mở rộng thị trường; Ra mắt các sản phẩm mới dựa trên nhu cầu của từng nhóm đối tượng cụ thể; Chú trọng thực hiện các hoạt động kích hoạt thương hiệu, tiến tới xây dựng Kem trở thành mặt hàng tiêu dùng thường xuyên và ưa thích của đại đa số người tiêu dùng.
- **Ngành hàng bánh kẹo:** Nghiên cứu và cho ra mắt thêm nhiều sản phẩm mới hợp khẩu vị và xu hướng hiện nay, đáp ứng đa nhu cầu: Ăn no, ăn dặm, ăn thưởng thức, ăn dinh dưỡng, ăn chia sẻ..., tập trung vào 03 nhóm chính: Bánh có thời gian sử dụng ngắn, bánh có thời gian sử dụng dài và nhóm quà biếu lễ hội (Tết, Trung thu). Đồng thời xây dựng thêm các kênh phân phối chuyên biệt dành cho ngành hàng bánh bên cạnh việc cộng hưởng các kênh phân phối hiện tại.
- **Ngành gia vị:** Đầu tư nghiên cứu, đánh giá kỹ lưỡng sản phẩm trước khi ra mắt thị trường. Chất lượng và sự khác biệt trong khẩu vị sản phẩm là yếu tố ưu tiên để vào ngành. Ngoài ra, chúng ta sẽ tận dụng nền tảng thương hiệu của Tương An cùng hệ thống kênh phân phối hiện tại để vào ngành nhanh hơn, hiệu quả hơn.

Nhìn chung, việc thực hiện các mục tiêu để chiếm lĩnh thị trường là một quá trình dài hơi, cần được thực hiện tỉ mỉ trong từng giai đoạn và cần sự chung sức của tập thể CBCNV Tập đoàn. Trước mắt, chúng ta cần nỗ lực để hoàn thành mục tiêu **doanh thu thuần 15.000 tỷ đồng và lợi nhuận trước thuế 900 tỷ đồng trong năm 2023**.

Tiếp bước những thành công thời gian qua sẽ tạo đà cho để ngày càng phát triển trong giai đoạn sắp tới, tôi hi vọng rằng tất cả Quý vị cổ đông, Quý nhà đầu tư cùng toàn thể CBCNV Tập đoàn sẽ nỗ lực nhiều hơn, quyết tâm nhiều hơn để chung tay đưa KIDO khẳng định vị thế hàng đầu trong ngành thực phẩm thiết yếu tại Việt Nam cũng như chinh phục thị trường quốc tế trong thời gian sớm nhất.

Một lần nữa, tôi xin trân trọng gửi lời cảm ơn chân thành đến Quý cổ đông đã luôn tin tưởng, ủng hộ và đồng hành cùng chúng tôi trong suốt những năm qua. Chính sự tin tưởng, đồng hành của Quý vị sẽ tiếp tục là nguồn sức mạnh to lớn giúp chúng tôi hoàn thành chiến lược cũng như kế hoạch đề ra.

TRẦN LỆ NGUYỄN
Tổng Giám đốc Điều hành Tập đoàn KIDO



KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

NHỮNG CHỈ SỐ TÀI CHÍNH NỔI BẬT

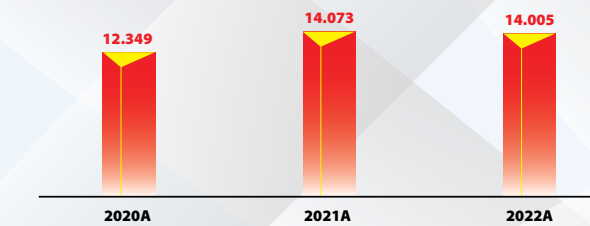
CHỈ SỐ ĐVT: TRIỆU ĐỒNG	2020A	2021A	2022A
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN			
▶ Tài sản ngắn hạn	5.477.497	7.013.592	6.980.388
▶ Tài sản dài hạn	6.871.658	7.059.113	7.024.405
▶ Nợ ngắn hạn	3.805.345	5.397.243	5.427.180
▶ Nợ dài hạn	844.423	1.780.820	1.524.885
▶ Vốn chủ sở hữu	7.699.387	6.894.643	7.052.728
Tổng tài sản	12.349.155	14.072.706	14.004.793
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
▶ Doanh thu thuần	8.323.616	10.496.864	12.535.183
▶ Lợi nhuận gộp	1.764.988	2.051.015	2.273.606
▶ Lợi nhuận trong liên doanh liên kết	171.986	110.471	104.079
▶ Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	407.904	688.520	498.510
▶ Lợi nhuận trước thuế	416.077	687.829	510.598
▶ Lợi nhuận sau thuế	330.238	653.291	374.656
KHẢ NĂNG TÀI CHÍNH			
▶ Khả năng thanh toán nhanh	1,12	0,84	0,88
▶ Khả năng thanh toán hiện tại	1,44	1,30	1,29
▶ Tổng nợ / Tổng Tài sản	38%	51%	50%
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG			
▶ Vòng quay Hàng tồn kho (lần)	5,41	3,39	4,64
▶ Vòng quay Khoản Phải thu (lần)	3,58	4,11	4,25
▶ Vòng quay Tổng tài sản (lần)	0,67	0,75	0,90
KHẢ NĂNG SINH LỜI			
▶ Biên Lợi nhuận gộp	21,2%	19,5%	18,1%
▶ Biên Lợi nhuận trước thuế	5,0%	6,6%	4,1%
▶ ROE	4,3%	9,5%	5,3%
▶ ROA	2,7%	4,6%	2,7%
KHẢ NĂNG SINH LỜI			
▶ Doanh thu thuần	15,4%	45,6%	50,6%
▶ Lãi gộp	8,2%	25,8%	28,8%

Với sự tăng trưởng ấn tượng trong những năm qua, KIDO Group là một trong các công ty được vinh danh "Thương hiệu quốc gia", đồng thời là một trong 45 công ty đạt giải "Thương hiệu Vàng Thành phố Hồ Chí Minh". Các sản phẩm được vinh danh gồm dầu ăn Tường An CookingOil, dầu ăn Season Tường An, kem Celano và kem Merino. Gần 30 năm của chặng đường phát triển, KIDO đã mở rộng ra ngoài lĩnh vực bánh kẹo bao gồm kem, sữa chua, dầu ăn, món tráng miệng và bánh tươi.

Hiện nay, Tập đoàn KIDO dẫn đầu Việt Nam với thương hiệu Margarine chiếm thị phần 74,9%; Dẫn đầu ngành hàng kem (chiếm 44,5% thị phần) và đứng thứ 02 ngành dầu ăn (khoảng 39% thị phần) tại Việt Nam. KIDO Group vẫn duy trì vị thế là một trong những Tập đoàn Thực phẩm uy tín và vững mạnh tại Việt Nam.

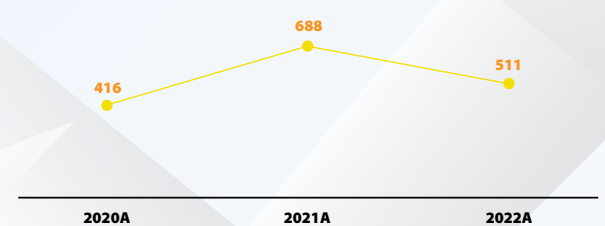
Tổng tài sản

ĐVT: Tỷ đồng



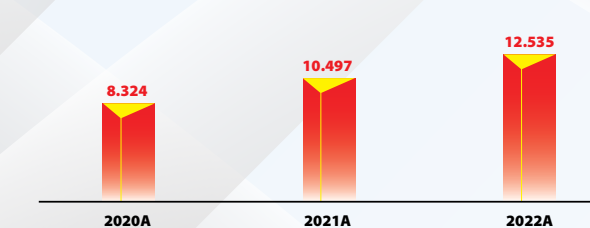
Lợi nhuận trước thuế

ĐVT: Tỷ đồng



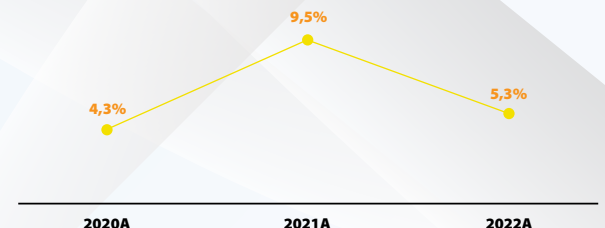
Doanh thu thuần

ĐVT: Tỷ đồng



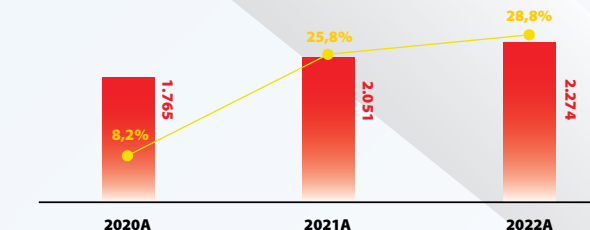
ROE

ĐVT: Phần trăm



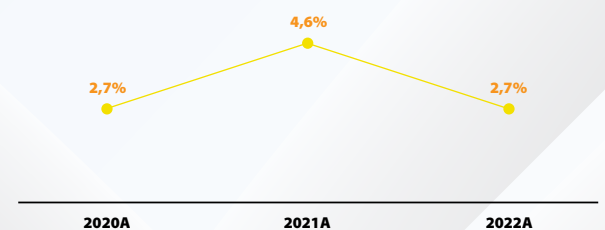
Lợi nhuận gộp

ĐVT: Tỷ đồng



ROA

ĐVT: Phần trăm



KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (tiếp theo)

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN TRONG NĂM 2022:

1. Một số điểm nổi bật tác động đến Hoạt động sản xuất kinh doanh:

- ▶ Tập đoàn luôn hoạch định kế hoạch mục tiêu, chiến lược đúng đắn. Từng chiến lược thực thi luôn có những hành động cụ thể rõ ràng.
- ▶ Giá nguyên liệu đầu vào đã giảm mạnh và dần ổn định trong 5 tháng gần đây.
- ▶ Tỷ giá và lãi suất có tăng nhẹ vào những tháng cuối năm nhưng vẫn nằm trong vùng kiểm soát.
- ▶ Doanh nghiệp ngành thực phẩm luôn được ngân hàng, đối tác tạo điều kiện linh hoạt về dòng vốn hoạt động kinh doanh.
- ▶ Hệ thống máy móc, thiết bị và công nghệ chế biến dầu của Tập đoàn hiện đại và tiên tiến trong khu vực.
- ▶ Có đội ngũ CBCNV có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong lĩnh vực đầu tư chế biến và kinh doanh các ngành hàng: Dầu ăn, kem, bánh tươi,...

2. Các chỉ tiêu chủ yếu

STT	Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch Năm 2022	Thực hiện Năm 2022	Tỷ lệ thực hiện so với KH (%)
1	Doanh thu	Tỷ đồng	14.000	12.535	89,5%
2	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	900	511	56,7%

Công ty có lợi thế giá tồn kho thấp trong khi giá thị trường biến động tăng cao. Tập đoàn luôn tập trung dự báo và đánh giá thị trường tìm kiếm lợi thế cạnh tranh trong năm 2022 và giảm thiểu sự ảnh hưởng của giá dầu biến động. Nhờ đó chiến lược giá được điều chỉnh phù hợp cho từng giai đoạn giúp đem lại lợi nhuận.

Với nền tảng phát triển bền vững kết hợp với việc linh hoạt điều chỉnh kế hoạch kinh doanh phù hợp cho từng giai đoạn, KIDO đã phát huy tối đa các thế mạnh bên trong và bên ngoài, đem lại nhiều thành quả trong hoạt động kinh doanh. Được sự ủng hộ tin tưởng của người tiêu dùng, chúng tôi đang đi theo đúng lộ trình trong quá trình thực hiện đa dạng hoá giỏ sản phẩm của khách hàng trong lĩnh vực thực phẩm thiết yếu theo định hướng Tập đoàn.

3. Về công tác bảo vệ môi trường:

Định kỳ Tập đoàn thực hiện đăng ký kế hoạch liên quan đến công tác bảo vệ môi trường, thực hiện công tác đánh giá tác động môi trường và biện pháp xử lý chất thải, khí thải, bụi và tiếng ồn theo quy định của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

DOANH THU THUẦN

Năm 2022, doanh thu thuần hợp nhất đạt 12.535 tỷ đồng, hoàn thành 89,5% kế hoạch, tăng 19,4% so với năm 2021 chủ yếu là do tăng trưởng doanh thu của ngành dầu ăn và sự đóng góp doanh thu của mảng bánh tươi đến từ thương hiệu mới KIDO's Bakery. Doanh thu thuần từ ngành dầu ăn chiếm 82% doanh thu thuần toàn Tập đoàn và ngành hàng thực phẩm chiếm 18%.

Ngành dầu ăn 2016 - 2021A

ĐVT: Phần trăm



2018A 2019A 2020A 2021A 2022A

Ngành hàng thực phẩm 2016A - 2021A

ĐVT: Phần trăm



2018A 2019A 2020A 2021A 2022A

LỢI NHUẬN GỘP

2.274 TỶ ĐỒNG

↑ 10,9% so với năm 2021

Lợi nhuận gộp năm 2022 đạt 2.274 tỷ đồng tăng 10,9% so với năm 2021, cho thấy Tập đoàn đạt hiệu quả cao trong điều hành sản xuất và kiểm soát chi phí. Bên cạnh đó, Tập đoàn tiếp tục tối ưu hóa chi phí trong sản xuất ở các nhà máy để giảm chi phí sản xuất chung vào mùa thấp điểm, từ đó cải thiện mức lợi nhuận gộp chung.

CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG

CHI PHÍ BÁN HÀNG **1.446** TỶ ĐỒNG

CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP **409** TỶ ĐỒNG

BIÊN ĐỘ CHI PHÍ BÁN HÀNG NĂM 2022 **11,5%**

BIÊN ĐỘ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP **3,3%**

Trong năm 2022, Tập đoàn đã linh hoạt trong cách thức bán hàng phù hợp với xu hướng thị trường để tăng khả năng tiêu thụ. Theo đó, chi phí bán hàng năm 2022 đạt 1.446 tỷ đồng, tăng 20,8% so với năm 2021. Trong đó: chi phí bán hàng từ ngành dầu ăn giảm 25% so với năm 2021 và ngành hàng thực phẩm tăng gấp 1,31 lần so với năm 2021. Tuy nhiên, biên độ chi phí bán hàng năm 2022 là 11,5%, đạt tỷ lệ khá tương đồng với Biên độ chi phí bán hàng năm 2021 (11,4%).

Chi phí quản lý doanh nghiệp năm 2022 là 409 tỷ đồng, biên độ chi phí quản lý doanh nghiệp năm 2022 là 3,3% nằm trong mức kiểm soát (dưới 4%).

Điều này thể hiện các hoạt động kiểm soát chi phí của chúng tôi trong các ngành hàng khá gắt gao ở tỷ lệ kiểm soát hợp lý.

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (tiếp theo)

LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ (EBT) VÀ LỢI NHUẬN SAU THUẾ (EAT)

511 TỶ ĐỒNG

LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ
↓ ↓ ↓
25,8% so với năm 2021

375 TỶ ĐỒNG

GIẢM MẠNH SO VỚI CÙNG KỲ
NĂM NGOÀI
↓ ↓ ↓

Do nền kinh tế của thế giới nói chung và của Việt Nam nói riêng cần thời gian để định hình và lấy lại vị thế sau 2 năm ảnh hưởng bởi đại dịch Covid-19 nên mọi hoạt động kinh doanh của các thành phần kinh tế đều bị giảm tốc làm cho lợi nhuận từ hoạt động liên doanh liên kết giảm, kéo theo Lợi nhuận trước thuế năm 2022 giảm 25,8% so với năm 2021, đạt 511 tỷ đồng và chỉ hoàn thành 56,7% kế hoạch đề ra của cả năm.

Việc giảm thuế thu nhập doanh nghiệp của yếu tố chuyển lỗ giai đoạn 2015-2018 đã hoàn tất phân bổ trước đó. Từ đó, Lợi nhuận sau thuế năm 2022 đạt 375 tỷ đồng, giảm mạnh so với cùng kỳ năm ngoái.



CƠ CẤU VỐN

7.053 TỶ ĐỒNG

TỔNG VỐN CHỦ SỞ HỮU NĂM 2022

Với thế mạnh về nguồn lực tài chính, chúng tôi luôn tận dụng, tìm kiếm các cơ hội đầu tư thông qua mua bán sáp nhập nhằm mở rộng hệ thống phân phối và đẩy mạnh kênh bán lẻ để tối ưu hóa hiệu quả nguồn vốn và đóng góp vào sự phát triển của Tập đoàn. Tỷ lệ Tổng nợ trên Tổng tài sản tại ngày 31/12/2022 tương đồng so với cùng kỳ và nằm ở mức 0,5 lần.

Tổng vốn chủ sở hữu năm 2022 đạt 7.053 tỷ đồng, tăng 158 tỷ đồng so với năm 2021 chủ yếu do giao dịch bán 5,6 triệu cổ phiếu quỹ kéo theo giá trị thặng dư vốn cổ phần tăng lên tương ứng.

TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

2.703 TỶ ĐỒNG

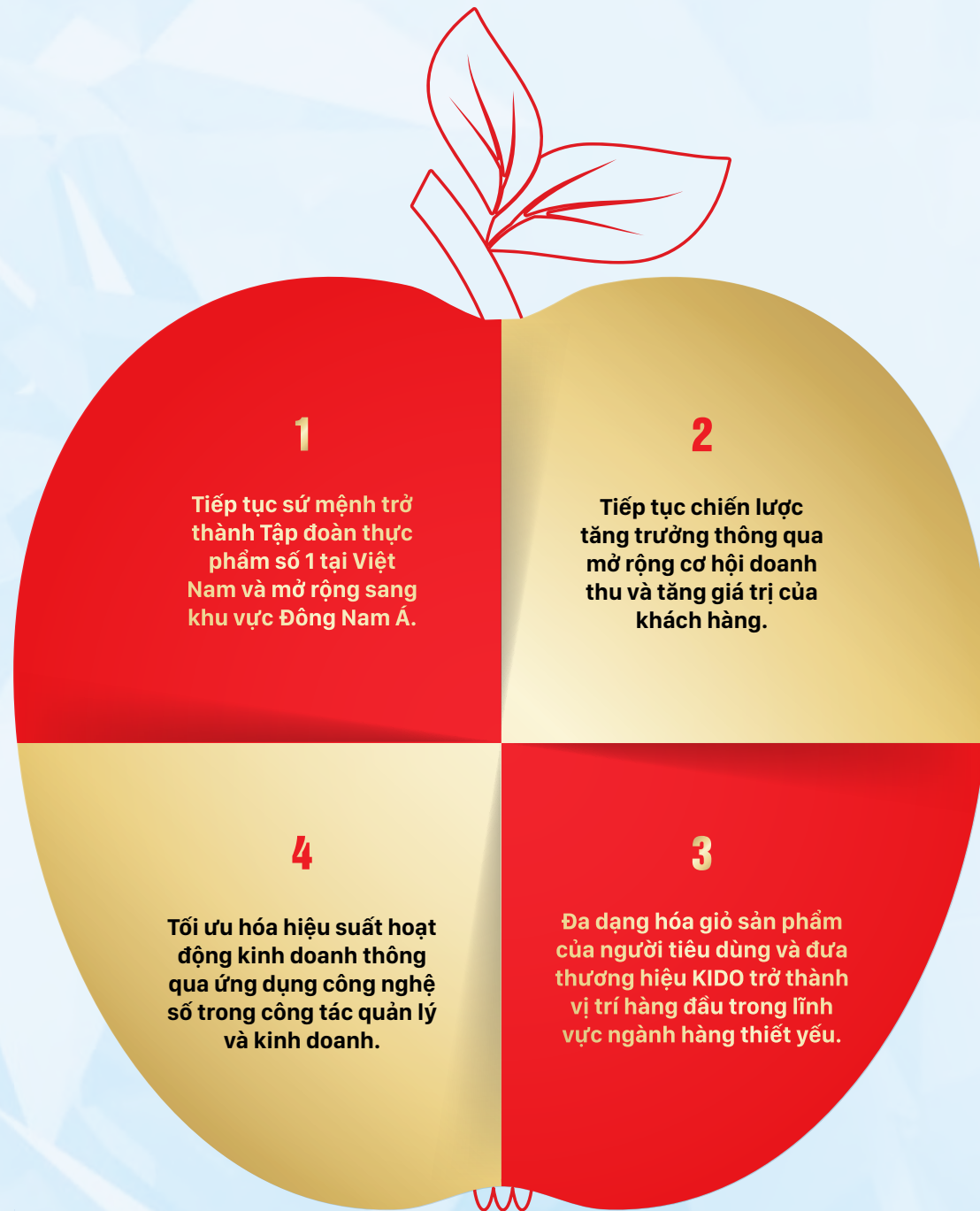
TÀI SẢN CỐ ĐỊNH
↓ ↓ ↓
5,6 tỷ đồng so với năm 2021

Tính đến ngày 31/12/2022, tài sản cố định của chúng tôi đạt 2.703 tỷ đồng, giảm 5,6 tỷ đồng so với năm 2021 do yếu tố khấu hao và yếu tố hình thành tài sản cố định từ chi phí sản xuất dở dang.



CHIẾN LƯỢC TẬP ĐOÀN

CHIẾN LƯỢC TRUNG VÀ DÀI HẠN



CHIẾN LƯỢC TẬP ĐOÀN (tiếp theo)

CHIẾN LƯỢC NGẮN HẠN

Dựa theo việc tái cấu trúc của Tập đoàn, Tập đoàn KIDO hiện đang chia làm 4 SBU để quản lý & vận hành. Do đó, các giải pháp và từng chiến lược thực thi của các ngành hàng được Ban Lãnh đạo định hướng rõ ràng. Cụ thể:

- ▶ Tiếp tục khẳng định vị thế, trở thành thương hiệu dẫn đầu ngành trong phạm vi sản phẩm, khu vực.
- ▶ Thâm nhập và tiếp tục đa dạng sản phẩm bằng việc bổ sung các sản phẩm mới, tốt cho sức khỏe, mở rộng các sản phẩm cạnh tranh chiến lược, đa dạng phân khúc từ phổ thông cho đến trung và cao cấp, gia tăng sự lựa chọn cho người tiêu dùng toàn quốc.



ĐỐI VỚI NGÀNH DẦU

- ▶ Mở rộng và phát triển mạnh ngành bơ thực vật bằng việc ra mắt nhiều sản phẩm mới, nâng cao vị thế và tiếp tục duy trì vị trí số 1 ngành bơ thực vật tại Việt Nam.
- ▶ Cải tiến, nâng cao chất lượng sản phẩm, thiết kế bao bì.
- ▶ Gia tăng độ phủ sản phẩm, tập trung đa dạng hóa kênh phân phối để phục vụ người tiêu dùng, từ đó chiếm lĩnh được thị trường mà ngành hàng muốn thâm nhập vào.
- ▶ Tiếp tục phát triển thương hiệu Tường An trở thành thương hiệu mang tầm vóc quốc gia, nhận được sự yêu thích, tin tưởng và ủng hộ của khách hàng trên toàn quốc.

- ▶ Khảo sát và cho ra mắt thị trường các dòng sản phẩm gia vị thiết yếu: Bột nêm, nước mắm, tương ớt... trên nền tảng Tường An - Thương hiệu lâu năm được người tiêu dùng yêu thích và đánh giá cao về chất lượng.



ĐỐI VỚI NGÀNH HÀNG GIA VỊ

- ▶ Tập trung phát triển những bộ (set) sản phẩm thiết yếu đi cùng nhau, giúp các điểm bán có thêm nhiều sự lựa chọn, gia tăng trải nghiệm tiêu dùng, hướng đến mục tiêu "**Lấp đầy gian bếp Việt**".
- ▶ Tận dụng triệt để những lợi thế về thương hiệu Tường An, kênh phân phối, đội ngũ nhân sự, hệ thống logistics... để phát triển ngành nhanh chóng.
- ▶ Thận trọng phát triển và thâm nhập tại từng khu vực/ thị trường, điều chỉnh khẩu vị phù hợp với từng vùng miền. Đặt mục tiêu đứng thứ 2 trong ngành nước mắm tại Việt Nam trong vòng 5 năm tới.

ĐỐI VỚI NGÀNH KEM



Tập trung vào 03 Chiến lược cốt lõi: Tăng trưởng nhanh vào thị trường To go, thâm nhập thị trường Take home và thị trường xuất khẩu. Cụ thể:

- ▶ **Thị trường To-go:** Tập trung mở rộng ngành hàng, xây dựng ngành, mở rộng hệ thống phân phối.
- ▶ **Thị trường Take-home:** Đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ kỹ thuật vào trong việc phát triển ngành hàng, từ đó tăng thời gian lưu trữ các sản phẩm kem lạnh, giải quyết nhu cầu thị trường

ăn kem ở nhà. Phát triển thêm nhiều sản phẩm mới đáp ứng nhu cầu cho nhiều thế hệ của gia đình.

- ▶ **Thị trường xuất khẩu:** Các sản phẩm đặc sản mang hương vị địa phương sẽ yếu tố then chốt để KIDO tiến ra thế giới và tạo nên sự khác biệt. Song song đó, Tập đoàn tích cực đàm phán với các đối tác tại các quốc gia để nhanh chóng mang các sản phẩm kem đến với khách hàng thế giới.

Tiếp tục nâng cao năng lực đội ngũ, phát triển thị trường, portfolio sản phẩm. Đa dạng hóa phân khúc, đối tượng tiêu dùng, quy hoạch ngành từ ngành kem trở thành ngành hàng ăn vặt lạnh thường xuyên.

Lợi thế lớn về thương hiệu dẫn đầu, kinh nghiệm trong việc nghiên cứu & phát triển sản phẩm sẽ, khả năng phát triển nhanh hệ thống phân phối sẽ là bàn đạp, thế mạnh để KIDO tạo ra sự khác biệt so với các đối thủ cùng ngành, là cơ sở để các chiến lược được thực thi hiệu quả.

- ▶ **Đối với sản phẩm bánh tươi có hạn sử dụng ngắn:** Tập trung cho ra mắt thêm nhiều dòng sản phẩm mới: bánh mì, bánh bông lan, bánh sandwich..., nhanh chóng mở rộng hệ thống phân



phối, phục vụ nhu cầu cao và đa dạng (ăn no, ăn dặm, ăn thưởng thức, ăn dinh dưỡng, ăn chia sẻ) của người tiêu dùng trên phạm vi toàn quốc.

- ▶ **Đối với sản phẩm bánh có thời hạn dài:** Tích cực tìm kiếm những dòng sản phẩm ngon, danh tiếng của thế giới, phân phối tại thị trường Việt Nam thông qua thương hiệu Tập đoàn KIDO.

- ▶ **Bánh trung thu:** Sau thời gian thử phản ứng của thị trường, bánh trung thu KIDO's Bakery quay trở lại với định vị cao cấp, khác biệt. KIDO's Bakery tập trung đổi mới, đưa những hương vị cao cấp vào trong từng chiếc bánh trung thu. Đầu tư mạnh trong việc phát triển những bộ sản phẩm theo hướng tinh tế, sang trọng, phục vụ nhu cầu biếu tặng vào mùa lễ hội. Phát triển thương hiệu, tận dụng các kênh phân phối hiện có của KIDO kết hợp phát triển hệ thống phân phối mới nhằm tiếp cận nhanh chóng đến người tiêu dùng cũng như tăng độ nhận diện thương hiệu. Đặt mục tiêu đứng thứ 2 thị trường trong vòng 3-5 năm tới, đồng thời thu hẹp khoảng cách so với đối thủ ở thời điểm hiện tại.

CHIẾN LƯỢC THỊ TRƯỜNG

CHIẾN LƯỢC MARKETING

Chiến lược marketing cho từng ngành hàng giai đoạn kế tiếp cụ thể như sau:



Đối với ngành Dầu ăn

- ▶ Định hướng phát triển ngành hàng dầu ăn theo nhu cầu tiêu dùng (chiên rán, xào, ướp...), nhu cầu sức khỏe và các nhu cầu đặc biệt khác (dành cho trẻ em, người lớn tuổi...)
- ▶ Tập trung khai thác phân khúc trung cấp bằng cách mở rộng danh mục sản phẩm phù hợp giữa giá trị sản phẩm và giá trị Thương An, tiến tới mở rộng phân khúc và chiếm lĩnh phân khúc này.
- ▶ Tiếp tục chủ động, dẫn dắt các sáng tạo trong phát triển sản phẩm & hoạt động bán hàng của ngành.
- ▶ Đầu tư và phát triển thương hiệu để Thương An trở thành lợi thế cạnh tranh hàng đầu, trở thành đại diện không chỉ ngành dầu mà còn hàng loạt ngành hàng thực phẩm thiết yếu khác trực thuộc Tập đoàn, trong đó có gia vị.



Đối với ngành Kem/Thực phẩm đông lạnh

- ▶ Định hướng phát triển ngành hàng dựa trên các nhóm đối tượng sử dụng như: trẻ em, thanh thiếu niên, người lớn, gia đình và quy hoạch phát triển sản phẩm dựa trên nhu cầu của từng đối tượng cụ thể
- ▶ Tiếp tục với chiến lược portfolio, mở rộng danh mục sản phẩm để gia tăng tần suất sử dụng và mức độ thâm nhập ngành trên hầu hết các yếu tố cốt lõi như: ăn vặt, thưởng thức, hương vị địa phương, hương vị quốc tế, dinh dưỡng...
- ▶ Chương trình LAP mùa hè, mùa đông và các hoạt động khuyến mãi khác tiếp tục là nền tảng hoạt động đặc thù của ngành nhằm duy trì phát triển đỉnh doanh số cao nhất trong chu kỳ kinh doanh.
- ▶ Đầu tư thương hiệu Celano & Merino nhằm gia tăng lợi thế cạnh tranh, rào cản vào ngành và dẫn dắt tăng trưởng ngành hàng. Trong đó, định vị & thuộc tính cốt lõi của 2 thương hiệu sẽ dựa vào đối tượng tiêu dùng làm cơ sở khai thác.



Đối với ngành hàng Gia vị

- ▶ Thương hiệu Thương An sẽ là yếu tố then chốt vào ngành, tiếp cận người tiêu dùng mới.
- ▶ Chất lượng & khẩu vị là yếu tố cạnh tranh quan trọng đối với ngành hàng, do đó việc đầu tư nghiên cứu, đánh giá kỹ lưỡng trước khi đưa ra thị trường là cực kì cần thiết và không thể bỏ qua.
- ▶ Tận dụng thế mạnh về kênh phân phối của Tập đoàn để tăng nhận diện sản phẩm, đồng thời thu hút người tiêu dùng dùng thử và tiêu dùng sản phẩm về lâu dài.
- ▶ Chú trọng các hoạt động dùng thử, khẳng định uy tín, nguồn gốc chất lượng sản phẩm để đảm bảo sự ủng hộ lâu dài, tiến tới cùng với dầu ăn Thương An, trở thành sản phẩm không thể thiếu trong gian bếp của người tiêu dùng.



Đối với ngành hàng Bánh

- ▶ Định hướng phát triển ngành bánh theo 3 nhóm chính: Thời hạn sử dụng ngắn cho nhu cầu hàng ngày thiết yếu, thời hạn sử dụng dài cho nhu cầu ăn vặt, thưởng thức và mùa lễ hội (Trung thu, Tết) cho nhu cầu biếu tặng, chia sẻ tình thân.
- ▶ Chú trọng vào sự khác biệt hoặc giá trị cộng thêm của mỗi sản phẩm khi so sánh với đối thủ cạnh tranh, đảm bảo lợi thế và phát huy thế mạnh trong phát triển sản phẩm và am hiểu ngành hàng của Tập đoàn.
- ▶ Bánh tươi sẽ là mũi nhọn chính của Tập đoàn, khai thác xu hướng bakery và thưởng thức của đại đa số người tiêu dùng ngành hàng hiện nay.
- ▶ Trung thu & Tết sẽ là 2 mùa lễ hội chính, cực kì quan trọng của ngành bánh, giúp thương hiệu bánh của Tập đoàn tạo được niềm tin vững chắc và chinh phục khách hàng.



CHIẾN LƯỢC THƯƠNG HIỆU và hệ thống các ngành hàng trực thuộc tập đoàn

KIDO GROUP

NGÀNH HÀNG

THỰC PHẨM THIẾT YẾU
HÀNG NGÀY

THỰC PHẨM ĐÔNG LẠNH

THỰC PHẨM ĂN VẶT

DANH MỤC
SẢN PHẨM

GIA VỊ THIẾT YẾU	GIA VỊ TIỆN LỢI	THỰC PHẨM KHÔ	DẦU ĂN	KEM	TRÁNG MIỆNG	TP. ĐÔNG LẠNH	DÀI NGÀY	NGẮN NGÀY	QUÀ BIỂU LỄ HỘI
BỘT NÊM	BƠ/MARAGINE	NUI/MÌ/MIẾN KHÔ	B2B	TO GO	CHÈ	BÁNH BAO	BÁNH QUY	BÁNH MÌ	TẾT NGUYÊN ĐÁN
NƯỚC MẮM	MAYONAISE	MÌ/PHỞ ĂN LIỀN	B2C		SỮA CHUA	BÁNH MÌ	BÁNH CRACKER	BÔNG LAN	
NƯỚC TƯƠNG	DẦU HẢO	FLOUR	TRADING	TAKE HOME	BÁNH FLAN	CHÀ GIÒ	BÁNH QUẾ/ XỐP	PASTRY	TẾT TRUNG THU
	XỐT ƯỚP/CHẤM	BỘT CHIÊN GIÒN			BÁNH FLAN		KEO/ GUM/ SOCOLA	SANDWICH	

THƯƠNG HIỆU



CHIẾN LƯỢC TRUYỀN THÔNG

Đối với hoạt động truyền thông, Tập đoàn phát triển hoạt động truyền thông bằng việc tập trung 03 mũi nhọn chính gồm:



Truyền thông tiếp thị kỹ thuật số: Tập trung hoàn thiện toàn bộ hạ tầng kỹ thuật số như website, youtube, fanpage (facebook), tiktok, instagram... để tạo ra hiệu quả về mặt khách hàng lẫn nội dung. Tăng cường thực hiện quảng cáo trên các nền tảng kỹ thuật số nhằm tăng nhanh số lượt tiếp cận, tiếp tục tìm kiếm khách hàng mục tiêu. Đồng thời chủ động xây dựng các nội dung riêng biệt, đặc sắc để tăng tương tác trên các nền tảng.



1

Truyền thông tiếp thị trực tiếp tại điểm bán: Thông qua các hoạt động nhận diện thương hiệu, trưng bày, khuyến mãi, dịch vụ khách hàng... tại điểm bán.



2

Truyền thông tiếp thị sự kiện và các chương trình: Bằng việc đồng hành, tài trợ các sự kiện lớn, các chương trình truyền hình/ chương trình thực tế/Gameshow... giúp cho Tập đoàn quảng bá hình ảnh rộng rãi tới người xem, người tham dự, người quan tâm tới các chương trình/sự kiện.



3

CHIẾN LƯỢC KHÁCH HÀNG

Toàn bộ người tiêu dùng tại Việt Nam ở mọi độ tuổi (từ trẻ em đến người lớn tuổi trong các hộ gia đình) đều tin dùng và lựa chọn sản phẩm của KIDO.

THANH THIẾU NIÊN



PHỤ NỮ NỘI TRỢ



68% ĐỘ TUỔI 15 ĐẾN 64



TRẺ EM



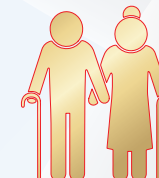
THIẾU NIÊN



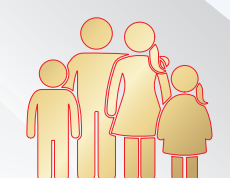
THANH NIÊN



NGƯỜI TRƯỞNG THÀNH



NGƯỜI LỚN TUỔI



GIA ĐÌNH

ĐỘ TUỔI DƯỚI 15

7,7%

HƯỚNG TỚI PHỤC VỤ **26,9** TRIỆU HỘ GIA ĐÌNH

ĐỘ TUỔI 65 TRỞ LÊN

24,3%

85% NGƯỜI TIÊU DÙNG VIỆT NAM
CÓ ÍT NHẤT MỘT SẢN PHẨM CỦA KIDO

CHIẾN LƯỢC SẢN PHẨM

Dầu ăn: Chia làm 4 nhóm sản phẩm theo các phân khúc phổ thông, trung cấp, cao cấp & chuyên biệt, đặc biệt đáp ứng nhu cầu hành vi nấu ăn và sức khỏe của người tiêu dùng. Tiếp tục gia tăng tính tiện lợi cho sản phẩm thông qua thông tin trên bao bì, kiểu dáng chai và đặc tính sản phẩm theo xu hướng tiêu dùng chung.

Kem: Tiếp tục đa dạng hương vị theo xu hướng thị trường & người tiêu dùng, mở rộng đối tượng sử dụng không chỉ riêng giới trẻ và thiết kế các loại sản phẩm riêng biệt đáp ứng nhu cầu mang kem về & ăn tại nhà.

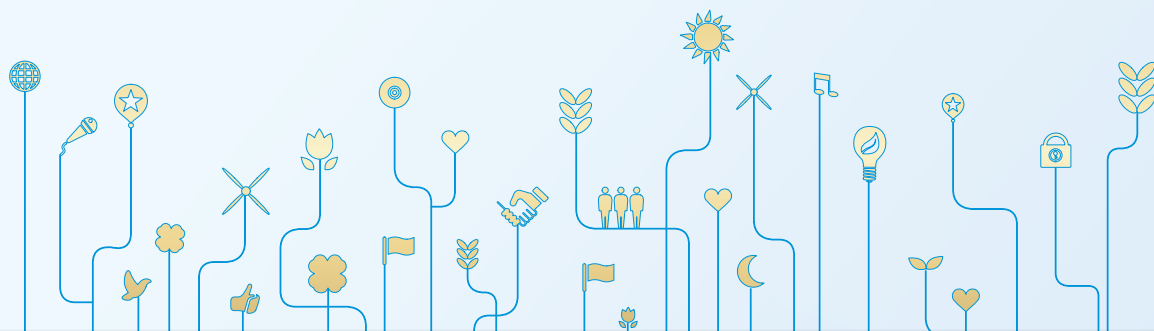
Gia vị: Các sản phẩm an toàn sức khỏe bằng các loại nguyên liệu tự nhiên và phù hợp trong thực phẩm, đặc biệt là phù hợp khẩu vị người Việt Nam, đáp ứng tính tiện lợi cho hành vi nấu ăn trong thời đại mới.

Bánh: Phát triển các nhóm sản phẩm bánh tươi thật sự ngon, khác biệt về khẩu vị & xu hướng tiêu dùng mới, trong đó nổi bật với các dòng bánh mì, bánh bông lan, bánh sandwich, bánh pastry và đặc biệt là bánh Trung thu.

BÁO CÁO

liên quan đến trách nhiệm môi trường, xã hội

LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM MÔI TRƯỜNG, XÃ HỘI



Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

- ▶ Công ty rất quan tâm các hoạt động tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường.
- ▶ Năm 2022, Công ty đã không có bất kỳ ghi nhận nào liên quan đến vi phạm do không tuân thủ pháp luật và các quy định về môi trường.



Chính sách liên quan đến môi trường, xã hội

- ▶ Việc chú trọng đến môi trường làm việc, sức khỏe của người lao động luôn là yếu tố quan trọng để đảm bảo cho sự phát triển bền vững. Hằng năm, Công ty luôn tổ chức khám bệnh định kỳ cho toàn thể người lao động, các chương trình bảo hiểm sức khỏe, bảo hiểm tai nạn cũng được áp dụng.
- ▶ Thường xuyên tổ chức luyện tập, diễn tập PCCC với các lực lượng chuyên nghiệp về PCCC trên địa bàn nhằm đảm bảo thực hiện tốt công tác an ninh trật tự, PCCC trong công ty.
- ▶ Chất lượng nguồn nhân lực đóng góp một vai trò quan trọng trong hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty luôn xây dựng kế hoạch đào tạo cụ thể, các nội dung đào tạo được chọn lọc. Người lao động đã phát huy tối đa năng lực, mạnh dạn đề xuất ứng dụng công nghệ vào quản lý, sản xuất đem lại hiệu quả thiết thực, góp phần vào sự phát triển của Công ty.



Báo cáo liên quan đến trách nhiệm với cộng đồng địa phương

- ▶ Duy trì các hoạt động xã hội nhằm chăm lo cộng đồng địa phương và những cá nhân có hoàn cảnh khó khăn cần sự giúp đỡ. Trong năm 2022, cả Công ty và người lao động đã chung tay có những đóng góp thiết thực và hiệu quả cho cộng đồng.
- ▶ Ngoài ra, công ty còn có nhiều hoạt động với cộng đồng địa phương: phối hợp công tác giữ gìn an ninh, trật tự, vệ sinh môi trường.

CÁC CHƯƠNG TRÌNH HOẠT ĐỘNG NỔI BẬT TRONG TỪNG NGÀNH HÀNG



- ▶ Hoạt động Activation mang tên **"Chuyến xe hạnh phúc"** chào mừng 45 năm thành lập Tường An nhằm lan tỏa hạnh phúc đến 63 tỉnh thành Việt Nam với những hoạt động minigame, check-in nhận quà, khuyến khích tiêu dùng tại các địa phương.
- ▶ Hoạt động khuyến mãi **"Hè sang rinh quà cùng Tường An"** dành tặng người tiêu dùng tại các hệ thống siêu thị Co.op Mart, Co.op Xtra, BigC, Go!, Tops Market trên toàn quốc với hàng loạt giải thưởng hấp dẫn, đặc biệt 02 khách hàng may mắn nhất đã trúng thưởng 02 xe Honda Vision.



- ▶ Thực hiện thành công Chương trình LAP thường niên: **KEM NGON LIỀN TAY - TRÚNG NGAY QUÀ ĐỈNH**. Kết quả mục tiêu chương trình vượt 9% kế hoạch đề ra, doanh số giai đoạn triển khai tăng trưởng 40% so với cùng kỳ.
- ▶ Chiến dịch kích thích mùa đông **"Ngại chi mùa đông - Ăn kem ở nhà trúng quà thả ga"** triển khai cho vùng miền Bắc và miền Trung hiện cũng đang tạo ra tín hiệu rất tích cực để tăng doanh thu cho mùa thấp điểm của ngành.



- ▶ Chính thức trở lại thị trường bánh trung thu với thương hiệu KIDO's Bakery với thông điệp **"Thưởng thức mỹ vị - Trao trọn thân thương"**
- ▶ Các sản phẩm đón nhận được sự tin tưởng và ủng hộ của rất nhiều người tiêu dùng/ khách hàng với hơn **300 tấn bánh** do KIDO sản xuất đã đến tay người tiêu dùng trong mùa trung thu 2022. Bên cạnh đó, toàn bộ bánh của KIDO's Bakery cũng đã chính thức "cháy hàng" trên toàn quốc trước thêm trung thu.
- ▶ Đồng hành cùng chương trình School Fest.

ĐÁNH GIÁ tiềm năng tăng trưởng trong từng ngành hàng

THEO BÁO CÁO NGHIÊN CỨU CỦA EUROMONITOR, TIỀM NĂNG TĂNG TRƯỞNG CỦA CÁC NGÀNH HÀNG MÀ TẬP ĐOÀN KIDO ĐANG PHÁT TRIỂN TẠO NÊN SỰ KHÁC BIỆT VỚI DỰ ĐỊA TĂNG TRƯỞNG DOANH THU BÌNH QUÂN 2020-2025 ĐẠT MỨC TĂNG TRƯỞNG ỔN ĐỊNH

Với định hướng chiến lược rõ ràng trong việc đầu tư vào các ngành hàng thực phẩm có tiềm năng tăng trưởng ổn định và kết hợp với nền tảng phát triển bền vững, Tập đoàn luôn hướng tới việc đem lại chất lượng tốt nhất cho khách hàng cùng với đa dạng các danh mục sản phẩm thiết yếu nhằm gia tăng giá trị và năng lực cạnh tranh trên thị trường, tiến tới vị trí hàng đầu trong các ngành hàng.

6,4%
THỰC PHẨM DÙNG HÀNG NGÀY

8%
KEM VÀ SỮA CHUA

8,8%
DẦU ĂN

TIỀM NĂNG TĂNG TRƯỞNG CÁC
NGÀNH HÀNG TẠI KIDO

NỀN TẢNG
BỀN VỮNG



KIDO GROUP

TÂM NHÌN
SỬ MỆNH
CHIẾN LƯỢC



CHIẾN LƯỢC TRONG
NGÀNH DẦU



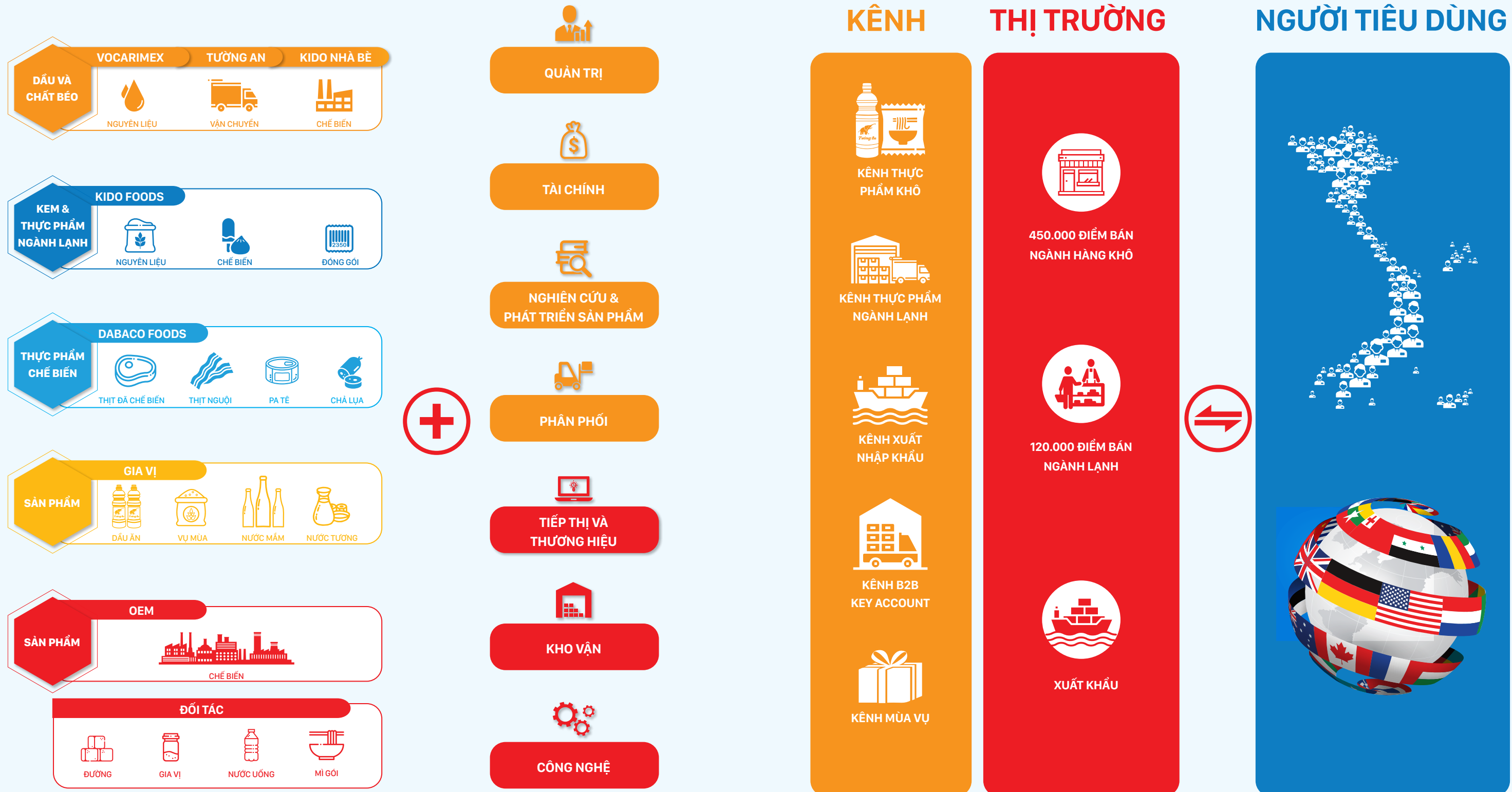
CHIẾN LƯỢC TRONG
NGÀNH LẠNH



CHIẾN LƯỢC TRONG
NGÀNH BÁNH

MÔ HÌNH KINH DOANH

GIA TĂNG GIÁ TRỊ CỦA TẬP ĐOÀN KIDO



QUÁ TRÌNH SỐ HÓA VÀ TỰ ĐỘNG HÓA

MÔ HÌNH CÔNG NGHỆ SỐ HƯỚNG ĐẾN KHÁCH HÀNG

LÀ MỘT DOANH NGHIỆP THÀNH LẬP TỪ NĂM 1993, XUYỀN SUỐT HÀNH TRÌNH GẦN 30 NĂM QUA, CHÚNG TÔI LUÔN CHỦ TRỌNG ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ SỐ ĐỂ LUÔN DẪN ĐẦU TRONG LĨNH VỰC KINH DOANH CỦA MÌNH TẠI THỊ TRƯỜNG VIỆT NAM.

Quá trình chuyển đổi không ngừng nghỉ của KIDO khởi đầu khi chúng tôi ứng dụng hệ thống DMS để nâng cao hiệu quả kênh phân phối, đưa sản phẩm của công ty đến hệ thống các Nhà phân phối một cách nhanh chóng, chính xác. Thành công của việc ứng dụng công nghệ số trong giai đoạn đầu tiên đã khẳng định được tính đúng đắn của chiến lược áp dụng công nghệ số nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh của chúng tôi.

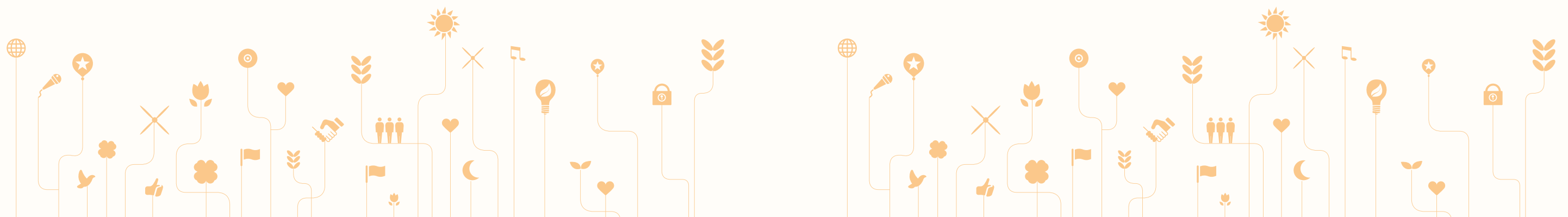
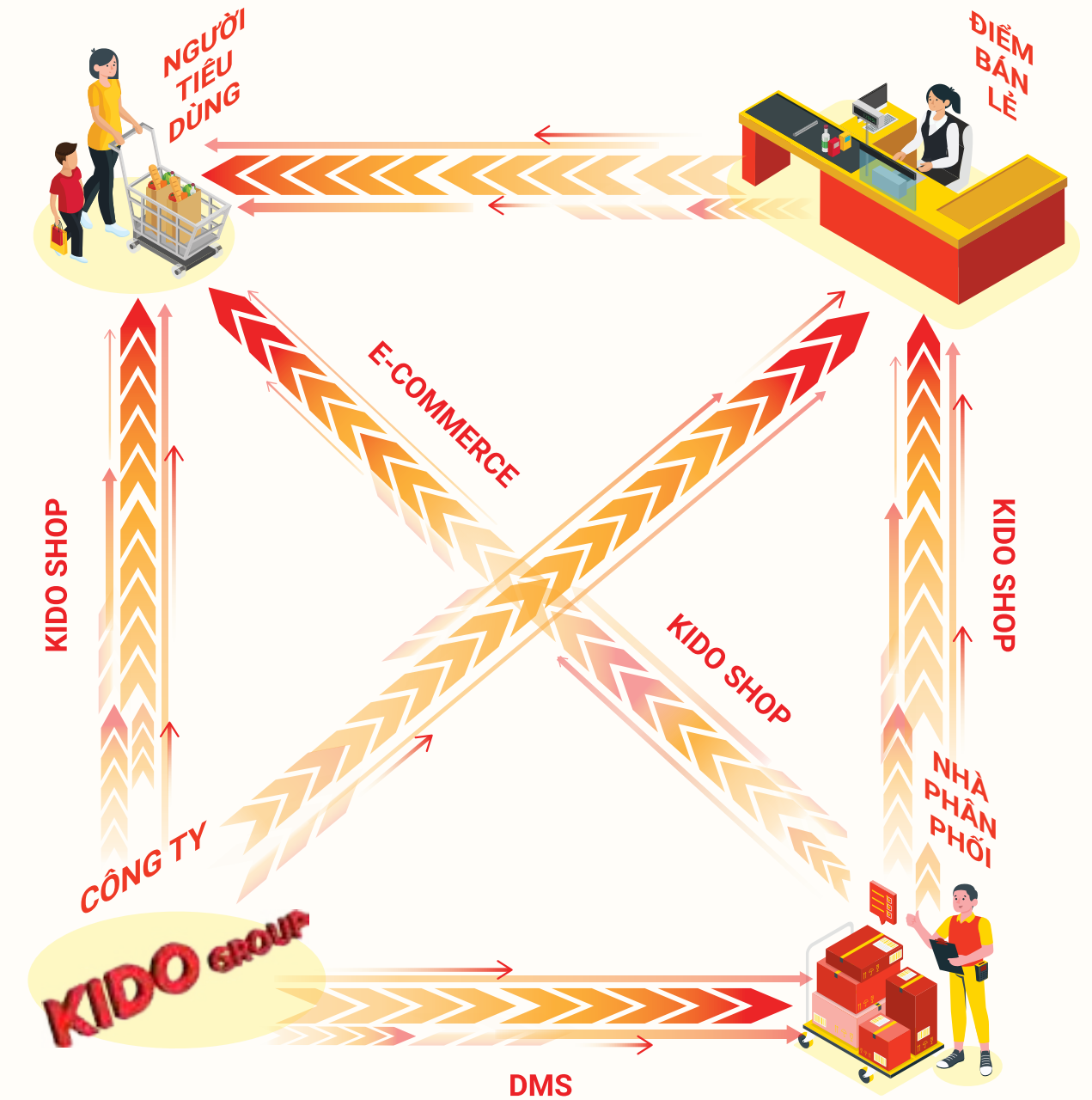
Lấy nhu cầu của khách hàng làm trọng tâm, chúng tôi đã triển khai ứng dụng công nghệ số để đưa sản phẩm từ hệ thống các Nhà phân phối của chúng tôi đến điểm bán lẻ trên toàn quốc. Với 450.000 điểm bán trải dài khắp cả nước, KIDO Shop giúp chúng tôi đưa sản phẩm đến điểm bán một cách nhanh chóng với sản phẩm phù hợp với đặc trưng của từng khu vực, giúp chúng tôi kiểm tra được lượng hàng hóa tiêu thụ tại điểm bán, sản phẩm được ưa chuộng, tình trạng tài sản của chúng tôi tại điểm bán, đảm bảo sự hiện diện của sản phẩm tại điểm bán dựa trên định vị của phần mềm công nghệ số, hiện đại hóa quy trình làm việc mang lại hiệu quả kinh doanh

lẫn sự tiện lợi của khách hàng, hướng đến phục vụ tốt nhất các nhu cầu của người tiêu dùng tại nhiều thời điểm khác nhau trong ngày.

Cũng dựa trên nền tảng công nghệ số, chúng tôi cũng đã triển khai KIDO Shop và E-commerce để hàng hóa từ Nhà phân phối đến tay người tiêu dùng và từ công ty đến người tiêu dùng một cách trực tiếp.

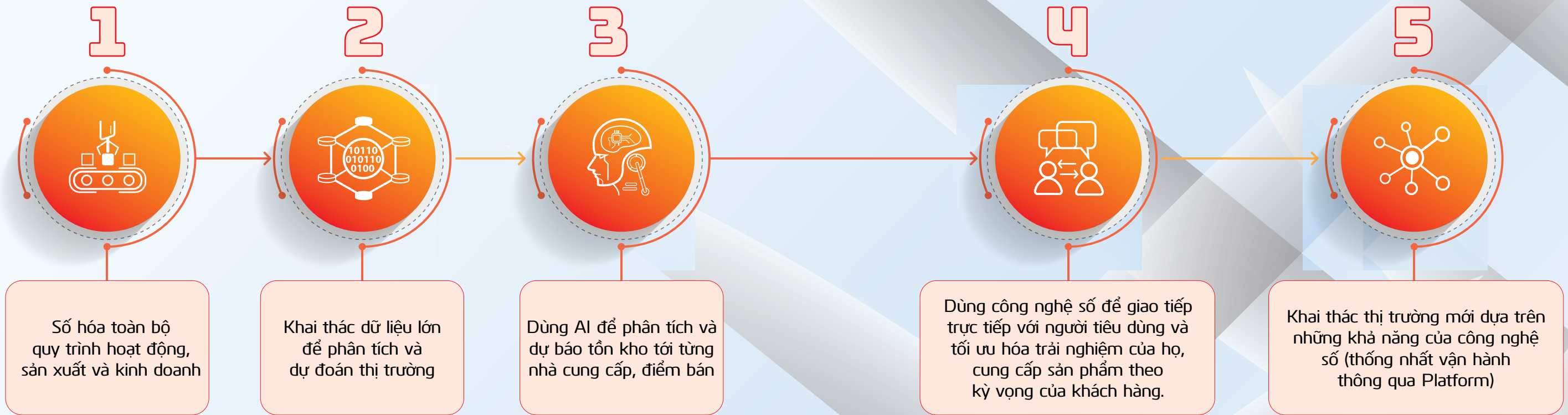
Đây là xu hướng tất yếu của công nghệ số 4.0 hiện nay. Chúng tôi đảm bảo tính ổn định của nền tảng số hóa bằng việc đầu tư có trọng tâm vào cấu trúc hệ thống linh hoạt, dễ dàng sử dụng, gây ấn tượng để phục vụ cho mọi đối tượng khách hàng bởi tính tiện lợi.

Bên cạnh đó, chúng tôi thiết lập hệ thống IT, tuyển dụng nhân tài, đầu tư mạnh mẽ vào công nghệ và triển khai các khóa đào tạo, để đảm bảo rằng các đối tượng khách hàng của chúng tôi từ Nhà phân phối, điểm bán lẻ, người tiêu dùng được sử dụng một hệ thống an toàn, ổn định và đảm bảo quyền bảo mật thông tin một cách tốt nhất.



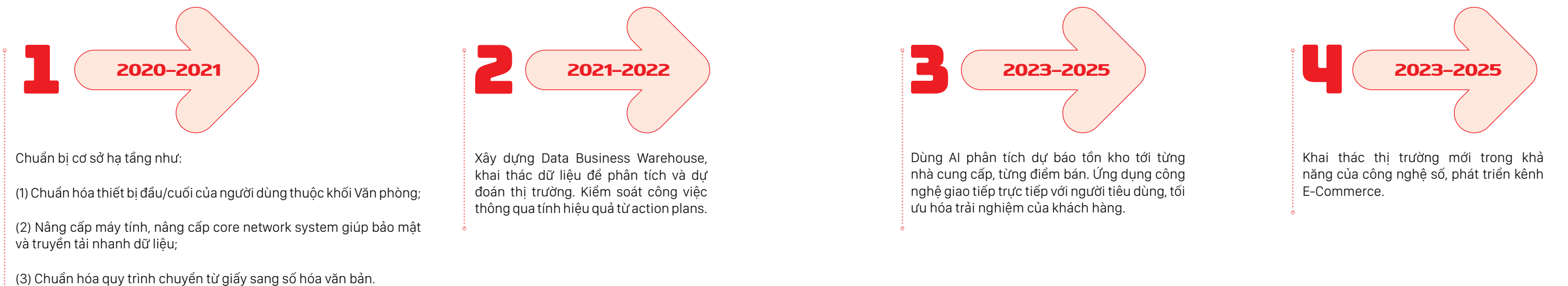
QUÁ TRÌNH SỐ HÓA VÀ TỰ ĐỘNG HÓA (tiếp theo)

CÁC BƯỚC THỰC HIỆN CHUYỂN ĐỔI CÔNG NGHỆ SỐ



LỘ TRÌNH CHUYỂN ĐỔI SỐ

ÁP DỤNG: HỆ THỐNG QUẢN LÝ QUY TRÌNH NGHIỆP VỤ





VỮNG VÀNG NỘI LỰC CHINH PHỤC THÀNH CÔNG

QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

KIDO LUÔN ĐẶT LỢI ÍCH CỦA NHỮNG ĐỐI TÁC LÊN HÀNG ĐẦU, BAO GỒM KHÁCH HÀNG, CÁC NHÀ CUNG CẤP, NHÀ PHÂN PHỐI, ĐIỂM BÁN LẺ, NHÀ ĐẦU TƯ VÀ CÁN BỘ CÔNG NHÂN VIÊN.

NỀN TẢNG CHÍNH SÁCH

Chúng tôi hiểu rằng mỗi nhóm đối tượng khách hàng đều có mối liên kết với nhau về lợi ích, do vậy cần phải thống nhất trong định hướng và truyền thông để đảm bảo mỗi nhóm đối tượng khách hàng đều hiểu rõ về chiến lược của Tập đoàn và của từng công ty thành viên.

KIDO đảm bảo hoạt động kinh doanh và các ý tưởng sáng tạo của chúng tôi không những đáp ứng được các kỳ vọng của các nhóm đối tượng khách hàng có lợi ích liên quan, mà còn giúp chúng tôi thích ứng được với những biến đổi của môi trường kinh doanh. Do đó, việc tăng cường cơ cấu quản trị doanh nghiệp sẽ được ưu tiên giúp KIDO gia tăng năng lực quản lý. Bên cạnh đó, việc tập trung tăng cường năng lực quản trị doanh nghiệp cũng sẽ giúp chúng tôi xây dựng được niềm tin, sự minh bạch với các đối tác và trách nhiệm xã hội với cộng đồng.

CÁC ĐẶC ĐIỂM CỦA CƠ CẤU QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

Tập đoàn đã trải qua một quá trình chuyển đổi lớn trong những năm vừa qua. Trong suốt quá trình đó, mục tiêu của chúng tôi là tạo ra nền tảng vững chắc cho hệ thống và quy trình nhằm mang lại hiệu quả kinh doanh và lợi nhuận. Đặc biệt chú trọng vào việc đơn giản hóa cấu trúc doanh nghiệp để tăng tính minh bạch cũng như hiệu quả trong tất cả các hoạt động.



Cấu trúc Ban Điều hành - EMC theo hình thức "ma trận" tại mỗi công ty thành viên, điều này sẽ tăng cường khả năng truyền đạt thông tin trong Tập đoàn và giúp đưa ra các quyết định được nhanh chóng và kịp thời. Được xây dựng dựa trên sự minh bạch giữa các chức năng và trong cả Tập đoàn, cấu trúc chức năng "ma trận" hiệu quả tạo thuận lợi trong quá trình thảo luận và ra các quyết định.

Chúng tôi cũng đã sử dụng mô hình Đơn vị kinh doanh chiến lược để quản lý các hoạt động kinh doanh tại Tập đoàn KIDO và các công ty thành viên.

HOẠT ĐỘNG CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Thông tin về các cuộc họp và Nghị quyết/Quyết định của Đại hội đồng cổ đông (bao gồm cả các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản):

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	Không có	23/03/2022	Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022
2	Không có	20/12/2022	Nghị quyết đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2022

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị (HĐQT) của Tập đoàn KIDO có 9 thành viên, trong đó có 3 thành viên độc lập. Các thành viên độc lập được lựa chọn từ hàng ngàn ứng viên dựa trên năng lực, kinh nghiệm và bằng cấp chuyên môn.

CÁC VẤN ĐỀ THUỘC THẨM QUYỀN CỦA HĐQT

HĐQT có trách nhiệm lớn nhất trong quản lý vận hành kinh doanh của Công ty và giám sát hoạt động của Công ty vì lợi ích cao nhất của cổ đông, bao gồm việc quản lý các công ty con phù hợp với kế hoạch kinh doanh cốt lõi của Tập đoàn nhằm đảm bảo tuân thủ với quy định pháp luật cũng như các mục tiêu kinh doanh của KIDO.

HĐQT giám sát việc quản lý thông qua các báo cáo của Ban Tổng Giám đốc tại cuộc họp báo cáo quý.

HĐQT đánh giá hoạt động của Ban Điều hành: Ban Điều hành tuân thủ quy chế, các chế độ báo cáo, triển khai các nghị quyết HĐQT, ĐHĐCĐ xuống các phòng ban; công việc của công ty thực hiện nghiêm túc, đúng yêu cầu.

Thù lao HĐQT và BKS được chi trả tuân thủ theo quy định tại Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên.

Trong năm công ty không có thực hiện giao dịch cổ phiếu quỹ.

QUẢN TRỊ RỦI RO

CÁC YẾU TỐ RỦI RO ĐƯỢC PHÂN LOẠI THÔNG QUA HỆ THỐNG CHẤM ĐIỂM TỪ MỨC “KHÔNG CHẮC CHẮN” ĐẾN “CÓ NGUY CƠ XẢY RA”. NHỮNG TÁC ĐỘNG TIỀM ẨN ĐƯỢC TÍNH TOÁN VÀ XẾP HẠNG TỪ “KHÔNG ĐÁNG KỂ” ĐẾN “NGHIÊM TRỌNG”. NẾU MỘT YẾU TỐ RỦI RO TIỀM ẨN ĐƯỢC XẾP HẠNG “CÓ THỂ XẢY RA” VÀ CÓ MỨC ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG LÀ “NGHIÊM TRỌNG”, NÓ SẼ ĐƯỢC BÁO CÁO NGAY CHO ỦY BAN QUẢN LÝ RỦI RO ĐỂ CÙNG LÀM VIỆC VỚI ỦY BAN KIỂM SOÁT NỘI BỘ.

CÁC CHÍNH SÁCH, QUY TRÌNH NÀY ĐƯỢC CẬP NHẬT VÀO HỆ THỐNG QUẢN LÝ VÀ THÔNG BÁO RỘNG RÃI TRÊN MẠNG NỘI BỘ CỦA TẬP ĐOÀN. ỦY BAN KIỂM SOÁT NỘI BỘ SẼ THEO SÁT NHẪM KIỂM TRA VÀ ĐÁNH GIÁ QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN.

QUY TRÌNH KIỂM SOÁT NỘI BỘ

Hàng năm, các hệ thống giám sát và quản lý rủi ro đều được đánh giá lại bởi Ủy ban Kiểm soát Nội bộ và những thay đổi cần thiết sẽ được thực hiện. Sau quá trình đánh giá, những chính sách mới sẽ được thông qua và triển khai, đồng thời chu trình này lặp lại như trên nhằm đảm bảo rằng việc quản lý rủi ro là một quá trình chủ động. Điều này phù hợp với môi trường kinh tế năng động như Việt Nam.

Các yếu tố rủi ro được phân loại thông qua hệ thống chấm điểm từ mức “Không chắc chắn” đến “Có nguy cơ xảy ra”. Những tác động tiềm ẩn được tính toán và xếp hạng từ “Không đáng kể” đến “Nghiêm trọng”. Nếu một yếu tố rủi ro tiềm ẩn được xếp hạng “Có thể xảy ra” và có mức đánh giá tác động là “Nghiêm trọng”, nó sẽ được báo cáo ngay cho Ủy ban Quản lý Rủi ro để cùng làm việc với Ủy ban Kiểm soát Nội bộ. Tập đoàn luôn hướng đến đưa ra các biện pháp theo dõi và giảm thiểu rủi ro.

Những chính sách, quy trình này sẽ được phổ biến cho Tập đoàn và các bộ phận để theo dõi tình hình và đảm bảo rằng bất kỳ biến động rủi ro nào cũng sẽ được báo cáo ngay cho Ủy ban.

Tập đoàn và các bộ phận liên tục đánh giá và xác định các rủi ro và cùng làm việc với Ủy ban Quản lý rủi ro nhằm giám sát các rủi ro có thể xảy ra trong Tập đoàn như xác suất xảy ra và xác định những vấn đề cần được giải quyết.



RỦI RO CHIẾN LƯỢC

Rủi ro kinh tế vĩ mô, chính trị - xã hội và pháp luật

Sự suy thoái kinh tế, lạm phát tăng cao và các vấn đề chính trị, xã hội ảnh hưởng tiêu cực đến chi tiêu của người tiêu dùng. Tập đoàn theo dõi chặt chẽ những biến đổi trong môi trường kinh tế và chính trị - xã hội trong khu vực để dự đoán những thay đổi trong tâm lý người tiêu dùng và giá nguyên liệu thô. Bên cạnh đó, duy trì các chính sách thận trọng trong việc mua hàng, quản lý vốn lưu động và kiểm soát chi phí nhằm giảm thiểu sự biến động khi nhu cầu tiêu dùng thay đổi.

Rủi ro từ nhu cầu tiêu dùng

Khả năng dự báo những thay đổi trong xu hướng và nhu cầu của tiêu dùng là yếu tố quan trọng mang lại thành công. Thất bại trong việc dự đoán xu hướng và nhu cầu sẽ tạo ra những rủi ro đáng kể cho Tập đoàn. Để giảm thiểu rủi ro này, Tập đoàn sử dụng chiến lược Quản trị Tập trung (Centralized Management) trên 05 phương diện: Chiến lược vận hành, Phát triển & Quản trị Thương hiệu, Phát triển Hệ thống Kênh phân phối, Quản trị Nhân sự, Tài chính & Đầu tư, giúp đảm bảo sự nhất quán trong

chiến lược phát triển, đồng bộ trong chính sách điều hành và trong hoạt động kinh doanh của Tập đoàn, từ đó cho phép chúng tôi tăng cường khả năng quản trị, giảm thiểu rủi ro trong quá trình vận hành.

Tạo mối quan hệ chặt chẽ với điểm bán lẻ và nhà phân phối cũng là một yếu tố quan trọng để đảm bảo mức độ tiếp cận sản phẩm, mức độ thâm nhập và tăng trưởng về mặt doanh thu.

RỦI RO BIẾN ĐỘNG GIÁ NGUYÊN LIỆU THÔ

Sự thay đổi giá nguyên liệu thô là một rủi ro đáng kể đối với lợi nhuận của chúng tôi. Với vị thế thị trường là một trong những nhà nhập khẩu đầu cọ và đầu nành lớn Việt Nam, chúng tôi chịu nhiều áp lực trong việc chủ động dự báo trước các biến động thị trường.

Để giảm thiểu rủi ro, chúng tôi chia sẻ trách nhiệm quản lý rủi ro này với các nhà cung cấp - là những nhà kinh doanh đầu ăn thô lớn nhất thế giới. Với kiến thức thị trường vững chắc của nhà cung cấp và sự am hiểu sâu sắc thị trường Việt Nam của chúng tôi, chúng tôi có thể gửi các nhà cung cấp một kế hoạch thu mua nguyên liệu rõ ràng và đảm bảo giá cố định trong một giai đoạn phù hợp để có sự ổn định trong chi phí sản xuất.

RỦI RO TIỀN TỆ

Rủi ro tiền tệ là kết quả trực tiếp từ sự chênh lệch nguồn trả bằng ngoại tệ cho nhập khẩu nguyên liệu đầu vào trong khi chúng tôi không có nguồn thu ngoại tệ tương ứng. Bằng khả năng có thể, chúng tôi đảm bảo phòng ngừa tất cả các hợp đồng nhập khẩu hàng bằng ngoại tệ bởi các hợp đồng tỷ giá kỳ hạn để cố định chi phí giá vốn hàng nhập khẩu của chúng tôi khi quy đổi sang VND. Chúng tôi cũng hạn chế các khoản vay ngoại tệ, và khi vay, chúng tôi đảm bảo đã phòng ngừa biến động tỷ giá và lãi suất.

Những thay đổi trên thị trường tài chính khu vực và toàn cầu có thể có tác động đáng kể đến lãi suất, dẫn đến rủi ro ảnh hưởng đến khả năng sinh lời, tính thanh khoản và lợi nhuận. Để giảm thiểu rủi ro này, chúng tôi chủ động theo dõi kỳ hạn đáo nợ của các khoản vay để cân bằng dòng tiền hoạt động với các khoản chi trả.

QUẢN TRỊ CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

NĂNG LƯỢNG TIÊU THỤ

NHU CẦU SỬ DỤNG ĐIỆN

STT	Ngành hàng	Đơn vị tính	Lượng sử dụng điện (bình quân tháng)
1	Màng bánh	kWh	59.820
2	Màng dầu ăn	kWh	1.126.193
3	Màng kem	kWh	1.467.305

(Nguồn: Tổng hợp Hóa đơn tiền điện tại các nhà máy thuộc Hệ thống Tập đoàn KIDO)

Ghi chú:

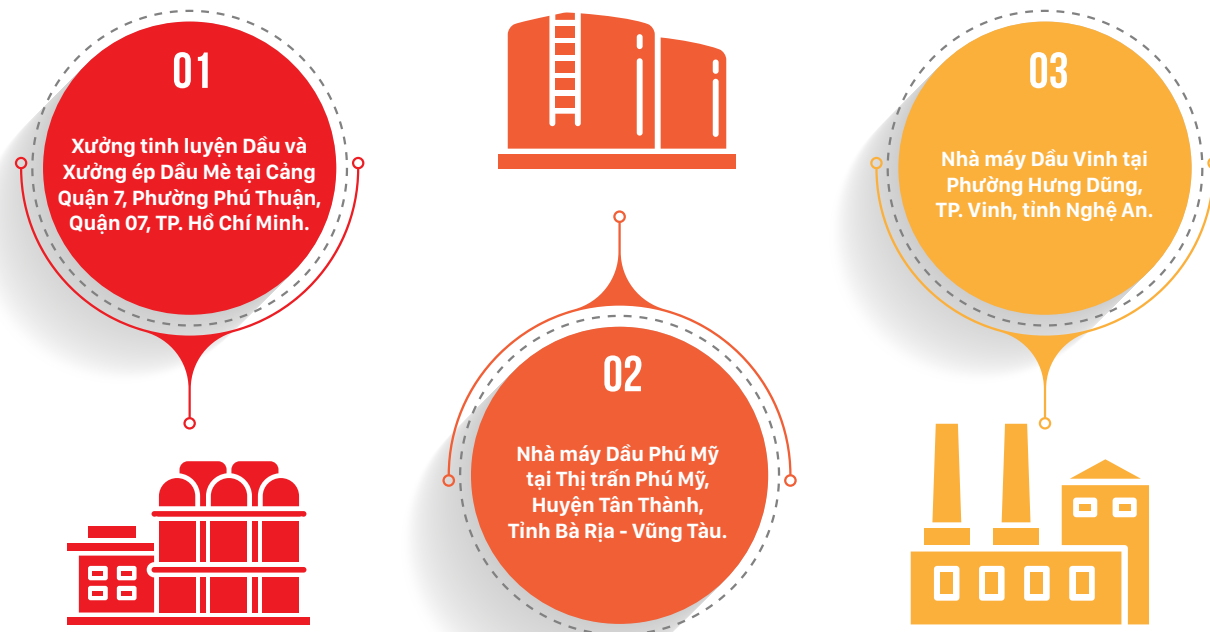
► **Màng bánh, nhà máy bao gồm:** Nhà máy sản xuất các loại bánh từ bột tại Lô 7-12 (khu A5), KCN Tân Thới Hiệp, phường Hiệp Thành, quận 12, thành phố Hồ Chí Minh. Do công ty mới đầu tư nhà máy và đi vào hoạt động từ tháng 06/2022. Do đó, từ tháng 01 đến tháng 05 công ty sử dụng điện cho mục đích phục vụ hoạt động xây dựng và cải tạo nhà xưởng.

Màng kem, nhà máy bao gồm:

1 Nhà máy Thực phẩm Đông lạnh tại Lô A2-7, Đường số N4 và tại Lô C2-3-2, Đường số D6, KCN Tây Bắc Củ Chi.

2 Nhà máy Thực phẩm Đông lạnh tại Số 8 - Đường số 3A - KCN Đô Thị & DV VSIP Bắc Ninh, Phù Chẩn - Từ Sơn - Bắc Ninh.

Màng dầu ăn, nhà máy bao gồm:



NHU CẦU SỬ DỤNG NƯỚC

STT	Ngành hàng	Đơn vị tính	Lượng sử dụng điện (bình quân tháng)
1	Màng bánh	m ³	993
2	Màng dầu ăn	m ³	18.888
3	Màng kem	m ³	15.580

(Nguồn: Tổng hợp Hóa đơn tiền nước tại các nhà máy thuộc Hệ thống Tập đoàn KIDO)

Ghi chú:

- **Màng bánh:** Từ tháng 01 đến tháng 05 nước sử dụng chủ yếu cho hoạt động xây dựng và cải tạo nhà xưởng, từ tháng 06 trở đi nhu cầu sử dụng nước phục vụ chính cho hoạt động sản xuất. Tuy nhiên, vào tháng 08 ngoài sử dụng nước phục vụ cho hoạt động sản xuất, công ty còn sử dụng nước cho hoạt động san lấp đường, rãnh đặt ống nước, ống điện và lắp hồ cá, nước chủ yếu dùng để đầm nền san lấp đất và rửa đường do đó nhu cầu sử dụng nước trong tháng 08 tăng cao so với các tháng khác lên tới 3.125 m³/ngày.
- **Màng kem:** Hiện tại công ty không còn sử dụng nước giếng khoan mà chuyển qua sử dụng hoàn toàn bằng nước thủy cục cho hoạt động của nhà máy.

QUẢN TRỊ CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG (tiếp theo)

NGUỒN NƯỚC VÀ HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

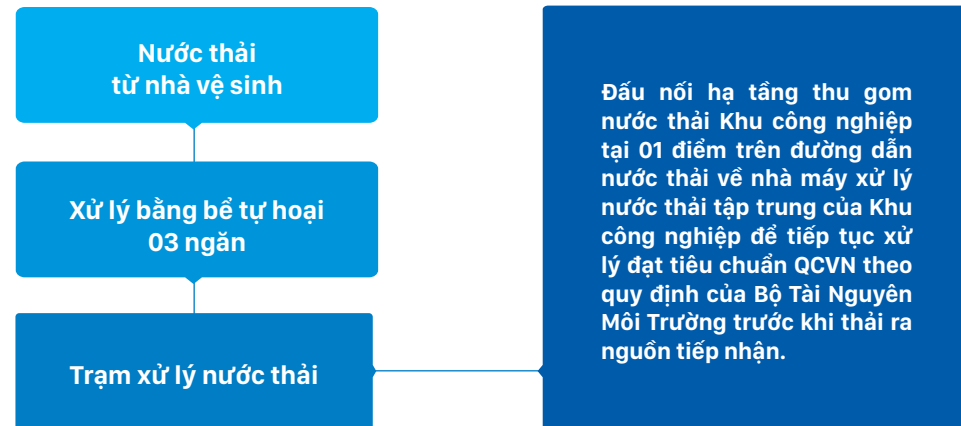
Nước thải phát sinh tại công ty từ các nguồn như sau:

- ▶ Nước thải sinh hoạt từ hoạt động vệ sinh của công nhân viên;
- ▶ Nước thải sản xuất phát sinh từ hoạt động vệ sinh máy móc, thiết bị sản xuất hàng ngày và nước xả đáy lò hơi định kỳ;

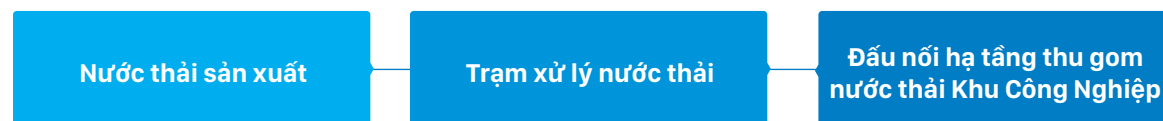
Định kỳ, Tập đoàn có thực hiện đánh giá tác động môi trường cho từng nhà máy để làm cơ sở xác định tổng lưu lượng nước thải phát sinh theo thiết kế trong kế hoạch bảo vệ môi trường.

CÔNG TRÌNH XỬ LÝ NƯỚC THẢI

Xử lý nước thải sinh hoạt



Xử lý nước thải sản xuất



QUAN TRẮC ĐỊNH KỲ NƯỚC THẢI VÀ BÙN THẢI

QUAN TRẮC ĐỊNH KỲ NƯỚC THẢI

Định kỳ, Tập đoàn có thực hiện đánh giá chất lượng nước thải phát sinh tại các nhà máy bằng cách phối hợp với đơn vị Phân tích và Đo đạc Môi trường có thẩm quyền lấy mẫu và phân tích chất lượng nước thải.

Tần suất quan trắc: 04 lần/năm.

Vị trí quan trắc, số lượng mẫu quan trắc vượt quy chuẩn: KHÔNG.

QUAN TRẮC NƯỚC THẢI LIÊN TỤC, TỰ ĐỘNG

Công ty không thuộc trường hợp thực hiện quan trắc nước thải tự động, liên tục.

QUAN TRẮC BÙN THẢI ĐỊNH KỲ

Định kỳ, Tập đoàn có thực hiện quan trắc bùn thải phát sinh tại các nhà máy bằng cách phối hợp với đơn vị Phân tích và Đo đạc Môi trường có thẩm quyền lấy mẫu và phân tích chất lượng nước thải.

Tần suất quan trắc: 02 lần/năm.

Vị trí quan trắc, số lượng mẫu quan trắc vượt quy chuẩn: KHÔNG.



QUẢN TRỊ CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG (tiếp theo)

CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI KHÍ THẢI

NGUỒN PHÁT SINH VÀ LƯU LƯỢNG KHÍ THẢI

Trong quá trình hoạt động, các nguồn có khả năng gây ô nhiễm môi trường không khí tại công ty bao gồm:

- ▶ Bụi và khí thải phát sinh từ hoạt động của phương tiện giao thông ra vào khu vực dự án;
- ▶ Bụi từ hoạt động bốc dỡ nguyên vật liệu, sản phẩm và nạp liệu tại khâu trộn;
- ▶ Bụi phát sinh từ công đoạn sản xuất: với một số nguyên liệu dạng bột, tại các khâu nhập liệu khi phối trộn sẽ làm phát sinh bụi. Bụi phát sinh trong công đoạn này có kích thước và trọng lượng nhỏ nên có khả năng phát tán và ảnh hưởng đến công nhân lao động trực tiếp;
- ▶ Bụi khí thải phát sinh từ lò hơi;
- ▶ Khí thải từ máy phát điện dự phòng;
- ▶ Mùi từ quá trình phân hủy rác tại vị trí tập trung rác của dự án.

CÔNG TRÌNH XỬ LÝ KHÍ THẢI

Để khống chế các nguồn ô nhiễm này, công ty đã thực hiện một số biện pháp như sau:

- ▶ **Biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải và tiếng ồn**
 - Xe ra vào dự án yêu cầu tốc độ chậm, hạn chế phương tiện vào khu vực dự án, ngoại trừ xe xuất nhập nguyên liệu và thành phẩm.
 - Sử dụng nước làm ẩm thường xuyên đường đi, sân bãi để giảm bụi.
 - Xe vận chuyển nguyên vật liệu phải che chắn, phủ bạt kín, tránh trường hợp rơi vãi làm ảnh hưởng đến môi trường và giao thông.
 - Đối với các phương tiện bốc dỡ và các xe vận chuyển thuộc tài sản của công ty, tiến hành bảo dưỡng định kỳ, vận hành đúng tải trọng để giảm thiểu các khí thải độc hại từ các phương tiện này.
 - Sử dụng nhiên liệu đạt chuẩn, nồng độ lưu huỳnh thấp (0,05%) cho các phương tiện vận chuyển.
 - Không sử dụng các loại xe đã hết hạn sử dụng.
 - Điều phối phương tiện giao thông hợp lý để tránh tập trung quá nhiều phương tiện giao thông hoạt động trong khu vực dự án cùng thời điểm.
 - Tắt máy trong khi chờ bốc xếp hàng hóa.
 - Cách ly nguồn ồn từ khu vực sản xuất chính với các khu vực khác trong Nhà máy.
 - Thường xuyên kiểm tra sự cân bằng máy khi lắp đặt, kiểm tra độ mòn chi tiết và kiểm tra dầu bôi trơn.
 - Gắn vào đầu ra của quạt thiết bị giảm âm.
 - Lắp đệm chống ồn cho chân quạt, thiết bị sản xuất.
 - Sử dụng các phương tiện vận tải chạy bằng Gas trong các nhà kho thay thế cho phương tiện chạy bằng xăng, dầu nhằm hạn chế tiếng ồn.
 - Trồng cây xanh trong khuôn viên Nhà máy để cách ly tiếng ồn với khu vực xung quanh.

▶ Biện pháp giảm thiểu tác động của bụi phát sinh trong quá trình bốc dỡ, nạp liệu tại khâu trộn

Để hạn chế tác động bụi đối với người lao động trực tiếp trong tại dự án. Một số biện pháp sau đã được công ty áp dụng:

- Đối với công nhân làm việc tại khu vực bốc dỡ, nạp liệu được trang bị khẩu trang trong quá trình làm việc;
- Bố trí hợp lý thời gian vận chuyển cũng như bốc dỡ nguyên liệu, sản phẩm, thường xuyên vệ sinh khu vực sau khi bốc dỡ;
- Các nguyên liệu, sản phẩm được che chắn cẩn thận, không để rơi vãi trong quá trình vận chuyển cũng như quá trình bốc dỡ;
- Thiết bị phối trộn được thiết kế kín, quá trình nạp nguyên liệu dạng bột được thực hiện song song với quá trình cấp nước để hạn chế bụi phát sinh;
- Ngoài ra, công ty còn duy trì mật độ cây xanh trong khuôn viên dự án để hạn chế bụi phát tán ra môi trường xung quanh.

▶ Giảm thiểu tác động của bụi, khí thải lò hơi

Lò hơi của dự án có công suất từ 2 tấn đến 2,6 tấn hơi/giờ, sử dụng nhiên liệu đốt là dầu DO. Quá trình đốt sẽ phát sinh các loại chất thải như bụi, SO₂, NO_x, CO. Tuy nhiên, theo kết quả tính toán tại Bảng 2.16, nồng độ khí thải lò hơi đốt dầu khá thấp và nằm trong giới hạn cho phép theo QCVN 19:2009/BTNMT cột B. Do đó, nhà máy chỉ thực hiện các biện pháp quản lý tốt để kiểm soát chất lượng khí thải lò hơi như sau:

- Lò hơi được trang bị ống khói cao để hạn chế khói thải ảnh hưởng đến các công ty lân cận;
- Sử dụng dầu DO có hàm lượng lưu huỳnh thấp S ≤ 0,05%;
- Vận hành lò hơi đúng kỹ thuật;
- Thường xuyên kiểm tra, bảo trì lò hơi;
- Giám sát chất lượng khí thải định kỳ.

▶ Giảm thiểu tác động của máy phát điện dự phòng

- Sử dụng dầu có tỷ lệ %S thấp (dầu DO) để giảm nồng độ SO₂ trong khí thải. Với hàm lượng S = 0,05% này thì nồng độ SO₂ trong khí thải sẽ nằm trong quy chuẩn cho phép.
- Máy phát điện nhà máy sử dụng là loại mới (100%) có trang bị các bộ phận giảm ồn và rung, hạn chế tối đa tác động của tiếng ồn, rung và lượng khói thải gây ô nhiễm.
- Dự án sẽ ưu tiên sử dụng điện lưới vì lý do kinh tế và môi trường.
- Máy phát điện sẽ được bố trí trong nhà đặt máy phát điện riêng và tường bao quanh máy phát điện được thiết kế bằng tường dày bố trí xốp bên trong nhằm hạn chế tiếng ồn phát ra ngoài.
- Sử dụng biện pháp phát tán khí thải theo chiều cao nhằm pha loãng khí thải vào không khí;

▶ Giảm thiểu tác động của mùi hôi từ khu chứa rác tập trung

Đối với rác thải sinh hoạt, rác tươi từ sản xuất, chủ dự án cần phải thực hiện nghiêm túc và đầy đủ các biện pháp quản lý chặt chẽ từ quá trình thu gom, lưu chứa và hợp đồng với đơn vị vệ sinh để vận chuyển rác ngay trong ngày, tránh tình trạng ứ đọng rác thải lâu ngày. Quá trình lưu chứa rác thải, chủ dự án cần thực hiện các biện pháp sau:

- Bố trí khu lưu chứa rác riêng và dụng cụ lưu chứa đảm bảo an toàn;
- Chuyển giao chất thải sinh hoạt cho đơn vị thu gom, xử lý hàng ngày, tránh lưu chứa quá lâu;
- Bố trí thêm cây xanh quanh khu vực chứa rác để hấp thụ một phần mùi hôi.

QUẢN TRỊ CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG (tiếp theo)

CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI KHÍ THẢI (tiếp theo)

QUAN TRẮC ĐỊNH KỲ KHÍ THẢI

Định kỳ, Tập đoàn có thực hiện quan trắc khí thải phát sinh tại các nhà máy bằng cách phối hợp với đơn vị Phân tích và Đo đạc Môi trường có thẩm quyền lấy mẫu và phân tích chất lượng khí thải.

Tần suất quan trắc: 04 lần/năm.

Vị trí quan trắc, số lượng mẫu quan trắc vượt quy chuẩn: KHÔNG.

Công ty không thuộc trường hợp thực hiện quan trắc khí thải tự động, liên tục.

CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CHẤT THẢI

Các giải pháp phòng ngừa sự cố môi trường tại cơ sở.

ĐỐI VỚI QUẢN LÝ CHẤT THẢI RẮN THÔNG THƯỜNG

Hằng năm, Tập đoàn phối hợp với các đơn vị có chức năng và thẩm quyền thực hiện quản lý, phân loại, thu gom chất thải rắn thông thường theo quy định nhằm thực hiện thống kê chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn công nghiệp thông thường (bao gồm cả phát sinh thường xuyên và đột xuất) phát sinh tại các nhà máy.

ĐỐI VỚI QUẢN LÝ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Hằng năm, Tập đoàn phối hợp với các đơn vị có thẩm quyền thực hiện thống kê và báo cáo thực hiện quản lý chất thải nguy hại.

Kế hoạch quản lý chất thải nguy hại trong kỳ báo cáo tới:

Tiếp tục thực hiện quản lý, phân loại, thu gom và xử lý chất thải rắn theo Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính Phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

CÔNG TÁC PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ VÀ KHẮC PHỤC SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

Việc thực hiện công tác phòng ngừa, ứng phó và khắc phục sự cố môi trường, tập trung làm rõ các nội dung chính như sau:

BIỆN PHÁP AN TOÀN LAO ĐỘNG

Trong quá trình hoạt động, công ty sẽ thực hiện các biện pháp sau đây để phòng ngừa sự cố tai nạn lao động:

- ▶ Xây dựng chi tiết các bảng nội quy về an toàn lao động cho từng khâu và từng công đoạn sản xuất;
- ▶ Trang bị đầy đủ các trang thiết bị bảo hộ lao động cho công nhân;
- ▶ Trang bị các trang thiết bị và dụng cụ y tế và thuốc men cần thiết để kịp thời ứng cứu sơ bộ trước khi chuyển nạn nhân đến bệnh viện;
- ▶ Lên kế hoạch ứng cứu sự cố trong đó xác định những vị trí có khả năng xảy ra sự cố, bố trí nhân sự và trang thiết bị thông tin để đảm bảo thông tin khi có xảy ra sự cố;
- ▶ Phối hợp với các cơ quan chuyên môn tổ chức các buổi huấn luyện về thao tác ứng cứu khẩn cấp, thực hành cấp cứu y tế, sử dụng thành thạo các phương tiện thông tin, địa chỉ liên lạc khi có sự cố;
- ▶ Người lao động (kể cả học nghệ) trước khi vào làm việc phải được khám sức khỏe; chủ dự án phải căn cứ vào thực trạng sức khỏe để bố trí việc làm phù hợp với người lao động;
- ▶ Có kế hoạch khám sức khỏe định kỳ cho công nhân viên ít nhất 1 lần/năm, việc khám sức khỏe được các đơn vị chuyên môn thực hiện và tuân thủ theo quy định tại Thông tư 14/2013/TT-BYT ngày 06/05/2013 của Bộ Y tế về việc hướng dẫn khám sức khỏe.



QUẢN TRỊ CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG (tiếp theo)

CÔNG TÁC PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ VÀ KHẮC PHỤC SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG (tiếp theo)

PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ SỰ CỐ CHÁY NỔ

Dự án được xây dựng và trang bị các thiết bị phòng, phát hiện và chữa cháy theo tiêu chuẩn quốc tế và tiêu chuẩn phòng cháy chữa cháy của Việt Nam.

- ▶ Thành lập tổ kiểm tra, bảo vệ hệ thống mạng lưới dẫn điện của dự án. Từ đó, sẽ giảm thiểu được sự cố cháy do chập điện, phóng điện xảy ra.
- ▶ Đặt các bảng nội quy, tiêu lệnh PCCC tại các lối ra vào và trong các khu vực dễ phát sinh cháy nổ.
- ▶ Thực hiện nghiêm chỉnh các tiêu chuẩn quy phạm, quy định về phòng chống cháy nổ trong quá trình hoạt động.
- ▶ Các nhân viên của công ty được tập huấn, hướng dẫn các phương pháp phòng chống cháy nổ.
- ▶ Thường xuyên kiểm tra, giám sát khu vực chứa nhiên liệu, hóa chất nhằm tránh hiện tượng rò rỉ nhiên liệu, hóa chất gây cháy nổ.
- ▶ Đầu tư các thiết bị PCCC tại các khu vực. Bố trí đường ống dẫn nước chữa cháy theo mạng lưới tại tất cả các khu vực chính, đặt các họng cứu hỏa tại các điểm gần các khu chức năng thuận tiện cho việc chữa cháy. Các trụ chữa cháy bố trí theo đường trục cách mép đường chính từ 1 - 2 mét.
- ▶ Để đảm bảo ứng cứu kịp thời sự cố cháy nổ, tại các khu chức năng sẽ thiết lập hệ thống báo cháy tự động đồng thời lắp đặt hệ thống chữa cháy trực tiếp bằng các vòi rồng phun nước theo quy phạm hiện hành.
- ▶ Lắp đặt hệ thống chống sét chung cho toàn bộ khu vực dự án và từng phân khu chức năng, đặc biệt các vị trí cao của khu vực dự án, tại khu vực trạm điện, theo các công nghệ mới nhằm đạt độ an toàn cao cho các hoạt động của dự án.
- ▶ Sử dụng loại thiết bị chống sét tích cực, các trụ chống sét được bố trí để bảo vệ dự án với độ cao bảo vệ theo quy định.
- ▶ Hệ thống kho chứa nguyên, nhiên liệu được thiết kế đạt tiêu chuẩn về kỹ thuật, an toàn.
- ▶ Các phương tiện vận chuyển nguyên, nhiên liệu phải có đủ tư cách pháp nhân cũng như đáp ứng tiêu chuẩn an toàn, kỹ thuật để có thể đảm đương được công tác vận chuyển trên đường giao thông.

Biện pháp ứng phó:

Khi có sự cố cháy nổ xảy ra công ty sẽ có các biện pháp xử lý như sau:

- ▶ Khi phát hiện đám cháy, nổ báo ngay cho đội phản ứng nhanh.
- ▶ Di dời công nhân ra khỏi khu vực nguy hiểm
- ▶ Sử dụng ngay nhân lực và phương tiện chữa cháy tại chỗ để hạn chế thiệt hại do sự cố.
- ▶ Tùy theo mức độ của sự cố mà đội phản ứng nhanh sẽ quyết định triển khai tự khắc phục hay gọi ngay cho đội PCCC của khu vực.
- ▶ Đền bù khắc phục các thiệt hại liên quan nếu có.

PHÒNG NGỪA SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

▶ Phòng ngừa sự cố đường ống cấp, thoát nước

- Đường ống cấp, thoát nước phải có đường cách ly an toàn.
- Thường xuyên kiểm tra và bảo trì những mối nối, van khóa trên hệ thống đường ống dẫn. Tiến hành nạo vét hệ thống cống rãnh định kỳ.
- Đảm bảo không có bất kỳ công trình xây dựng trên đường ống dẫn nước.

▶ Phòng ngừa sự cố bể tự hoại và Hệ thống xử lý nước thải cục bộ

Công ty phải thường xuyên theo dõi hoạt động của bể tự hoại, bảo trì, bảo dưỡng định kỳ, tránh các sự cố có thể xảy ra như:

- Tắc nghẽn bồn cầu hoặc tắc nghẽn đường ống dẫn đến phân, nước tiểu không tiêu thoát được.
- Tắc đường ống thoát khí bể tự hoại gây mùi hôi thối trong nhà vệ sinh hoặc có thể gây nổ hầm cầu. Trường hợp này phải thông ống dẫn khí để hạn chế mùi hôi cũng như đảm bảo an toàn cho nhà vệ sinh.
- Hợp đồng với đơn vị có chức năng tiến hành thu gom, hút hầm cầu định kỳ và mang đi xử lý đúng quy định.

▶ Đối với Hệ thống xử lý nước thải:

- Trang bị các loại máy móc dự phòng như máy bơm nước thải, mô tơ khuấy, máy định lượng hóa chất,... để thay thế ngay sau khi các máy móc bị hỏng, giúp cho hệ thống xử lý luôn hoạt động.
- Công nhân vận hành hệ thống xử lý nước thải được công ty tuyển chọn là kỹ sư đã được đào tạo chuyên ngành về môi trường, có kinh nghiệm trong vấn đề vận hành hệ thống xử lý nước thải.
- Nhân viên quản lý môi trường tại công ty sẽ được tham gia các lớp tập huấn do các cơ quan nhà nước tổ chức.
- Công ty sẽ ký hợp đồng với những đơn vị có kinh nghiệm trong vấn đề xây dựng hệ thống xử lý nước thải để bảo trì hệ thống thường xuyên, nhằm kịp thời thay thế khắc phục sự cố xảy ra giúp hệ thống xử lý nước thải luôn trong tình trạng hoạt động tốt.
- Khi có bất kỳ sự cố về thu gom, xử lý nước thải xảy ra phải tạm ngưng xả thải ra Khu Công nghiệp và báo ngay cho đơn vị quản lý hạ tầng để có phương án ứng phó hợp lý.

▶ Phòng ngừa sự cố đối với việc lưu chứa, thu gom, xử lý chất thải rắn:

- Đảm bảo 100% chất thải rắn phát sinh tại dự án được thu gom, lưu chứa và xử lý đúng quy định.
- Đảm bảo kho lưu chứa chất thải đủ sức chứa, được bố trí, vệ sinh sạch sẽ.
- Chất thải rắn được lưu chứa, bao gói cẩn thận tránh rò rỉ nước thải ra môi trường.
- Bố trí nhân sự phụ trách giám sát, theo dõi việc thu gom, lưu chứa chất thải và liên hệ các đơn vị chức năng thu gom, xử lý kịp thời, tránh tình trạng chất thải bị ứ lại nhiều ngày đặc biệt là chất thải sinh hoạt làm phát sinh mùi hôi, ảnh hưởng đến mỹ quan nhà máy và sức khỏe người lao động.



QUẢN TRỊ CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG (tiếp theo)

NGUỒN NGUYÊN VẬT LIỆU DÙNG CHO THÀNH PHẨM VÀ TÁI CHẾ



MÀNG BÁNH

- ▶ Nhà máy sản xuất các loại bánh từ bột bắt đầu đi vào hoạt động từ tháng 06/2022. Tần suất hoạt động thường xuyên. Khối lượng thành phẩm bình quân đạt 93,5 tấn/tháng với tỷ trọng phân bổ cho từng thành phẩm gồm Bánh mì; Bánh bông lan và Bánh trung thu.
- ▶ Các nguyên liệu chính sản xuất bánh gồm: bột mì, đường cát, sữa, dầu olein, shortening, sốt, trứng, bơ, phụ gia, thịt, trứng muối, củ quả, đậu xanh, hạt sen, khoai môn, bao bì đóng gói.
- ▶ Toàn bộ các nguyên vật liệu sản xuất bánh được đăng ký sản lượng định kỳ và được sử dụng tuân thủ đúng quy định. Hiện tại, chưa có bất kỳ phát sinh nào liên quan đến các phụ phẩm, phế phẩm sau sản xuất phát sinh quá trình tái chế.

MÀNG KEM

- ▶ Sản phẩm cơ sở tại Nhà máy thực phẩm đông lạnh gồm: Kem, sữa chua và bánh bao, bánh hấp. Hiện tại, công ty không sản xuất bánh bao và bánh hấp mà chỉ sản xuất kem và sữa chua. Tần suất hoạt động: thường xuyên.
- ▶ Năm 2022, Khối lượng thành phẩm kem bình quân đạt 1,35 triệu lít/tháng và Khối lượng thành phẩm sữa chua bình quân đạt 0,2 triệu lít/tháng.
- ▶ Các nguyên liệu chính sản xuất kem gồm: sữa, hương liệu, màu, gia vị, que kem, đường kết tinh, đường mạch nha, dầu dừa, bột mì, socola, khác: dâu, chuối, đậu, dừa, táo, hạnh nhân,... (đã sơ chế).
- ▶ Các nguyên liệu chính sản xuất sữa chua gồm: sữa, hương liệu, màu, phụ gia, men, đường, mạch nha, đường kết tinh, khác: nha đam, cam, nhãn, dưa gang,... (đã sơ chế).
- ▶ Toàn bộ các nguyên vật liệu sản xuất kem và sữa chua được đăng ký sản lượng định kỳ và được sử dụng tuân thủ đúng quy định. Hiện tại, chưa có bất kỳ phát sinh nào liên quan đến các phụ phẩm, phế phẩm sau sản xuất để phát sinh quá trình tái chế.

MÀNG DẦU ĂN

- ▶ Sản phẩm cơ sở tại các Nhà máy sản xuất dầu gồm: Dầu tinh luyện, dầu thành phẩm, dầu mè, dầu hạt đậu nành, bơ thực vật. Tần suất hoạt động: thường xuyên.
- ▶ Năm 2022, Khối lượng thành phẩm dao động từ 20.000 tấn đến 30.000 tấn/tháng.
- ▶ Các nguyên liệu chính sản xuất thành phẩm gồm: dầu cọ, dầu hạt đậu nành, dầu hoa hướng dương, dầu hạt cải,...
- ▶ Toàn bộ các nguyên vật liệu sản xuất thành phẩm được sử dụng tuân thủ đúng quy định. Ngoài thành phần chính từ quá trình tinh luyện dầu, các sản phẩm như: Bánh dầu, stearin, shortening, axit béo hỗn hợp là những loại phụ phẩm trong quá trình sản xuất dầu thực vật dùng làm nguyên liệu chế biến trong ngành chế biến thực phẩm, thức ăn cho gia súc. Công ty không thực hiện tái chế các phụ phẩm, công ty tiến hành tìm và cung cấp phụ phẩm cho các doanh nghiệp kinh doanh trong lĩnh vực chế biến thực phẩm, thức ăn cho gia súc.

BÁO CÁO của Hội đồng Quản trị & Ban Kiểm Soát

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

BÁO CÁO HỌP & NGHỊ QUYẾT HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Trong năm 2022, Hội đồng Quản trị ("HĐQT") đã tổ chức 20 buổi họp thường kỳ. Thông qua các buổi họp, HĐQT đã ban hành các Nghị quyết sau:

CÁC CUỘC HỌP HĐQT VÀ NGHỊ QUYẾT CỦA HĐQT

HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT ĐỐI VỚI BAN ĐIỀU HÀNH

► Thông tin về thành viên HĐQT và các cuộc họp HĐQT:



STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp HĐQT tham dự	Ngày bổ nhiệm	Tỷ lệ biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Trần Kim Thành	Chủ tịch HĐQT	20/20	15/06/2020	100%	0,20%
2	Trần Lệ Nguyên	Phó Chủ tịch HĐQT	20/20	15/06/2020	100%	13,23%
3	Vương Bửu Linh	Thành viên HĐQT	20/20	15/06/2020	100%	0,91%
4	Vương Ngọc Xiêm	Thành viên HĐQT	20/20	15/06/2020	100%	0,06%
5	Trần Quốc Nguyên	Thành viên HĐQT	20/20	15/06/2020	100%	0,13%
6	Nguyễn Thị Xuân Liễu	Thành viên HĐQT	20/20	15/06/2020	100%	-
7	Nguyễn Văn Thuận	Thành viên HĐQT độc lập	20/20	15/06/2020	100%	0,03%
8	Nguyễn Gia Huy Chương	Thành viên HĐQT độc lập	20/20	15/06/2020	100%	0,01%
9	Nguyễn Đức Trí	Thành viên HĐQT độc lập	20/20	15/06/2020	100%	0,00%

► Thông tin về Ban Điều hành và Kế toán trưởng

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Trình độ chuyên môn	Ngày bổ nhiệm
1	Ông Trần Lệ Nguyên	Tổng Giám Đốc	Đại học	06/09/2002
2	Bà Vương Bửu Linh	Phó Tổng Giám Đốc	Đại học	06/09/2002
3	Bà Vương Ngọc Xiêm	Phó Tổng Giám Đốc	Đại học	06/09/2002
4	Bà Nguyễn Thị Xuân Liễu	Phó Tổng Giám Đốc	Tiến sỹ	12/12/2014
5	Ông Trần Quốc Nguyên	Phó Tổng Giám Đốc	Đại học	15/12/2010
6	Ông Wang Ching Hua	Phó Tổng Giám Đốc	Đại học	06/09/2002
7	Ông Mai Xuân Trâm	Phó Tổng Giám Đốc	Thạc sỹ	06/09/2002
8	Ông Bùi Thanh Tùng	Phó Tổng Giám Đốc	Đại học	15/12/2009
9	Ông Trần Tiến Hoàng	Phó Tổng Giám Đốc	Đại học	05/01/2011
10	Ông Mã Thanh Danh	Phó Tổng Giám Đốc	Đại học	05/12/2013
11	Bà Nguyễn Thị Oanh	Kế Toán Trưởng	Đại học	08/08/2011

► Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Tổng Giám đốc:

Hàng tháng, yêu cầu Ban Tổng Giám đốc báo cáo hiệu quả kinh doanh.

Tại các cuộc họp Hội đồng Quản trị có sự tham gia của Ban Tổng Giám đốc để nắm bắt được chủ trương lãnh đạo của Hội đồng Quản trị, đồng thời Ban Tổng Giám đốc báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh.



BÁO CÁO

của Hội đồng Quản trị & Ban Kiểm soát (tiếp theo)

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- ▶ Tiểu ban Kiểm toán nội bộ trực thuộc HĐQT Công ty. Tiểu ban tổ chức và hoạt động tuân thủ theo Quy chế Kiểm toán nội bộ Công ty.
- ▶ Bà Nguyễn Thị Xuân Liễu – thành viên HĐQT làm Trưởng ban Kiểm toán nội bộ.

CÁC NGHỊ QUYẾT/QUYẾT ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	KDC01/2022/NQ-HĐQT	07/02/2022	Nghị quyết về ngày ĐKCC tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2022.
2	KDC02/2022/NQ-HĐQT	28/02/2022	Nghị quyết thông qua Quy chế Kiểm toán nội bộ và thành lập Tiểu ban KTNB trực thuộc HĐQT.
3	KDC03/2022/NQ-HĐQT	16/03/2022	Nghị quyết về thông qua nội dung chương trình họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2022.
4	KDC04/2022/NQ-HĐQT	23/03/2022	Nghị quyết về việc bầu cử thay thế chủ tọa ĐHĐCĐ thường niên năm 2022.
5	KDC05/2022/NQ-HĐQT	28/03/2022	Nghị quyết về ngày ĐKCC chi trả cổ tức năm 2021 bằng tiền mặt.
6	KDC06/2022/NQ-HĐQT	06/06/2022	Nghị quyết thông qua phương án bán cổ phiếu quỹ.
7	KDC07/2022/NQ-HĐQT	28/06/2022	Nghị quyết về việc chỉnh sửa, bổ sung phương án bán cổ phiếu quỹ.
8	KDC08/2022/NQ-HĐQT	28/06/2022	Nghị quyết thông qua hợp đồng, giao dịch của Công ty với người nội bộ và người có liên quan.
9	KDC09/2022/NQ-HĐQT	28/06/2022	Nghị quyết về việc cổ phần hóa công ty TNHH Thực phẩm Đông lạnh KIDO.
10	KDC10/2022/NQ-HĐQT	07/07/2022	Nghị quyết lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2022.
11	KDC11/2022/NQ-HĐQT	02/08/2022	Nghị quyết về ngày ĐKCC tạm ứng cổ tức năm 2022 bằng tiền mặt.
12	KDC12/2022/NQ-HĐQT	24/08/2022	Nghị quyết thông qua chủ trương ký kết và thực hiện các hợp đồng, giao dịch với các bên liên quan bao gồm công ty con, công ty liên doanh liên kết.
13	KDC13/2022/NQ-HĐQT	05/10/2022	Nghị quyết về việc thành lập công ty TNHH KIDO Long An.
14	KDC14/2022/NQ-HĐQT	03/11/2022	Nghị quyết về ngày ĐKCC tổ chức ĐHĐCĐ bất thường năm 2022.
15	KDC15/2022/NQ-HĐQT	10/11/2022	Nghị quyết về việc xác định tiêu chuẩn và danh sách NLD tham gia chương trình phát hành cổ phiếu cho NLD. Nguyên tắc xác định số cổ phiếu và thời gian thực hiện.
16	KDC16/2022/NQ-HĐQT	10/11/2022	Nghị quyết về việc triển khai thực hiện phương án phát hành, thông qua phương án đảm bảo việc phát hành đáp ứng quy định tỷ lệ sở hữu nước ngoài.
17	KDC17/2022/NQ-HĐQT	10/11/2022	Nghị quyết về việc thông qua lộ trình dự kiến thực hiện việc phát hành cổ phiếu theo chương trình ESOP và việc phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu.
18	KDC18/2022/NQ-HĐQT	30/11/2022	Nghị quyết thông qua việc dừng và giải thể Công ty TNHH LD thực phẩm và đồ uống VibeV.
19	KDC19/2022/NQ-HĐQT	16/12/2022	Nghị quyết thông qua việc thoái vốn khỏi Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại TTV.
20	KDC20/2022/NQ-HĐQT	20/12/2022	Nghị quyết về việc bầu cử thay thế chủ tọa ĐHĐCĐ bất thường năm 2022.

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

MỘT SỐ ĐẶC ĐIỂM TRONG NĂM 2022 TÁC ĐỘNG ĐẾN KINH DOANH CỦA CÔNG TY

Tình hình kinh tế thế giới diễn biến phức tạp: lạm phát duy trì ở mức cao, nhất là ở châu Âu và Mỹ; xu hướng tăng lãi suất, thu hẹp chính sách tiền tệ ở nhiều quốc gia; thời tiết diễn biến bất thường ở nhiều châu lục,... Kinh tế Việt Nam được khôi phục trở lại nhưng cần thời gian để định hình và lấy lại vị thế sau 2 năm ảnh hưởng bởi đại dịch Covid-19. Đặc biệt, yếu tố lạm phát là mối lo ngại của nhiều doanh nghiệp và việc làm của nhiều người lao động đã bị ảnh hưởng do chính sách cắt giảm nhân sự của nhiều doanh nghiệp, kết hợp những ảnh hưởng tổn động hậu Covid dẫn đến người tiêu dùng thận trọng hơn trong chi tiêu.

Linh hoạt trong điều chỉnh kế hoạch kinh doanh phù hợp cho từng giai đoạn, KIDO đã phát huy tối đa các thế mạnh bên trong và bên ngoài, đem lại nhiều thành quả trong năm qua, cụ thể:

- ▶ KIDO hiện là đơn vị dẫn đầu trong ngành hàng kem lạnh tại Việt Nam với thị phần nắm giữ chiếm 44,5% (Theo số liệu mới nhất từ Euromonitor), trong đó thương hiệu Merino chiếm 24,2% và thương hiệu Celano chiếm 19,2%.
- ▶ KIDO xếp thứ 2 trong ngành dầu tại Việt Nam với những thương hiệu nổi bật như Tường An Cooking Oil, Marvela, Olita, Vio..., thị phần theo tỷ lệ sở hữu và chi phối ở khoảng 39% (Theo số liệu nội bộ).
- ▶ KIDO cũng đang dẫn đầu ngành bơ thực vật tại Việt Nam với thị phần 74,9% (Theo số liệu từ Euromonitor, 2022).
- ▶ Tháng 10/2021, KIDO quay trở lại mảng bánh tươi với thương hiệu KIDO's Bakery. Hiện nay, KIDO's Bakery đã nhanh chóng mở rộng hệ thống bán lẻ trên toàn quốc.
- ▶ Năm 2022, KIDO trở lại mảng bánh trung thu với thương hiệu KIDO's Bakery, nhanh chóng nằm trong Top 3 thương hiệu lớn về quy mô kinh doanh.

KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2022

- ▶ Các chỉ tiêu theo Nghị Quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2022, kết quả thực hiện như sau: doanh thu thuần của Tập đoàn KIDO đạt 12.535 tỷ đồng, hoàn thành 89,5% kế hoạch năm, tăng 19,4% so với năm 2021; Lợi nhuận trước thuế năm 2022 đạt 511 tỷ đồng, hoàn thành 56,7% kế hoạch đề ra của cả năm.
- ▶ Tổng công ty đã đảm bảo công ăn việc làm, thu nhập cho người lao động và đóng góp vào ngân sách Nhà nước cũng như hoạt động ủng hộ, chia sẻ cùng cộng đồng xã hội.
- ▶ Báo cáo tài chính năm 2022 của Tập đoàn đã được kiểm toán bởi Công ty trách nhiệm hữu hạn Ernst & Young với ý kiến chấp nhận toàn phần.



TRONG ĐIỀU KIỆN KINH TẾ CÓ NHỮNG THUẬN LỢI VÀ KHÓ KHĂN, KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC NHƯ TRÊN LÀ SỰ NỖ LỰC RẤT LỚN CỦA HĐQT, BAN ĐIỀU HÀNH VÀ NGƯỜI LAO ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN.

BÁO CÁO của Hội đồng Quản trị & Ban Kiểm Soát (tiếp theo)

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

THÔNG TIN VỀ THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT ("BKS") VÀ CUỘC HỌP CỦA BKS

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp HĐQT tham dự	Ngày bổ nhiệm	Tỷ lệ biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Nguyễn Thị Ngọc Chi	Trưởng Ban Kiểm Soát	2/2	15/06/2020	100%	0,00%
2	Lương Quang Hiến	Thành viên BKS	2/2	15/06/2020	100%	0,00%
3	Lương Mỹ Duyên	Thành viên BKS	2/2	15/06/2020	100%	0,00%

HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA BKS ĐỐI VỚI HĐQT, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH VÀ CỔ ĐÔNG

- Các hoạt động của HĐQT đều tuân thủ đúng theo Luật Doanh Nghiệp và Điều lệ Công ty. HĐQT đã tổ chức và duy trì đều đặn các phiên họp định kỳ, sau đó triển khai kịp thời các Nghị quyết của HĐQT để Ban Tổng Giám đốc điều hành thực hiện.
- Những vấn đề thảo luận và biểu quyết tại các cuộc họp HĐQT đều trên cơ sở Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và thuộc thẩm quyền của HĐQT. Việc thảo luận và biểu quyết là phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của HĐQT theo Luật Doanh Nghiệp và Điều lệ Công ty.
- Ban Tổng Giám đốc tham gia đầy đủ các cuộc họp với HĐQT.

SỰ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA BKS ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH VÀ CÁC CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC

- HĐQT và Ban Tổng Giám đốc đã có nhiều nỗ lực, thường xuyên chỉ đạo CB-CNV Công ty thực hiện tiết kiệm tối đa chi phí quản lý và duy trì, ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh.
- BKS được mời tham gia các cuộc họp với HĐQT và Ban Tổng Giám đốc.
- BKS thực hiện việc giám sát, kiểm tra việc quản lý và thực hiện các mục tiêu kinh doanh của HĐQT và Ban Tổng Giám đốc, kiểm tra tính hợp pháp, hợp lý của các hoạt động kinh doanh trong năm theo các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
- Kiểm tra và giám sát việc ban hành các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT và Ban Tổng Giám đốc điều hành.
- Hoạt động của Ban kiểm soát luôn có sự hỗ trợ tích cực của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc, các phòng ban khác. Hoạt động của Ban kiểm soát có tính độc lập và không gây cản trở cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Mối quan hệ trong việc phối hợp làm việc giữa Ban kiểm soát, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc là phù hợp với chuẩn mực, Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

KẾT LUẬN CÔNG TÁC GIÁM SÁT CỦA BAN KIỂM SOÁT

- Số liệu kế toán đã được kiểm tra chặt chẽ, đảm bảo tính chính xác và hợp pháp trong việc ghi chép số liệu.
- Công ty luôn tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
- Ban Kiểm soát sẽ tiếp tục đồng hành và giám sát các hoạt động của Công ty.

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN KIỂM SOÁT

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022

KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH HỢP NHẤT NĂM 2022:

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch	Thực hiện	Thực hiện/Kế hoạch
1	Doanh thu thuần	14.000	12.535	89,5%
2	Lợi nhuận trước thuế	900	511	56,7%

PHƯƠNG ÁN PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN NĂM 2022:

KẾ HOẠCH	THỰC HIỆN
<p>HĐQT trình ĐHĐCĐ thông qua tỷ lệ cổ tức dự kiến năm 2022 như sau: Cổ tức bằng tiền mặt dự kiến năm 2022 bằng 6% trên mệnh giá cổ phần, tương đương 600 đồng/cổ phần.</p> <p>ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT lựa chọn thời điểm phù hợp thực hiện việc chi trả cổ tức tuân theo quy định của pháp luật.</p>	<p>Ngày 19/04/2022, Công Ty đã thực hiện chi trả cổ tức còn lại bằng tiền mặt năm 2021, với tỷ lệ 6% (600 đồng/cổ phiếu).</p> <p>Ngày 19/08/2022, Công Ty đã thực hiện tạm ứng cổ tức bằng tiền mặt năm 2022, với tỷ lệ 6% (600 đồng/cổ phiếu).</p>

CHỌN ĐƠN VỊ KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2022:

KẾ HOẠCH	THỰC HIỆN
<p>Lựa chọn một trong bốn công ty kiểm toán dưới đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam (E&Y). Công ty TNHH PwC Việt Nam (PwC). Công ty TNHH Deloitte Việt Nam. Công ty TNHH KPMG (Việt Nam). <p>ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT lựa chọn một trong bốn công ty trên cơ sở chào giá và chất lượng dịch vụ.</p>	<p>HĐQT đã lựa chọn Công ty Ernst & Young Việt Nam là Công ty kiểm toán độc lập cho Công ty cho năm tài chính 2022.</p>

BÁO CÁO

của Hội đồng Quản trị & Ban Kiểm Soát (tiếp theo)

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT (tiếp theo)

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN KIỂM SOÁT (tiếp theo)

ĐÁNH GIÁ GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

NĂM 2022 – HĐQT ĐÃ ĐƯA RA CÁC QUYẾT ĐỊNH TRỌNG YẾU:

KẾ HOẠCH	KẾT QUẢ
<ul style="list-style-type: none"> Nghị quyết về ngày ĐKCC tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2022. Nghị quyết thông qua Quy chế Kiểm toán nội bộ và thành lập Tiểu ban KTNB trực thuộc HĐQT. Nghị quyết về ngày ĐKCC chi trả cổ tức năm 2021 bằng tiền mặt. Nghị quyết thông qua phương án bán cổ phiếu quỹ. Nghị quyết về việc cổ phần hóa công ty TNHH Thực phẩm Đông lạnh KIDO. Nghị quyết lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2022. Nghị quyết về ngày ĐKCC tạm ứng cổ tức năm 2022 bằng tiền mặt. Nghị quyết thông qua chủ trương ký kết và thực hiện các hợp đồng, giao dịch với các bên liên quan bao gồm công ty con, công ty liên doanh liên kết. Nghị quyết về việc thành lập công ty TNHH KIDO Long An. Nghị quyết về việc xác định tiêu chuẩn và danh sách NLD tham gia chương trình phát hành cổ phiếu cho NLD. Nguyên tắc xác định số cổ phiếu và thời gian thực hiện. Nghị quyết về việc triển khai thực hiện phương án phát hành, thông qua phương án đảm bảo việc phát hành đáp ứng quy định tỷ lệ sở hữu nước ngoài. Nghị quyết về việc thông qua lộ trình dự kiến thực hiện việc phát hành cổ phiếu theo chương trình ESOP và việc phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu. Nghị quyết thông qua việc dừng và giải thể Công ty TNHH LD thực phẩm và đồ uống VibeV. Nghị quyết thông qua việc thoái vốn khỏi Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại TTV. 	<p>Việc tổ chức họp và ban hành các văn bản của HĐQT được thực hiện đúng quy định pháp luật và Điều lệ Công ty.</p>

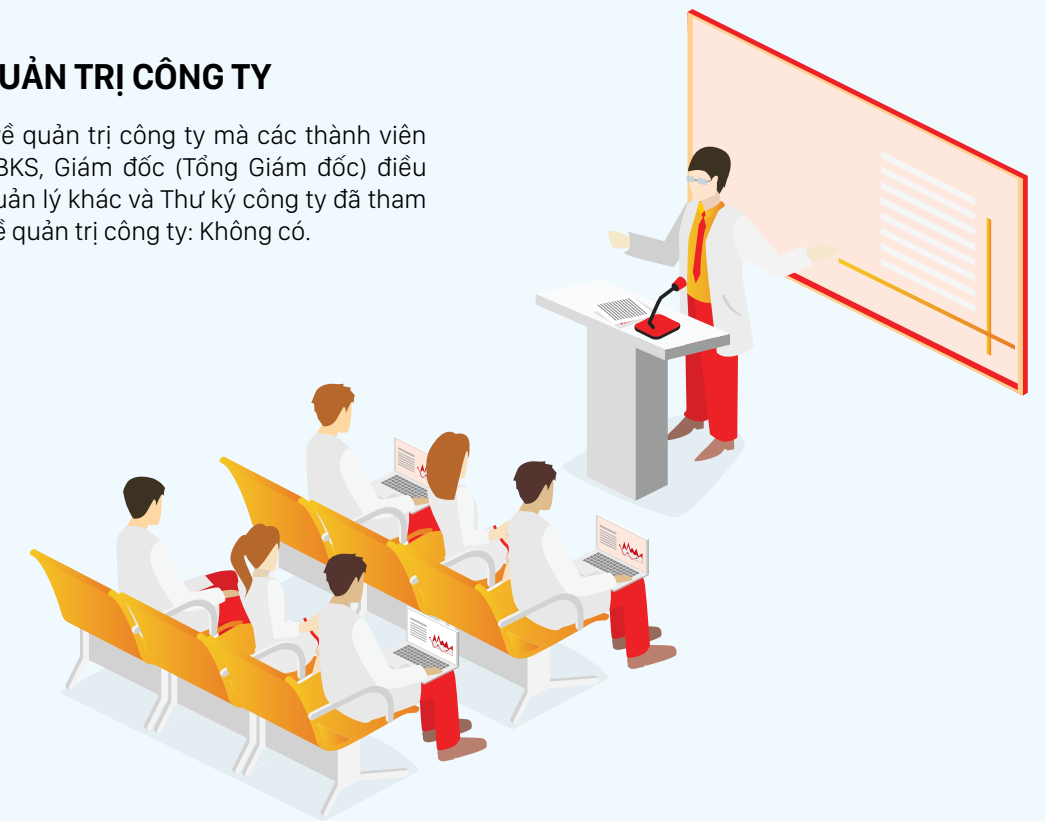
KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2022

Các chỉ tiêu tài chính đã phản ánh đúng thực trạng hoạt động kinh doanh, tính liên tục và khả năng thanh toán nợ của Công ty.

Chỉ số tài chính	Năm 2022
Biên lợi nhuận gộp (%)	18,1%
Biên lợi nhuận trước thuế (%)	4,1%
ROE (%)	5,3%
Tỷ số thanh toán nợ ngắn hạn (lần)	1,29 lần
Hệ số nợ trên tổng tài sản (lần)	0,5 lần

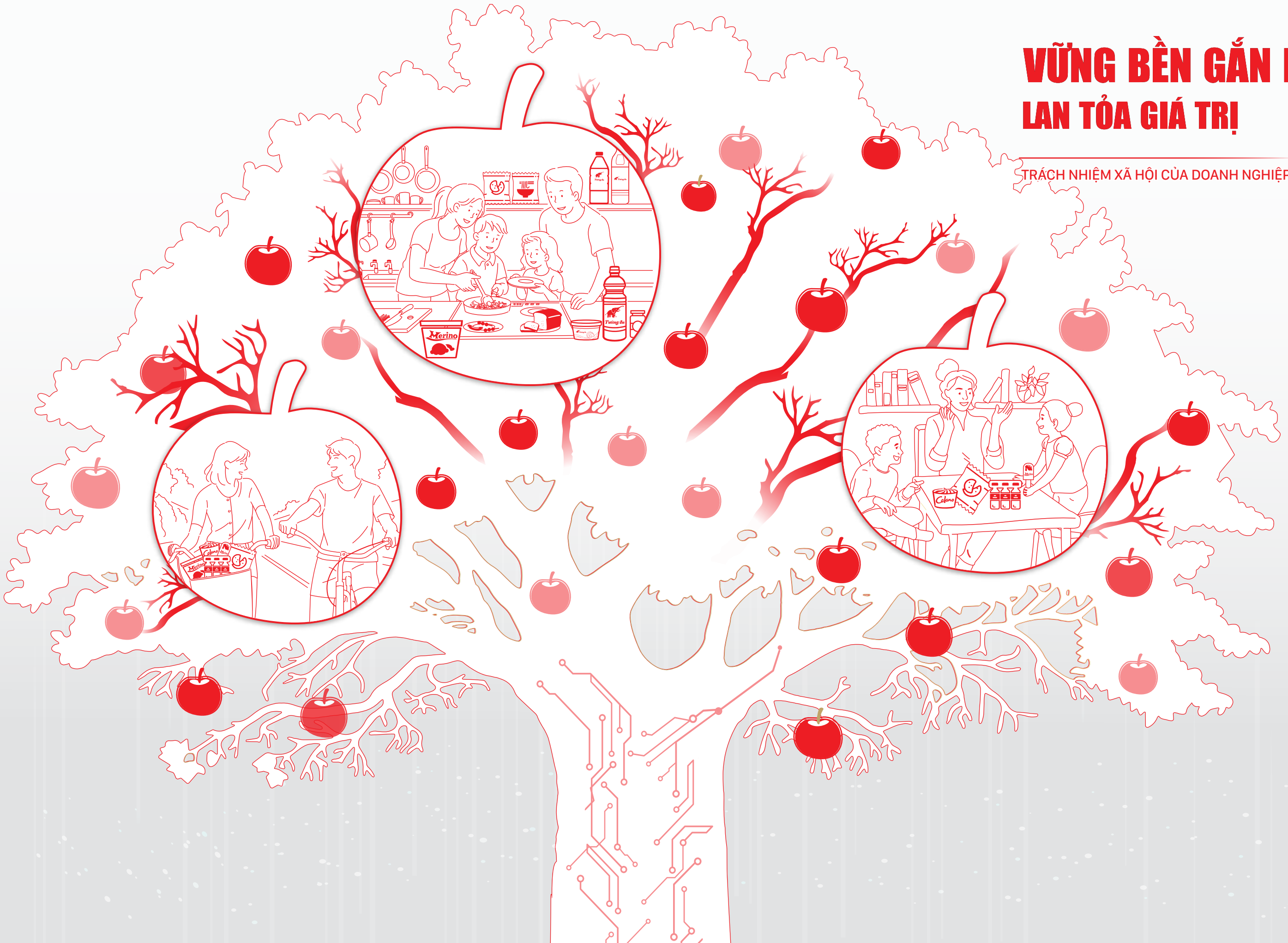
ĐÀO TẠO VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Các khóa đào tạo về quản trị công ty mà các thành viên HĐQT, thành viên BKS, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành, các cán bộ quản lý khác và Thư ký công ty đã tham gia theo quy định về quản trị công ty: Không có.



VỮNG BỀN GẮN KẾT LAN TỎA GIÁ TRỊ

TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI CỦA DOANH NGHIỆP



GẮN KẾT TRÁCH NHIỆM CÙNG CỘNG ĐỒNG

HOẠT ĐỘNG VÌ CỘNG ĐỒNG

QUA GẮN 30 NĂM HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN, KIDO ĐÃ TRỞ THÀNH THƯƠNG HIỆU UY TÍN TRONG LĨNH VỰC THỰC PHẨM THIẾT YẾU ĐƯỢC NGƯỜI TIÊU DÙNG CẢ NƯỚC TIN TƯỞNG, YÊU MẾN VÀ ỦNG HỘ. KIDO HIỂU RẰNG ĐỂ ĐẠT ĐƯỢC THÀNH CÔNG ĐÓ, BÊN CẠNH VIỆC THỰC HIỆN TỐT CÁC CHIẾN LƯỢC VÀ KẾ HOẠCH KINH DOANH THÌ MỘT TRONG NHỮNG YẾU TỐ QUAN TRỌNG LÀ PHẢI XÂY DỰNG NỀN TẢNG VỮNG CHẮC CỦA CÔNG TY TRONG LÒNG NGƯỜI TIÊU DÙNG. ĐÓ CHÍNH LÀ SỰ YÊU MẾN, ỦNG HỘ CỦA KHÁCH HÀNG, ĐỐI TÁC VỚI ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN CỦA TẬP ĐOÀN, SỰ TIN TƯỞNG VÀ SỬ DỤNG SẢN PHẨM, DỊCH VỤ CỦA NGƯỜI TIÊU DÙNG CŨNG NHƯ NHỮNG CAM KẾT CỦA DOANH NGHIỆP ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG VÀ ĐẶC BIỆT LÀ NHỮNG GIÁ TRỊ NHÂN VĂN CỦA DOANH NGHIỆP TRONG SUỐT QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CỦA TẬP ĐOÀN KIDO.

Năm 2022 tiếp tục là một năm khó khăn của nền kinh tế Việt Nam sau những cố gắng phục hồi hậu Covid - 19 của Chính phủ. Cùng với đó là những ảnh hưởng đến từ biến động của nền kinh tế thế giới khiến tình hình lạm phát tăng cao, các doanh nghiệp đồng loạt thực hiện cắt giảm nhân viên khiến đời sống người dân càng thêm khó khăn.

Với tinh thần tương thân tương ái cùng phương châm "Doanh nghiệp phải gắn liền với trách nhiệm xã hội", trong năm qua, Tập đoàn KIDO đã liên tiếp triển khai và đồng hành cùng các cơ quan, chính quyền thực hiện nhiều hoạt động thiện nguyện với tổng giá trị trao đi đến thời điểm hiện tại lên đến **hơn 3.500.000.000VNĐ**.

Là một trong những hoạt động thiện nguyện được Tập đoàn đồng hành trong suốt nhiều năm liền, trong năm 2022, KIDO tiếp tục tài trợ hơn **tài trợ hơn 1.000.000.000VNĐ** cho chương trình khám, phẫu thuật mắt và phát thuốc miễn phí cho bệnh nhân bị đục thủy tinh thể được tổ chức bởi Hội Bảo trợ Bệnh nhân nghèo TP. Hồ Chí Minh, triển khai tại TP. Hồ Chí Minh và tỉnh Lâm Đồng vào hồi tháng 4 và tháng 6/2022. Qua đó, Tập đoàn đã **giúp 900 bệnh nhân nghèo tìm lại ánh sáng**. Song song đó, KIDO cũng gửi tặng những phần quà như một lời động viên tinh thần đến các bệnh nhân tham gia vào chương trình.



KIDO ĐÃ HỖ TRỢ
HƠN 50 tỷ đồng
CHO HOẠT ĐỘNG THIỆN NGUYỆN TRÊN KHẮP
MỌI MIỀN TỔ QUỐC TRONG SUỐT 30 NĂM HOẠT ĐỘNG

Trong lần quay trở lại thị trường bánh trung thu với thương hiệu KIDO's Bakery, Tập đoàn ngoài việc kích hoạt nét văn hóa trong mùa trung thu, còn tổ chức thực hiện hàng loạt các hoạt động thiện nguyện sẽ chia tại nhiều nơi như Trung tâm Nuôi dưỡng Bảo trợ Trẻ em Gò Vấp và Tam Bình, Trung tâm Bảo trợ trẻ em tàn tật Mỏ còi Thị Nghè, Huyện đảo Phú Quốc,... Qua đó, KIDO đã gửi tặng **6.000 chiếc bánh trung thu** tới những em nhỏ kém may mắn cùng các chiến sĩ đang công tác nơi đảo xa, để động viên và lan tỏa tinh thần trong mùa trăng 2022.

Dưới sự kêu gọi của Ủy ban MTTQ Việt Nam, Tập đoàn KIDO tiếp tục đồng hành cùng chương trình "**Siêu thị mini 0 đồng**" bằng việc ủng hộ các sản phẩm dầu ăn thiết yếu với **tổng giá trị gần 500.000.000VNĐ**. Thông qua hoạt động mang đầy nhân văn, KIDO hi vọng tiếp sức giúp cho những hoàn cảnh khó khăn đón một mùa Tết ấm áp, đầy đủ bên gia đình và người thân của mình. Đây là năm thứ 2 Tập đoàn KIDO đồng hành cùng chương trình ý nghĩa này.

Ngoài những hoạt động tiêu biểu trên, Tập đoàn còn đồng hành cùng các đơn vị/hiệp hội trong

các hoạt động từ thiện khác, tiêu biểu có: Phối hợp với báo Người Lao Động & Thanh Niên tặng quà tết cho các hoàn cảnh khó khăn; Tài trợ cuộc bình chọn "Ý tưởng quy hoạch chung TP. Hồ Chí Minh" do Sở Quy hoạch - Kiến trúc - Trung tâm Nghiên cứu Kiến trúc tổ chức; Đồng hành cùng hoạt động của Hội doanh nhân trẻ thành phố Hồ Chí Minh; Phối hợp cùng UBMTTQ Việt Nam - TP. HCM hỗ trợ đồng bào đang hứng chịu cơn bão Noru tại miền Trung; Ủng hộ hoạt động của Cửa hàng An sinh tại Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh; Đồng hành cùng Quỹ trẻ em Việt Nam; Trao tặng quà cho các hoàn cảnh khó khăn tại các tỉnh Đồng Tháp, Đồng Nai, Gia Lai,...

Trải qua 30 năm phát triển, đến nay, KIDO đã hỗ trợ **hơn 50 tỷ đồng** cho hoạt động thiện nguyện trên khắp mọi miền Tổ Quốc. Thông qua những hoạt động thiện nguyện đầy ý nghĩa, Tập đoàn KIDO mong muốn chung tay cùng người dân vượt qua những khó khăn hiện tại, giữ vững niềm tin vào cuộc sống. Đây cũng là một trong những sứ mệnh mà KIDO đã và đang theo đuổi trong suốt những năm hoạt động.

GIẢI THƯỞNG ĐƯỢC GHI NHẬN

CAM KẾT PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG GẮN LIỀN VỚI TRÁCH NHIỆM VỚI CỘNG ĐỒNG CỦA DOANH NGHIỆP, KIDO VÀ CÁC CÔNG TY THÀNH VIÊN, CÁC NHÂN HÀNG LIÊN ĐÃ LIÊN TỤC NHẬN ĐƯỢC SỰ ĐÁNH GIÁ CAO TỪ NHÀ NƯỚC, CÁC TỔ CHỨC TRONG NĂM 2022 VỪA QUA.

1 TƯỜNG AN LỘT TOP 10 THƯƠNG HIỆU ĐƯỢC CHỌN MUA NHIỀU NHẤT KHU VỰC THÀNH THỊ 2022

Xếp hạng	Thành thị 4 thành phố	CRP (Triệu điểm)	Nông thôn	CRP (Triệu điểm)
1	Hào Hào	17,0	Nam Ngự	129,7
2	Nam Ngự	14,4	3 Miền	95,8
3	Chinsu	12,9	Hào Hào	78,4
4	Ajinomoto	10,5	Chinsu	76,0
5	Biên Hòa	9,4	Gấu Đỏ	66,2
6	Cholimex	9,2	Kokomi	64,3
7	Maggi	9,1	Ajinomoto	59,6
8	Tường An	7,5	Simply	54,4
9	Hải Châu	7,3	Tam Thái Tử	42,4
10	Simply	7,3	Oishi	42,0

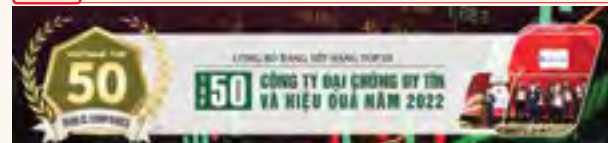
Theo báo cáo mới nhất "Brand Footprint 2022" được công bố bởi Kantar vào 04.07.2022 (Báo cáo Dấu chân thương hiệu tại Việt Nam 2022), Thương hiệu Tường An tự hào lần đầu tiên lọt vào Top 10 Thương hiệu được chọn mua nhiều nhất khu vực thành thị 2022. Trong đó, Tường An **xếp hạng thứ 8/10**. Danh sách Top 10 năm nay theo thứ tự từ cao đến thấp bao gồm: Hào Hào, Nam Ngự, Chinsu, Ajinomoto, Biên Hòa, Cholimex, Maggi, Tường An, Hải Châu, Simply.

Nói về yếu tố thành công của Tường An, Kanta nhận định: "Tường An - Ngôi sao sáng trong ngành dầu ăn với bước chuyển mình mang dấu ấn lịch sử khi tăng hạng 6 bậc và ghi tên mình vào vị trí thứ 8 trong Bảng xếp hạng Dấu chân thương hiệu năm 2022, Top các nhãn hiệu thực phẩm đóng gói khu vực Thành thị (4 thành phố lớn)". Kanta còn cho rằng động lực tăng trưởng này đến từ chiến lược đa dạng hóa danh mục sản phẩm để đáp ứng nhu cầu của

người tiêu dùng và năng động tiếp cận người tiêu dùng trên các kênh truyền thông số khắp cả nước. Tường An cũng là nhãn hiệu thực phẩm thiết yếu tăng trưởng nhanh nhất tại khu vực Thành thị với mức tăng trưởng CRP ấn tượng, tăng 29% so với năm trước đó.

Như vậy, sau nhiều năm liên chinh phục khu vực nông thôn, Tường An lần đầu tiên ghi tên mình trong danh sách Top 10 Thương hiệu thực phẩm đóng gói được chọn mua nhiều nhất năm 2022 tại khu vực thành thị (4 thành phố lớn).

2 KIDO ĐƯỢC VINH DANH TOP 50 CÔNG TY ĐẠI CHỨNG UY TÍN & HIỆU QUẢ NĂM 2022



Ngày 03/6/2022, Công ty cổ phần Báo cáo đánh giá Việt Nam (Vietnam Report) chính thức công bố Top 50 Công ty Đại chứng uy tín và hiệu quả năm 2022 (VIX50).

Đây là kết quả nghiên cứu khách quan, khoa học và độc lập của Vietnam Report, được công bố chính thức trên các phương tiện truyền thông trong và ngoài nước. Để thực hiện danh sách Top 50 Công ty Đại chứng uy tín và hiệu quả năm 2022 (VIX50), Vietnam Report đánh giá các công ty Đại chứng bao gồm cả niêm yết và chưa niêm yết qua hai giai đoạn.

Trải qua 02 vòng tuyển chọn gắt gao, KIDO đã xuất sắc ghi tên mình vào danh sách Top 50 Công ty Đại chứng uy tín & hiệu quả năm 2022 cùng với những doanh nghiệp khác như: Tập đoàn Hòa Phát, Tập đoàn Masan, Thế giới Di Động, Ngân hàng Vietcombank, Techcombank, ACB, Công ty Sữa Vietnam Vinamilk,...



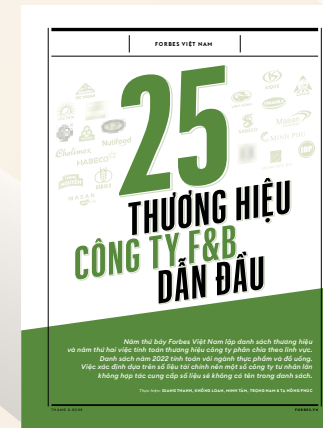
3 KIDO - TOP 50 DOANH NGHIỆP PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG NĂM 2022

Ngày 10/8/2022, tại sự kiện công bố TOP 50 Doanh nghiệp Phát triển Bền vững năm 2022 (TOP 50 Corporate Sustainability Awards - CSA) do Tạp chí Nhịp Cầu Đầu Tư tổ chức, Tập đoàn KIDO đã được vinh danh doanh nghiệp phát triển bền vững tiêu biểu thuộc khối doanh nghiệp niêm yết.

Có mặt trong Top 50 CSA 2022, Tập đoàn KIDO được đánh giá cao dựa trên các tiêu chí về chỉ số kinh doanh/sản xuất, chiến lược phát triển bền vững, quản trị doanh nghiệp, bảo vệ môi trường và trách nhiệm xã hội.

Với KIDO, từ nhiều năm trước, Tập đoàn đã nhận định việc thực hiện trách nhiệm xã hội nên gắn với mục tiêu kinh doanh, đóng vai trò quan trọng trong kế hoạch phát triển dài hạn. Mỗi quyết định của doanh nghiệp đều có tác động nhất định đến xã hội, môi trường và ngược lại.

4 KIDO - TOP 25 THƯƠNG HIỆU CÔNG TY F&B DẪN ĐẦU NĂM 2022



Đây là năm thứ bảy Forbes Việt Nam tính toán giá trị thương hiệu các công ty và năm thứ hai việc tính toán thương hiệu công ty phân chia theo lĩnh vực.

Thông qua những chỉ số phân tích, Forbes Vietnam đưa ra định giá thương hiệu cho Tập đoàn KIDO là 38,5 triệu USD khi KIDO là đơn vị hiện đang dẫn đầu ngành kem tại Việt Nam với 44,5% thị phần, sở hữu 02 thương hiệu kem nổi tiếng là Merino & Celano. Song song đó, Tập đoàn KIDO còn là đơn vị dẫn đầu ngành Bơ thực vật tại Việt Nam với 74,9% thị phần (Theo Euromonitor, 2022), xếp thứ 2 ở ngành dầu với thị phần 39% (Theo số liệu nội bộ).

Hiện nay, KIDO đang sở hữu 02 Nhà máy Thực phẩm Đông lạnh ở Bắc Ninh và Củ Chi; 04 Nhà máy Dầu ăn ở Nghệ An, Bà Rịa - Vũng Tàu, Nhà Bè,... với tổng công suất lớn. Tổng công suất cung cấp ra thị trường gồm: 21 triệu lít sữa chua/năm; 24 triệu lít kem/năm; hơn 400.000 tấn dầu thành phẩm/năm tại 02 Nhà máy Dầu Tường An và Nhà máy Dầu KIDO Nhà Bè (Golden Hope Nhà Bè trước kia); mỗi năm công suất tại Nhà máy Dầu Vocarimex đạt 130.000 tấn dầu tinh luyện, 120.000 tấn dầu thành phẩm và 4.000 tấn dầu mè. Ngoài ra với lợi thế từ công ty con đem lại, KIDO còn sở hữu hệ thống kho chứa gần 8.000 m²; Bồn chứa chất lỏng 22.300 m³ và 04 Cầu tàu tại Cảng Nhà Bè chịu tải trọng: 20.000 DWT hàng, 5.000 tấn dầu.



5 TOP 50 DOANH NGHIỆP CÓ LỢI NHUẬN XUẤT SẮC NHẤT VIỆT NAM 2022

Gặt hái doanh thu và lợi nhuận ấn tượng, Tập đoàn KIDO tiếp tục lọt vào danh sách Top 50 Doanh nghiệp có lợi nhuận xuất sắc nhất Việt Nam năm 2022. Các tiêu chí xếp hạng chính của Top 50 bao gồm: Lợi nhuận trước thuế; Doanh nghiệp 3 năm liên tiếp có tên trong bảng xếp hạng Top 500 Doanh nghiệp lợi nhuận tốt nhất Việt Nam; Doanh nghiệp đạt hiệu quả kinh doanh cao và ổn định trong giai đoạn 2021-2022.

Gần 30 năm hoạt động, Tập đoàn KIDO luôn chuyên tâm và không ngừng phát triển, mở rộng với các danh mục sản phẩm trong lĩnh vực thực phẩm thiết yếu hướng đến sứ mệnh thêm "**Hương Vị Cho Cuộc Sống**". Tiếp tục hành trình phát triển bền vững, Tập đoàn KIDO không chỉ điều chỉnh kế hoạch thích ứng trong thời kỳ hậu Covid-19, chú trọng ứng dụng công nghệ số toàn diện, đồng thời kiên định giá trị cốt lõi: "**Sáng Tạo - Chủ Động - Trách Nhiệm - Win-Win - Tiên Phong**". Bên cạnh đó, Tập đoàn KIDO còn có những chiến lược phù hợp, chuẩn bị cho một hành trình mới, hướng đến tầm nhìn phát triển mở rộng không chỉ dừng lại tại Việt Nam mà còn phát triển sang các nước trong khu vực.

GIẢI THƯỞNG ĐƯỢC GHI NHẬN (tiếp theo)



6 TƯỜNG AN & KIDO FOODS ĐƯỢC VINH DANH TOP 10 CÔNG TY THỰC PHẨM UY TÍN 2022

Tường An vinh dự khi tiếp tục có mặt trong bảng xếp hạng danh giá: Top 10 Công ty thực phẩm uy tín năm 2022, nhóm ngành thực phẩm đóng gói, gia vị, dầu ăn,... Nhờ vào việc khai thác triệt để hệ thống phân phối 450.000 điểm bán và linh hoạt trong việc ứng dụng công nghệ số, đẩy mạnh bán hàng từ Tập đoàn, mảng bán lẻ của Tường An tiếp tục tăng trưởng mạnh về doanh thu ở các sản phẩm trong phân khúc trung & cao cấp. Song song đó, thị phần của Tường An cũng ngày một tăng, đứng thứ 2 ngành dầu tại Việt Nam. Ở mảng bơ thực vật, Bơ Margarine Tường An cũng được biết đến ở vị trí dẫn đầu thị trường với 74,9% thị phần, cách biệt so với các đối thủ khác. Tất cả những yếu tố trên trở thành sức mạnh cộng hưởng

giúp Thương hiệu Tường An ngày càng ghi dấu ấn mạnh mẽ trong lòng người tiêu dùng, tiếp tục mục tiêu và sứ mệnh **"Lắp đầy gian bếp Việt"**.

Giữ vị trí dẫn đầu ngành hàng kem tại Việt Nam (44,5% thị phần), với uy tín và vị thế tạo dựng sau nhiều năm chinh phục thị trường, KIDO Foods tiếp tục là thương hiệu được "chọn mặt gửi vàng" để vinh danh vào Top 10 Công ty thực phẩm uy tín năm 2022, nhóm ngành sữa và thực phẩm từ sữa. Danh hiệu cao quý này sẽ tiếp tục là tiền đề để Công ty không ngừng phát triển những sản phẩm mới, phù hợp xu hướng hiện đại, mở rộng thị phần, tiếp tục giữ vững vị trí "ngôi vương" ngành hàng kem lạnh tại Việt Nam.



7 KIDO ĐẠT GIẢI "DOANH NGHIỆP TP. HCM TIÊU BIỂU 2022"

Kỷ niệm Ngày Doanh nhân Việt Nam 13/10/2022, Hiệp hội Doanh nghiệp TP.HCM đã tổ chức lễ tôn vinh "Doanh nghiệp, doanh nhân TP.HCM tiêu biểu năm 2022". Đây là danh hiệu do UBND TP.HCM công nhận, được tổ chức 2 năm một lần. Năm nay, UBND TP.HCM công nhận và trao danh hiệu cho 98 doanh nghiệp và 98 doanh nhân thuộc các thành phần kinh tế hoạt động trên địa bàn thành phố.

Chủ động trong sản xuất, đóng góp tích cực vào nền Kinh tế - Xã hội qua sự phát triển vững mạnh không ngừng cũng như chủ động nộp thuế đủ cho nhà nước, cùng với đó là những hoạt động xã hội đầy ý nghĩa và nhân văn, Tập đoàn KIDO đã tiếp tục được gọi tên vào giải thưởng danh giá "Doanh nghiệp TP. Hồ Chí Minh tiêu biểu 2022".

Với tầm nhìn phát triển bền vững và từng bước nỗ lực xây dựng thương hiệu hàng đầu tại Việt Nam cũng như vươn tầm ra thị trường quốc tế. Tập đoàn KIDO luôn không ngừng xây dựng và hoàn thiện chuỗi cung ứng thực phẩm an toàn, thực hiện sứ mệnh cung cấp sản phẩm chất lượng cao, dinh dưỡng, góp phần bình ổn giá cả thị trường thực phẩm và đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm cho cộng đồng.



8 KIDO NHẬN BẰNG KHEN CỦA CHỦ TỊCH UBND TP. HỒ CHÍ MINH VÌ ĐÃ CÓ THÀNH TÍCH XUẤT SẮC HOÀN THÀNH NHIỆM VỤ LIÊN TỤC NHIỀU NĂM

Trong khuôn khổ của sự kiện vinh danh Doanh nhân – Doanh nghiệp TP. Hồ Chí Minh tiêu biểu năm 2022, Tập đoàn KIDO còn được xướng tên để nhận bằng khen của Chủ tịch UBND Thành phố Hồ Chí Minh vì đã có thành tích hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ liên tục nhiều năm nhân kỷ niệm ngày Doanh nhân Việt Nam (13/10/2022).



9 KIDO ĐƯỢC VINH DANH TOP 50 CÔNG TY KINH DOANH HIỆU QUẢ NHẤT VIỆT NAM NĂM 2022

Tại Lễ Vinh danh Top 50 Công ty kinh doanh hiệu quả nhất Việt Nam một thập kỷ, Tập đoàn KIDO được xướng tên ở hạng mục Top 50 Công ty kinh doanh hiệu quả nhất Việt Nam. Đây là sự kiện đặc biệt tôn vinh nhiều công ty có quy mô lớn hơn, giá trị vốn hóa cao hơn, tốc độ tăng trưởng mạnh mẽ, xứng đáng là niềm tự hào cho đất nước.



10 TẬP ĐOÀN KIDO LẦN THỨ 8 LIÊN TIẾP CÓ SẢN PHẨM ĐẠT THƯƠNG HIỆU QUỐC GIA

Trong lễ công bố doanh nghiệp có sản phẩm đạt thương hiệu quốc gia tại Hà Nội ngày 2/11/2022, KIDO là một trong 172 Doanh nghiệp được vinh danh "Thương hiệu Quốc gia năm 2022". Đây cũng là lần thứ 8 liên tiếp Công ty Cổ phần Tập đoàn KIDO (KIDO Group) có sản phẩm được công nhận thương hiệu quốc gia, kể từ khi chương trình chính thức được khởi xướng vào năm 2008.

Theo đó, các sản phẩm trực thuộc KIDO được vinh danh vào Thương hiệu Quốc gia bao gồm: Dầu và Bơ thực vật Tường An, Kem cao cấp Celano và Kem cao cấp Merino.



11 TẬP ĐOÀN KIDO TIẾP TỤC ĐƯỢC VINH DANH THƯƠNG HIỆU VÀNG TP. HỒ CHÍ MINH 2022

Trong khuôn khổ Lễ trao giải "Thương hiệu Vàng" TP Hồ Chí Minh lần 3 năm 2022, Tập đoàn KIDO tiếp tục được gọi tên tại giải thưởng cao quý này. Đây là sự kiện thường niên do Sở Công Thương TP. Hồ Chí Minh và Tạp chí Kinh tế Sài Gòn phối hợp thực hiện nhằm tôn vinh các doanh nghiệp có kết quả xuất sắc trong công tác xây dựng thương hiệu sản phẩm, dịch vụ lớn mạnh và ấn tượng, gắn liền với thương hiệu TP. Hồ Chí Minh.

Chính quyền TP. Hồ Chí Minh kỳ vọng Tập đoàn KIDO nói riêng và 45 Doanh nghiệp được vinh danh nói chung sẽ tiếp tục phát huy những giá trị thương hiệu của mình để bay xa hơn nữa. Qua đó, cộng đồng doanh nghiệp giúp thành phố nâng tầm thương hiệu tại thị trường quốc tế và cùng thành phố tiếp tục thực hiện duy trì các

mục tiêu cốt lõi của chương trình là trở thành một giải thưởng mang tính "bảo chứng" cho uy tín của doanh nghiệp trên thị trường trong nước và quốc tế, là tiền đề để đầu tư lớn mạnh trong tương lai; xây dựng niềm tự hào cho người dân thành phố về sản phẩm, dịch vụ của địa phương; nâng cao vị thế đầu tàu kinh tế cả nước của TP. Hồ Chí Minh.



VỮNG CHẮC NIỀM TIN VƯỜN TÀM CAO MỚI

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT



THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn Kido (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh (“GCNĐKKD”) số 4103001184 do Sở Kế hoạch và Đầu tư (“SKHĐT”) Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 6 tháng 9 năm 2002, và theo các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép Niêm yết số 39/UBCK-GPNY do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 18 tháng 11 năm 2005.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là mua bán thực phẩm và quản lý các khoản đầu tư vào các công ty con.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 138 - 142 Hai Bà Trưng, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trần Kim Thành	Chủ tịch
Ông Trần Lệ Nguyên	Phó Chủ tịch
Bà Vương Bửu Linh	Thành viên
Bà Vương Ngọc Xiêm	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Xuân Liễu	Thành viên
Ông Trần Quốc Nguyên	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Thuận	Thành viên
Ông Nguyễn Gia Huy Chương	Thành viên
Ông Nguyễn Đức Trí	Thành viên

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Nguyễn Thị Ngọc Chi	Trưởng Ban
Ông Lương Quang Hiển	Thành viên
Bà Lương Mỹ Duyên	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trần Lệ Nguyên	Tổng Giám đốc
Bà Vương Bửu Linh	Phó Tổng Giám đốc
Bà Vương Ngọc Xiêm	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Xuân Liễu	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Quốc Nguyên	Phó Tổng Giám đốc
Ông Wang Ching Hua	Phó Tổng Giám đốc
Ông Mai Xuân Trâm	Phó Tổng Giám đốc
Ông Bùi Thanh Tùng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Tiến Hoàng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Mã Thanh Danh	Phó Tổng Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Trần Kim Thành.

Ông Trần Lệ Nguyên được Ông Trần Kim Thành ủy quyền để ký báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán của Công ty.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Kido ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- » lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- » thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- » nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- » lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn vào ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc: 



Trần Lệ Nguyên
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 31 tháng 3 năm 2023

Số tham chiếu: 0011611908/22988308/HN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

KÍNH GỬI: QUÝ CỔ ĐÔNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KIDO

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty Cổ phần Tập đoàn Kido ("Công ty") và các công ty con (sau đây được gọi chung là "Tập đoàn"), được lập ngày 31 tháng 3 năm 2023 và được trình bày từ trang 116 đến trang 167, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2022, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

TRÁCH NHIỆM CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý KIẾN CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn vào ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN ERNST & YOUNG VIỆT NAM



Dương Lê Anthony
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 2223-2023-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 31 tháng 3 năm 2023

Dương Phúc Kiên
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 4613-2023-004-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

B01-DN/HN

VND				
Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		6.980.387.823.046	7.013.592.235.348
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	5	1.100.151.822.205	1.281.295.490.335
111	1. Tiền		1.048.127.930.953	1.108.748.490.335
112	2. Các khoản tương đương tiền		52.023.891.252	172.547.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		522.771.780.578	481.213.039.652
121	1. Chứng khoán kinh doanh		401.120.064	401.120.064
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		(1.503.829)	(299.590)
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	14.1	522.372.164.343	480.812.219.178
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn	6	2.948.739.786.819	2.552.304.855.441
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		509.552.788.711	534.418.458.450
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		437.926.095.522	82.808.834.331
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn		258.000.000.000	-
136	4. Phải thu ngắn hạn khác		1.743.447.255.952	1.936.400.703.695
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(839.058.965)	(2.039.058.965)
139	6. Tài sản thiếu chờ xử lý		652.705.599	715.917.930
140	IV. Hàng tồn kho	7	2.212.305.861.196	2.494.656.323.857
141	1. Hàng tồn kho		2.218.599.258.974	2.500.004.641.484
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(6.293.397.778)	(5.348.317.627)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		196.418.572.248	204.122.526.063
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	8	23.673.597.175	21.585.105.666
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		161.162.564.871	160.465.716.904
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	17	11.582.410.202	22.071.703.493

VND				
Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		7.024.404.855.817	7.059.113.322.585
210	I. Các khoản phải thu dài hạn	9	42.708.288.926	64.433.132.352
212	1. Trả trước cho người bán dài hạn		10.843.153.926	12.025.157.974
215	2. Phải thu cho vay dài hạn		30.000.000.000	-
216	3. Phải thu dài hạn khác		1.865.135.000	52.407.974.378
220	II. Tài sản cố định		2.627.954.489.677	2.540.831.124.748
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	929.293.158.601	746.069.680.722
222	Nguyên giá		2.579.537.008.222	2.298.990.718.719
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(1.650.243.849.621)	(1.552.921.037.997)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	1.698.661.331.076	1.794.761.444.026
228	Nguyên giá		2.346.871.714.035	2.338.525.283.215
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(648.210.382.959)	(543.763.839.189)
230	III. Bất động sản đầu tư	12	4.408.541.182	4.600.922.314
231	1. Nguyên giá		11.797.057.729	11.797.057.729
232	2. Giá trị hao mòn lũy kế		(7.388.516.547)	(7.196.135.415)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		74.959.353.181	167.738.466.872
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	13	74.959.353.181	167.738.466.872
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn		3.975.458.431.647	3.953.358.790.928
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết và công ty liên doanh đồng kiểm soát	14.2	3.969.088.431.647	3.927.709.623.454
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	19.279.167.474
255	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	14.1	6.370.000.000	6.370.000.000
260	VI. Tài sản dài hạn khác		298.915.751.204	328.150.885.371
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	8	78.819.525.112	80.791.966.461
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	30.3	76.466.105.361	73.030.005.526
269	3. Lợi thế thương mại	4	143.630.120.731	174.328.913.384
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		14.004.792.678.863	14.072.705.557.933

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

B01-DN/HN

vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		6.952.065.052.069	7.178.062.904.992
310	I. Nợ ngắn hạn		5.427.179.815.958	5.397.243.052.107
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15	548.948.813.688	779.148.963.652
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	16	25.435.506.047	86.793.149.476
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	76.055.005.885	89.381.013.819
314	4. Phải trả người lao động		12.289.507.316	39.587.955.053
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	18	342.604.859.020	390.040.662.006
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		187.945.590	187.945.590
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	19	107.012.447.591	403.472.718.854
320	8. Vay ngắn hạn	20	4.168.303.495.655	3.501.317.726.244
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	21	146.342.235.166	107.312.917.413
330	II. Nợ dài hạn		1.524.885.236.111	1.780.819.852.885
337	1. Phải trả dài hạn khác		13.989.284.515	18.499.124.098
338	2. Vay dài hạn	20	751.915.330.417	997.575.613.014
341	3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	30.3	721.531.903.453	728.047.184.290
342	4. Dự phòng phải trả dài hạn		37.448.717.726	36.697.931.483
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		7.052.727.626.794	6.894.642.652.941
410	I. Vốn chủ sở hữu		7.052.727.626.794	6.894.642.652.941
411	1. Vốn cổ phần	22.1	2.797.413.560.000	2.797.413.560.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		2.797.413.560.000	2.797.413.560.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần	22.1	3.107.169.658.330	2.970.918.858.330
414	3. Vốn khác của chủ sở hữu	22.1	104.000.000.000	104.000.000.000
415	4. Cổ phiếu quỹ	22.1	(865.273.143.268)	(1.080.464.343.268)
418	5. Quỹ đầu tư phát triển	22.1	74.811.345.990	74.811.345.990
420	6. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	22.1	15.909.752.661	15.909.752.661
421	7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	22.1	1.619.449.221.639	1.790.232.958.705
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		1.256.848.724.475	1.199.831.088.827
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		362.600.497.164	590.401.869.878
429	8. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	22.5	199.247.231.442	221.820.520.523
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		14.004.792.678.863	14.072.705.557.933


Trần Minh Nguyệt
Người lập

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 31 tháng 3 năm 2023


Nguyễn Thị Oanh
Kế toán trưởng

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 31 tháng 3 năm 2023


Trần Lệ Nguyên
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 31 tháng 3 năm 2023

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

B02-DN/HN

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	23.1	12.787.155.345.809	10.675.274.452.835
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	23.1	(251.971.860.773)	(178.409.982.077)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	23.1	12.535.183.485.036	10.496.864.470.758
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	24	(10.261.577.092.648)	(8.445.849.542.191)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		2.273.606.392.388	2.051.014.928.567
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	23.2	249.972.853.284	159.919.428.645
22	7. Chi phí tài chính	25	(273.960.693.454)	(193.571.933.683)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(232.943.464.615)	(177.888.774.790)
24	8. Phần lãi trong công ty liên doanh, liên kết	14.3	104.078.863.561	110.470.724.344
25	9. Chi phí bán hàng	26	(1.446.024.851.216)	(1.196.590.673.681)
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	27	(409.162.881.014)	(242.722.786.530)
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		498.509.683.549	688.519.687.662
31	12. Thu nhập khác	28	32.302.372.994	5.243.138.141
32	13. Chi phí khác	28	(20.213.663.267)	(5.933.368.627)
40	14. Lãi (lỗ) lợi nhuận khác		12.088.709.727	(690.230.486)
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		510.598.393.276	687.829.457.176
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	30.1	(145.894.259.653)	(129.604.774.860)
52	17. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	30.1	9.951.380.672	95.065.891.202
60	18. Lợi nhuận sau thuế TNDN		374.655.514.295	653.290.573.518
61	19. Lợi nhuận thuần sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	22.4	362.600.497.164	590.401.869.878
62	20. Lợi nhuận thuần sau thuế của cổ đông không kiểm soát	22.5	12.055.017.131	62.888.703.640
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	22.4	1.572	2.482
71	22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	22.4	1.572	2.482


Trần Minh Nguyệt
Người lập

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 31 tháng 3 năm 2023


Nguyễn Thị Oanh
Kế toán trưởng

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 31 tháng 3 năm 2023


Trần Lệ Nguyên
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 31 tháng 3 năm 2023

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

B03-DN/HN

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		510.598.393.276	687.829.457.176
<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>				
02	Khấu hao và hao mòn		267.355.732.940	267.241.664.400
03	Các khoản dự phòng (hoàn nhập dự phòng)		3.450.071.607	(133.453.205.158)
04	Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(7.152.841.117)	4.266.191.655
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(303.944.432.008)	(234.557.780.459)
06	Chi phí lãi vay và chi phí phát hành trái phiếu phân bổ		235.491.464.611	180.436.774.787
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		705.798.389.309	771.763.102.401
09	Tăng các khoản phải thu		(274.998.829.458)	(63.107.950.453)
10	Giảm (tăng) hàng tồn kho		281.405.382.510	(1.286.120.175.740)
11	(Giảm) tăng các khoản phải trả		(698.205.865.309)	758.449.737.032
12	Tăng chi phí trả trước		(3.128.591.780)	(6.894.930.385)
14	Tiền lãi vay đã trả		(226.103.991.145)	(136.030.075.500)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	17	(148.402.543.007)	(53.236.930.298)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(16.964.538.784)	(5.577.796.793)
20	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh		(380.600.587.664)	(20.755.019.736)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	Tiền chi để mua sắm và xây dựng tài sản cố định		(258.417.452.181)	(227.054.105.400)
22	Tiền thu do thanh lý tài sản cố định		10.689.257.162	3.344.291.073
23	Tiền chi gửi ngân hàng có kỳ hạn		(780.759.945.165)	(405.812.219.178)
24	Tiền thu hồi từ tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn		451.200.000.000	642.000.000.000
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(267.834.215.020)	(1.496.563.965.688)
26	Tiền thu hồi từ đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		126.878.535.166	5.000.000.000
	Tiền thu hồi ứng trước đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		300.000.000.000	-
27	Tiền thu từ lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia		118.580.074.574	236.179.831.349
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(299.663.745.464)	(1.242.906.167.844)

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
31	Phát hành cổ phiếu		402.382.020.000	(500.000.000)
33	Tiền vay nhận được	20	16.019.761.667.948	16.070.574.209.289
34	Tiền chi trả nợ gốc vay	20	(15.594.131.191.026)	(14.114.108.532.288)
36	Cổ tức đã trả cho cổ đông của công ty mẹ	22.3	(308.926.127.980)	(335.265.451.270)
	Cổ tức đã trả cho cổ đông không kiểm soát		(19.699.109.635)	(177.703.363.165)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		499.387.259.307	1.442.996.862.566
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(180.877.073.821)	179.335.674.986
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	5	1.281.295.490.335	1.102.117.058.476
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(266.594.309)	(157.243.127)
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	5	1.100.151.822.205	1.281.295.490.335

Trần Minh Nguyệt
Người lập

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 31 tháng 3 năm 2023

Nguyễn Thị Oanh
Kế toán trưởng



Trần Lệ Nguyên
Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

B09-DN/HN

vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Tập đoàn bao gồm Công ty Cổ phần Tập đoàn Kido ("KDC" hoặc "Công ty"), các công ty con, các công ty liên kết và các công ty liên doanh đồng kiểm soát như sau:

Công ty

Công ty Cổ phần Tập đoàn Kido là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 4103001184 do Sở Kế hoạch và Đầu tư ("SKHĐT") Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 6 tháng 9 năm 2002, và theo các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép Niêm yết số 39/UBCK-GPNY do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 18 tháng 11 năm 2005.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Tập đoàn là bán buôn thực phẩm; sản xuất và kinh doanh các sản phẩm thực phẩm và nước uống như kem ăn, sữa và các sản phẩm từ sữa, các loại đồ uống không cồn, nước khoáng; sản xuất kinh doanh và xuất khẩu các sản phẩm chế biến từ dầu, mỡ động thực vật, từ các hạt có dầu, thạch dừa; sản xuất, kinh doanh các loại bao bì đóng gói; xuất khẩu nguyên nhiên vật liệu phục vụ sản xuất chế biến ngành dầu thực vật; và kinh doanh trong lĩnh vực bất động sản.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 138 - 142 Hai Bà Trưng, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng công nhân viên của Tập đoàn vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 3.961 (31 tháng 12 năm 2021: 3.857).

Các công ty con

Tên công ty	Lĩnh vực kinh doanh chính	Tình trạng	Tỷ lệ sở hữu %	Tỷ lệ biểu quyết %
Tổng Công ty Dầu Thực vật Việt Nam ("Vocarimex") (*) (**)	Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm chế biến từ dầu thực vật và mỡ động vật	Đang hoạt động	87,29	87,29
Công ty Cổ phần Dầu Thực vật Tường An ("TAC") (**)	Sản xuất kinh doanh và xuất khẩu các sản phẩm chế biến từ mỡ động vật, dầu thực vật và từ các hạt có dầu	Đang hoạt động	95,46	95,41
Công ty Cổ phần Thực phẩm Đông lạnh Kido ("KDF")	Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm thực phẩm và nước uống như kem, sữa và các sản phẩm từ sữa khác	Đang hoạt động	73,03	100
Công ty TNHH Kido - Nhà Bè ("KNB")	Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm chế biến từ dầu thực vật và mỡ động vật	Đang hoạt động	93,77	100
Công ty TNHH Một Thành viên Thực phẩm Kido ("KIDOFood")	Bán buôn thực phẩm và cung cấp dịch vụ ăn uống khác	Đang tạm ngừng hoạt động	100	100
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Kido ("KTS")	Bán buôn thực phẩm và cung cấp dịch vụ ăn uống khác	Đang hoạt động	100	100

(*) Tập đoàn đã dùng 92.118.000 cổ phiếu của Vocarimex và 17.000.000 cổ phiếu của TAC làm tài sản thế chấp cho các trái phiếu thường trong nước của Tập đoàn. Chi tiết của các trái phiếu này được thể hiện tại Thuyết minh ("TM") số 20.2.

(**) Tập đoàn đã mua thêm 3.502.294 cổ phiếu phổ thông của TAC với trị giá 239.795.627.020 VND, tương đương 10,34% vốn cổ phần của TAC, với tổng giá mua thêm bằng tiền là 239.795.627.020 VND. Theo đó, Công ty đã nâng tỷ lệ sở hữu tại TAC từ 85,7% đến 95,41%.

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP (TIẾP THEO)

Các công ty liên kết và liên doanh đồng kiểm soát

Tên công ty	Lĩnh vực kinh doanh chính	Tình trạng	Tỷ lệ sở hữu %	Tỷ lệ biểu quyết %
Công ty TNHH Dầu thực vật Cái Lân ("Calofic")	Sản xuất và chế biến dầu thực vật và các sản phẩm phụ liên quan	Đang hoạt động	24,00	24,00
Công ty TNHH Mỹ phẩm LG Vina ("LG Vina")	Sản xuất và phân phối các sản phẩm gia dụng và mỹ phẩm	Đang hoạt động	40,00	40,00
Công ty TNHH Liên doanh Thực phẩm và Đồ uống Vibev ("Vibev")	Sản xuất và phân phối các sản phẩm thực phẩm và đồ uống	Đang hoạt động	49,00	49,00
Công ty Cổ phần Đầu tư Lavenue ("Lavenue")	Kinh doanh bất động sản	Đang hoạt động	50,00	50,00
Công ty Cổ phần Chế biến Thực phẩm Dabaco ("Dabaco Food")	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	Đang hoạt động	50,00	50,00

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- » Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- » Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- » Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- » Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- » Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Tập đoàn là Nhật ký chung.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (TIẾP THEO)

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu vào ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Tập đoàn là VND.

2.5 Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của KDC ("công ty mẹ") và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Tập đoàn nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Tập đoàn chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cùng một năm tài chính và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng tập đoàn, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch giữa các đơn vị trong cùng Tập đoàn được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào tài khoản lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

3.2 Hàng tồn kho (tiếp theo)

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- | | |
|--|--|
| Nguyên vật liệu, hàng hóa. | - chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền. |
| Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang và thành phẩm. | - giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường. |

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm và hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Tập đoàn dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào tài khoản giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào tài khoản chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

3.5 Tài sản cố định vô hình (tiếp theo)

Các quyền sử dụng đất

Các quyền sử dụng đất được ghi nhận như tài sản cố định vô hình, bao gồm giá trị của các quyền sử dụng đất đã được Tập đoàn mua hoặc thuê. Thời gian hữu dụng của các quyền sử dụng đất được đánh giá theo thời hạn sử dụng của các quyền sử dụng đất. Theo đó, quyền sử dụng đất có thời hạn là quyền sử dụng đất đã thuê và được trích hao mòn theo thời hạn thuê, còn quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không được trích hao mòn.

Tiền thuê đất trả trước cho các hợp đồng thuê đất có hiệu lực trước năm 2003 và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ("Thông tư 45").

3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	3 - 50 năm
Máy móc thiết bị	5 - 25 năm
Phương tiện vận tải	6 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 5 năm
Thương hiệu	10 - 20 năm
Quyền sử dụng đất	10 - 46 năm
Phần mềm máy tính	3 - 12 năm
Mối quan hệ với khách hàng	16 - 20 năm
Lợi thế quyền thuê đất	8 - 32 năm

3.7 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Tập đoàn có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	16 năm
------------------------	--------

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

3.7 Bất động sản đầu tư (tiếp theo)

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

3.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang xây dựng và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng nhà máy, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào hoạt động.

3.9 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Tập đoàn và được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm, ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

3.10 Các chi phí trả trước

Các chi phí trả trước bao gồm chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của các chi phí đó tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất đã trả theo hợp đồng thuê đất trong thời hạn từ 30 đến 45 năm. Khoản tiền thuê đất trả trước này được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê theo quy định tại Thông tư 45.

3.11 Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Các giao dịch hợp nhất kinh doanh được hạch toán kế toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua, cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng đã thừa nhận trong giao dịch hợp nhất kinh doanh sẽ được ghi nhận ban đầu theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

3.11 Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại (tiếp theo)

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được xác định ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch của giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận trực tiếp vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau khi ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định bằng nguyên giá trừ giá trị phân bổ lũy kế. Việc phân bổ lợi thế thương mại được thực hiện theo phương pháp đường thẳng trong mười (10) năm, là thời gian thu hồi lợi ích kinh tế có thể mang lại cho Tập đoàn. Định kỳ công ty mẹ phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong năm phát sinh.

3.12 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là các công ty mà trong đó Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tập đoàn. Thông thường, Tập đoàn được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu ít nhất 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Tập đoàn không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không. Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Tập đoàn trong kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết sau khi mua.

Phần sở hữu của Tập đoàn trong lợi nhuận (lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của Tập đoàn trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được từ công ty liên kết được căn trừ với khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Tập đoàn. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Tập đoàn trong trường hợp cần thiết.

Đầu tư vào liên doanh

Khoản đầu tư của Tập đoàn vào cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư của Tập đoàn vào cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát được trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Tập đoàn trong kết quả hoạt động kinh doanh của cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát sau khi liên doanh.

Phần sở hữu của Tập đoàn trong lợi nhuận (lỗ) của cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát được phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của Tập đoàn trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát được ghi nhận vào quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát. Cổ tức nhận được từ cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát được căn trừ với khoản đầu tư vào cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

3.12 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Đầu tư vào liên doanh (tiếp theo)

Báo cáo tài chính của cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Tập đoàn. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Tập đoàn trong trường hợp cần thiết.

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá mua thực tế.

Dự phòng giảm giá trị các khoản chứng khoán kinh doanh và khoản đầu tư góp vốn

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh sẽ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3.13 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Tập đoàn đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.14 Trích lập trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Tập đoàn được hơn 12 tháng cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo tỷ lệ một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Luật Lao động và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

3.15 Các khoản dự phòng

Dự phòng được ghi nhận dự phòng khi Tập đoàn có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) là kết quả của một sự kiện đã xảy ra trong quá khứ. Việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và Tập đoàn có thể đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

3.16 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn là VND được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- » Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chỉ định khách hàng thanh toán; và
- » Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- » Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch; và
- » Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.17 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Tập đoàn mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Tập đoàn không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của Tập đoàn.

3.18 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty mẹ (sau khi trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty mẹ cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

3.19 Thông tin theo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

3.20 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Tập đoàn trích lập các quỹ dự phòng sau đây từ lợi nhuận thuần sau thuế của Tập đoàn theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông Thường niên:

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Tập đoàn.

Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được ghi nhận như là một khoản nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Cổ tức

Cổ tức phải trả được đề nghị bởi Hội đồng Quản trị của Tập đoàn và được phân loại như một sự phân phối của lợi nhuận chưa phân phối trong khoản mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất cho đến khi được các cổ đông thông qua tại Đại hội đồng Cổ đông Thường niên và được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền. Khi đó, cổ tức sẽ được ghi nhận như một khoản nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

3.21 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Tập đoàn có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với việc thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở trích trước (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Tập đoàn được xác lập.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

3.22 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tập đoàn chỉ được bù trừ tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- » Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- » Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những khoản chênh lệch tạm thời được trừ, các khoản lỗ thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- » Tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế (hoặc lỗ thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- » Tất cả các chênh lệch tạm thời được trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

3.22 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tập đoàn chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải trả và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.23 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tập đoàn nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tập đoàn và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

4. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong khoảng thời gian mười (10) năm kể từ ngày mua. Chi tiết được trình bày như sau:

	VND
Nguyên giá	
Số đầu năm	309.600.794.828
Thanh lý khoản đầu tư (*)	(1.879.103.386)
Số cuối năm	307.721.691.442
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số đầu năm	135.271.881.444
Phân bổ trong năm	30.698.792.653
Thanh lý khoản đầu tư	(1.879.103.386)
Số cuối năm	164.091.570.711
Giá trị còn lại	
Số đầu năm	174.328.913.384
Số cuối năm	143.630.120.731

(*) Trong năm, Tập đoàn đã nhượng bán toàn bộ 6.100.000 cổ phần, tương đương 61% vốn điều lệ của TTV, với giá thanh lý là 122.000.000.000 VND.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	545.498.096	68.764.701.182
Tiền gửi ngân hàng	1.047.582.432.857	1.039.983.789.153
Các khoản tương đương tiền	52.023.891.252	172.547.000.000
TỔNG CỘNG	1.100.151.822.205	1.281.295.490.335

Các khoản tương đương tiền thể hiện khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại với kỳ hạn gốc dưới ba (3) tháng và hưởng lãi suất 6% một năm.

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	509.552.788.711	534.418.458.450
Trong đó:		
Các bên liên quan (Thuyết minh - "TM" số 31)	1.082.220.190	2.325.987
Phải thu khách hàng khác	508.470.568.521	534.416.132.463
Trả trước cho người bán ngắn hạn	437.926.095.522	82.808.834.331
Trong đó:		
Trả trước cho người bán khác	437.926.095.522	82.808.834.331
Phải thu về cho vay ngắn hạn	258.000.000.000	-
Trong đó:		
Phải thu bên liên quan (TM số 31)	258.000.000.000	-
Phải thu ngắn hạn khác	1.743.447.255.952	1.936.400.703.695
Trong đó:		
Tạm ứng để đầu tư (i)	1.393.307.000.000	1.693.307.000.000
Phải thu từ thanh lý khoản đầu tư	122.000.000.000	26.020.000.000
Lãi tiền gửi phải thu	20.318.342.135	2.520.283.162
Khoản tạm ứng của nhân viên	2.321.975.870	1.504.306.004
Các khoản khác (ii)	205.499.937.947	213.049.114.529
Trong đó:		
Bên liên quan (TM số 31)	115.276.913.947	22.055.803
Phải thu khách hàng khác	1.628.170.342.005	1.936.378.647.892
Tài sản thiếu chờ xử lý	652.705.599	715.917.930
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(839.058.965)	(2.039.058.965)
GIÁ TRỊ THUẦN	2.948.739.786.819	2.552.304.855.441

(i) Số dư này thể hiện khoản tiền tạm ứng cho Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư Châu Á Châu để mua các cổ phần mục tiêu.

(ii) Số dư này bao gồm khoản tạm ứng cho Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt ("VDS") để tìm kiếm các khoản đầu tư mục tiêu trị giá 85.638.400.000 VND.

7. HÀNG TỒN KHO

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nguyên vật liệu	855.876.577.318	847.291.551.806
Thành phẩm	440.956.105.153	482.184.775.979
Hàng hóa	425.573.680.734	148.257.258.000
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	356.010.656.020	444.913.096.368
Hàng đang đi đường	97.910.087.067	526.166.856.674
Công cụ, dụng cụ	42.272.152.682	43.305.723.895
Hàng gửi đi bán	-	7.885.378.762
TỔNG CỘNG	2.218.599.258.974	2.500.004.641.484
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(6.293.397.778)	(5.348.317.627)
GIÁ TRỊ THUẦN	2.212.305.861.196	2.494.656.323.857

8. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	23.673.597.175	21.585.105.666
Công cụ và dụng cụ	6.464.790.418	3.698.418.929
Chi phí mua bảo hiểm	3.594.309.762	1.666.731.763
Chi phí tư vấn	2.696.315.513	6.577.948.154
Chi phí thuê	2.324.311.190	2.739.869.904
Chi phí bảo trì	1.509.937.848	1.057.145.161
Khác	7.083.932.444	5.844.991.755
Dài hạn	78.819.525.112	80.791.966.461
Tiền thuê đất trả trước	62.061.096.561	65.073.638.181
Công cụ và dụng cụ	8.940.721.673	10.570.354.660
Khác	7.817.706.878	5.147.973.620
TỔNG CỘNG	102.493.122.287	102.377.072.127

9. CÁC KHOẢN PHẢI THU DÀI HẠN

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước cho người bán dài hạn		
Trả trước tiền thuê văn phòng cho Công ty TNHH Hoàng Triều	10.843.153.926	12.025.157.974
Phải thu cho vay dài hạn với bên liên quan (TM số 31)	30.000.000.000	-
Phải thu dài hạn khác		
Ký cược, ký quỹ dài hạn	1.865.135.000	15.396.326.832
Phải thu từ thanh lý khoản đầu tư	-	37.011.647.546
TỔNG CỘNG	42.708.288.926	64.433.132.352

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

VND

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận chuyển	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	729.179.672.398	1.411.556.233.045	110.058.171.798	48.196.641.478	2.298.990.718.719
Mua mới trong năm	19.434.769.097	31.362.581.257	7.410.936.600	4.474.186.996	62.682.473.950
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	157.315.640.167	112.862.209.778	-	-	270.177.849.945
Thanh lý khoản đầu tư	(14.507.840.254)	(874.122.038)	-	-	(15.381.962.292)
Thanh lý trong năm	(16.639.922.611)	(6.339.883.062)	(11.501.697.637)	(2.450.568.790)	(36.932.072.100)
Số cuối năm	874.782.318.797	1.548.567.018.980	105.967.410.761	50.220.259.684	2.579.537.008.222
<i>Trong đó:</i>					
<i>Đã khấu hao hết</i>	158.314.650.998	517.895.179.365	36.596.939.602	34.126.127.373	746.932.897.338
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số đầu năm	384.432.526.438	1.058.105.690.215	67.431.320.595	42.951.500.749	1.552.921.037.997
Khấu hao trong năm	33.089.951.064	84.794.409.760	8.446.871.300	2.508.918.113	128.840.150.237
Thanh lý khoản đầu tư	(1.544.781.125)	-	-	-	(1.544.781.125)
Thanh lý trong năm	(11.681.316.217)	(4.885.751.174)	(10.954.921.307)	(2.450.568.790)	(29.972.557.488)
Số cuối năm	404.296.380.160	1.138.014.348.801	64.923.270.588	43.009.850.072	1.650.243.849.621
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	344.747.145.960	353.450.542.830	42.626.851.203	5.245.140.729	746.069.680.722
Số cuối năm	470.485.938.637	410.552.670.179	41.044.140.173	7.210.409.612	929.293.158.601

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

VND

	Thương hiệu	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Lợi thế quyền thuê đất	Mối quan hệ với khách hàng	Tổng cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	517.957.052.107	833.705.110.032	78.530.943.315	462.765.852.930	445.566.324.831	2.338.525.283.215
Mua mới trong năm	-	-	454.000.000	-	-	454.000.000
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	-	8.404.930.820	-	-	8.404.930.820
Thanh lý khoản đầu tư	-	-	(454.000.000)	-	-	(454.000.000)
Xóa sổ	-	-	(58.500.000)	-	-	(58.500.000)
Số cuối năm	517.957.052.107	833.705.110.032	86.877.374.135	462.765.852.930	445.566.324.831	2.346.871.714.035
<i>Trong đó:</i>						
<i>Đã hao mòn hết</i>	-	3.409.939.531	36.826.033.050	-	-	40.235.972.581
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số đầu năm	141.294.558.979	136.091.173.228	54.976.566.938	94.148.314.816	117.253.225.228	543.763.839.189
Hao mòn trong năm	25.068.254.288	28.639.955.784	6.349.750.442	21.993.243.158	22.560.663.626	104.611.867.298
Thanh lý khoản đầu tư	-	-	(106.823.528)	-	-	(106.823.528)
Xóa sổ	-	-	(58.500.000)	-	-	(58.500.000)
Số cuối năm	166.362.813.267	164.731.129.012	61.160.993.852	116.141.557.974	139.813.888.854	648.210.382.959
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	376.662.493.128	697.613.936.804	23.554.376.377	368.617.538.114	328.313.099.603	1.794.761.444.026
Số cuối năm	351.594.238.840	668.973.981.020	25.716.380.283	346.624.294.956	305.752.435.977	1.698.661.331.076

12. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

VND

Nhà cửa và vật kiến trúc	
Nguyên giá	
Số đầu năm và số cuối năm	11.797.057.729
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số đầu năm	7.196.135.415
Khấu hao trong năm	192.381.132
Số cuối năm	7.388.516.547
Giá trị còn lại	
Số đầu năm	4.600.922.314
Số cuối năm	4.408.541.182

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức tại ngày 31 tháng 12 năm 2022. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư lớn hơn giá trị còn lại trên sổ tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BÀN DỜ DANG

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Lắp đặt và sửa chữa máy móc	65.312.014.241	165.326.466.872
Phát triển phần mềm	-	2.412.000.000
Khác	9.647.338.940	-
TỔNG CỘNG	74.959.353.181	167.738.466.872

14. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

14.1 Đầu tư nắm giữ tới ngày đáo hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị VND	Số lượng	Giá trị VND
Ngắn hạn		522.372.164.343		480.812.219.178
Trái phiếu của Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt	490.000	490.000.000.000	450.000	450.000.000.000
Tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Xuất Nhập khẩu Việt Nam		32.372.164.343		30.812.219.178
Dài hạn		6.370.000.000		6.370.000.000
Trái phiếu của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam ("BIDV")		6.370.000.000		6.370.000.000
TỔNG CỘNG		528.742.164.343		487.182.219.178

14. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ (TIẾP THEO)

14.2 Đầu tư vào các công ty liên kết và công ty liên doanh đồng kiểm soát

Công ty liên kết và liên doanh đồng kiểm soát	Giá trị đầu tư			
	Tỷ lệ sở hữu %	Số cuối năm VND	Tỷ lệ sở hữu %	Số đầu năm VND
Calofic	24,00	2.081.722.772.126	24,00	1.995.864.640.724
Lavenue (*)	50,00	1.069.509.263.273	50,00	1.069.509.263.273
LG Vina	40,00	577.550.285.739	40,00	570.079.262.907
Dabaco Food	50,00	100.094.843.195	50,00	102.927.874.250
Vibev (**)	49,00	140.211.267.314	49,00	189.328.582.300
TỔNG CỘNG		3.969.088.431.647		3.927.709.623.454

(*) Lavenue là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 0310306044 do SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 10 tháng 9 năm 2010. Hoạt động chính của Lavenue là kinh doanh bất động sản. Lavenue có trụ sở chính được đăng ký tại số 12 Lê Thánh Tôn, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Lavenue hiện là chủ đầu tư của Dự án Lavenue Crown ("Dự án") tọa lạc tại số 8 - 12, Đường Lê Duẩn, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Kể từ năm 2018, việc thực hiện đầu tư dự án này của Lavenue đã được các cơ quan có thẩm quyền tiến hành thanh tra toàn diện.

Vào ngày 20 tháng 9 năm 2020, Tòa án Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ("Tòa án") đã ban hành Bản án sơ thẩm số 400/2020/HS-ST về các vấn đề vi phạm quyết định quản lý, sử dụng tài sản nhà nước gây thất thoát, lãng phí liên quan đến dự án Lavenue Crown.

Từ ngày 29 tháng 11 năm 2021 đến ngày 2 tháng 12 năm 2021, Tòa án tiếp tục xét xử phúc thẩm để giải quyết kháng cáo của các đương sự đối với bản án sơ thẩm nêu trên. Tuy nhiên, cho đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Tập đoàn vẫn chưa nhận được thông báo chính thức nào từ cơ quan có thẩm quyền về kết quả của bản án phúc thẩm này.

Cũng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Tập đoàn đang trong quá trình tiến hành thực hiện các thủ tục tố tụng dân sự tiếp theo, cũng như tích cực theo dõi các hướng dẫn và yêu cầu cập nhật, nếu có, từ các cơ quan có thẩm quyền liên quan đến vấn đề nêu trên. Đồng thời, Ban Lãnh đạo của Tập đoàn luôn thể hiện sự sẵn sàng thực hiện các quyết định thích hợp để cùng tiếp tục đầu tư và phát triển Dự án.

(**) Vibev là công ty liên doanh giữa Tập đoàn và Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 0316724859 do SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 1 tháng 3 năm 2021. Hoạt động chính của Vibev là sản xuất các loại đồ uống không cồn, nước khoáng. Vibev có trụ sở chính được đăng ký tại Số 10, Đường Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vào ngày 30 tháng 11 năm 2022, Hội đồng Quản trị Tập đoàn quyết định thông qua phương án dừng và giải thể Vibev theo nghị quyết số KDC18/2022/NQ-HĐQT.

14. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ (TIẾP THEO)

14.2 Đầu tư vào các công ty liên kết và công ty liên doanh đồng kiểm soát (tiếp theo)

Chi tiết khoản đầu tư vào các công ty liên kết và công ty liên doanh đồng kiểm soát vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 như sau:

						VND
	Lavenue	Vibev	Calofic	LG Vina	Dabaco Food	Tổng cộng
Giá trị đầu tư						
Số đầu năm và số cuối năm	1.087.500.000.000	196.000.000.000	1.383.942.384.943	548.458.021.068	116.000.000.000	3.331.900.406.011
Phần lũy kế trên lãi (lỗ) sau khi hợp nhất của các công ty liên kết và công ty liên doanh đồng kiểm soát						
Số đầu năm	(17.990.736.727)	(6.671.417.700)	611.922.255.781	21.621.241.839	(13.072.125.750)	595.809.217.443
Phần lợi nhuận (lỗ) trong năm	-	(49.117.314.986)	148.558.186.770	7.471.022.832	(2.833.031.055)	104.078.863.561
Cổ tức được chia trong năm	-	-	(62.700.055.368)	-	-	(62.700.055.368)
Số cuối năm	(17.990.736.727)	(55.788.732.686)	697.780.387.183	29.092.264.671	(15.905.156.805)	637.188.025.636
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	1.069.509.263.273	189.328.582.300	1.995.864.640.724	570.079.262.907	102.927.874.250	3.927.709.623.454
Số cuối năm	1.069.509.263.273	140.211.267.314	2.081.722.772.126	577.550.285.739	100.094.843.195	3.969.088.431.647

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả bên liên quan (TM số 31)	1.510.446.175	2.325.987
Apical Vietnam Oils and Fats Pte. Ltd	179.252.660.916	489.058.160.489
Khác	368.185.706.597	290.088.477.176
TỔNG CỘNG	548.948.813.688	779.148.963.652

16. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Bên khác trả tiền trước	25.435.506.047	86.793.149.476

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

VND

	Số đầu năm	Tăng	Giảm	Thanh lý công ty con	Số cuối năm
Thuế giá trị gia tăng	5.662.804.627	570.055.720.769	(570.584.177.991)	-	5.134.347.405
Thuế thu nhập doanh nghiệp	49.395.453.077	145.894.259.653	(148.402.543.007)	-	46.887.169.723
Thuế thu nhập cá nhân	8.831.960.412	87.796.862.641	(86.601.158.836)	(334.812.291)	9.692.851.926
Các loại thuế khác	3.419.092.210	13.916.785.005	(14.271.469.357)	(306.181.229)	2.758.226.629
TỔNG CỘNG	67.309.310.326	817.663.628.068	(819.859.349.191)	(640.993.520)	64.472.595.683

Trong đó:

Thuế nộp thừa	(22.071.703.493)				(11.582.410.202)
Thuế phải nộp	89.381.013.819				76.055.005.885

18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí tiếp thị	131.122.148.599	130.865.452.157
Chiết khấu thương mại	77.842.501.222	88.443.569.601
Chi phí lãi vay	51.093.697.119	44.254.223.649
Chi phí hỗ trợ bán hàng	28.390.690.453	25.608.081.835
Phí vận chuyển	22.407.999.903	25.624.367.810
Lương tháng 13 và thưởng	16.346.904.696	63.058.232.119
Khác	15.400.917.028	12.186.734.835
TỔNG CỘNG	342.604.859.020	390.040.662.006

19. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nhận đặt cọc mua cổ phiếu	50.940.020.000	-
Thù lao Hội đồng Quản trị	23.840.000.000	23.840.000.000
Phải trả về cổ phần hóa	12.716.244.592	12.716.244.592
Cổ tức phải trả	5.657.581.460	8.695.406.275
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp	1.793.507.821	2.499.904.850
Phải trả tín dụng thư trả chậm	-	318.948.873.936
Khác	12.065.093.718	36.772.289.201
TỔNG CỘNG	107.012.447.591	403.472.718.854

Trong đó:

Phải trả các bên liên quan (TM số 31)	23.840.000.000	23.840.000.000
Phải trả các bên khác	83.172.447.591	379.632.718.854

20. VAY

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngắn hạn	4.168.303.495.655	3.501.317.726.244
Vay ngân hàng (TM số 20.1)	3.919.820.703.166	3.499.780.207.750
Trái phiếu thường trong nước đến hạn trả	247.452.000.000	-
Vay dài hạn đến hạn trả (*)	1.030.792.489	1.537.518.494
Vay dài hạn	751.915.330.417	997.575.613.014
Vay từ tổ chức khác (*)	7.011.330.424	7.767.613.017
Trái phiếu thường trong nước (TM số 20.2)	744.903.999.993	989.807.999.997
TỔNG CỘNG	4.920.218.826.072	4.498.893.339.258

(*) Đây là khoản nợ tín chấp không lãi suất với Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Công nghiệp Số 2 liên quan đến khoản thuê đất để xây dựng nhà máy tại Khu Công nghiệp Nhơn Trạch II, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai theo Hợp đồng thuê đất số 115/1988/HDTD ngày 12 tháng 5 năm 1988.

Tình hình tăng (giảm) các khoản vay như sau:

VND

	Vay ngắn hạn	Vay dài hạn	Tổng cộng
Số đầu năm	3.501.317.726.244	997.575.613.014	4.498.893.339.258
Tiền thu từ đi vay	16.019.761.667.948	-	16.019.761.667.948
Chuyển từ dài hạn sang ngắn hạn	248.482.792.489	(248.482.792.489)	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	(7.127.500.000)	274.509.896	(6.852.990.104)
Phân bổ chi phí phát hành trái phiếu	-	2.547.999.996	2.547.999.996
Tiền chi trả nợ gốc vay	(15.594.131.191.026)	-	(15.594.131.191.026)
Số cuối năm	4.168.303.495.655	751.915.330.417	4.920.218.826.072

20. VAY (TIẾP THEO)

20.1 Các khoản vay ngân hàng ngắn hạn

Các khoản vay tín chấp ngắn hạn từ các ngân hàng thương mại nhằm mục đích tài trợ vốn lưu động, với chi tiết được trình bày như sau:

VND				
Ngân hàng	Số cuối năm VND	Ngoại tệ USD	Lãi suất %/năm	Ngày đáo hạn
Ngân hàng Cổ phần Ngoại thương Việt Nam ("VCB") – Chi nhánh Hồ Chí Minh				
Khoản vay 1	800.688.432.646		7% - 7,9%	Từ ngày 27 tháng 2 năm 2023 đến ngày 15 tháng 5 năm 2023
Khoản vay 2	556.595.707.817		5,2% - 7%	Từ ngày 16 tháng 1 năm 2023 đến ngày 15 tháng 4 năm 2023
Khoản vay 3	232.334.461.946		8%	Từ ngày 3 tháng 2 năm 2023 đến ngày 2 tháng 3 năm 2023
Khoản vay 4	133.083.480.221		7% - 7,2%	Từ ngày 06 tháng 3 năm 2023 đến ngày 23 tháng 5 năm 2023
Khoản vay 5	12.000.000.000		7%	Từ ngày 7 tháng 11 năm 2022 đến ngày 7 tháng 2 năm 2023
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam				
Khoản vay 1	332.191.111.944		8%	Từ ngày 4 tháng 3 năm 2023 đến ngày 19 tháng 4 năm 2023
Khoản vay 2	279.685.556.276		7%	Từ ngày 13 tháng 3 năm 2023 đến ngày 20 tháng 3 năm 2023
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh				
Khoản vay 1	239.975.523.991		6,3% - 7,3%	Từ ngày 6 tháng 2 năm 2023 đến ngày 19 tháng 3 năm 2023
Khoản vay 2	202.944.224.667		7,3%	Từ ngày 17 tháng 2 năm 2023 đến ngày 3 tháng 3 năm 2023
Ngân hàng Thương mại Taipei Fubon				
Khoản vay 1	296.062.500.000	12.500.000	4,4% - 6,31%	Từ ngày 27 tháng 1 năm 2023 đến ngày 28 tháng 4 năm 2023
Khoản vay 2	167.538.014.106		8,3% - 8,45%	Từ ngày 30 tháng 5 năm 2023 đến ngày 31 tháng 5 năm 2023
Ngân hàng Cổ phần Thương mại Quân đội – Chi nhánh Hồ Chí Minh				
Khoản vay 1	433.701.912.987		8% - 8,7%	Từ ngày 11 tháng 2 năm 2023 đến ngày 31 tháng 3 năm 2023
Khoản vay 2	1.036.800.000		9,7%	Ngày 23 tháng 5 năm 2023
Ngân hàng Malayan Berhad				
Khoản vay 1	161.400.000.000		6,2% - 7,8%	Từ ngày 10 tháng 2 năm 2023 đến ngày 14 tháng 3 năm 2023
Khoản vay 2	70.582.976.565		5,8% - 6,8%	Từ ngày 11 tháng 1 năm 2023 đến ngày 15 tháng 2 năm 2023
TỔNG CỘNG	3.919.820.703.166	12.500.000		

20. VAY (TIẾP THEO)

20.2 Trái phiếu thường trong nước

Chi tiết của các trái phiếu này vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 được trình bày như sau:

Tổ chức thu xếp phát hành	Ngày phát hành	Giá trị VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam ("VIB")	04 tháng 01 năm 2021	700.000.000.000
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam ("Shinhan")	04 tháng 01 năm 2021	300.000.000.000
Chi phí phát hành trái phiếu chưa phân bổ		(7.644.000.007)
TỔNG CỘNG		992.355.999.993
<i>Trong đó:</i>		
<i>Trái phiếu dài hạn</i>		<i>744.903.999.993</i>
<i>Trái phiếu dài hạn đến hạn phải trả</i>		<i>247.452.000.000</i>

Vào ngày 4 tháng 1 năm 2021, Tập đoàn đã phát hành trái phiếu với tổng giá trị là 1.000 tỷ VND (mệnh giá cho mỗi trái phiếu là 1 tỷ VND) do VIB đặt mua. Trái phiếu này được hoàn trả sau năm (5) kể từ ngày phát hành với lãi suất 8%/năm cho hai kỳ sáu tháng đầu tiên và lãi suất áp dụng cho các kỳ sáu tháng tiếp theo sẽ bằng trung bình cộng của lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân kỳ hạn mười hai (12) tháng bằng Đồng Việt Nam được công bố tại bốn (4) ngân hàng tham chiếu là VCB, VTB, BIDV và VIB cộng với biên độ cố định 2,75%/năm.

Vào ngày 26 tháng 5 năm 2022, Tập đoàn đã chỉ định VIB là Đại lý thanh toán và Đại lý quản lý tại khoản đảm bảo cho 1.000 trái phiếu đã phát hành của Công ty nêu trên. Vào ngày 28 tháng 5 năm 2022, VIB đã bán 300 trái phiếu do Tập đoàn phát hành này với tổng giá trị 300 tỷ VND cho Shinhan thông qua hợp đồng mua bán trái phiếu.

Công ty cam kết mua lại trái phiếu trước thời hạn kể từ ngày phát hành theo tỷ lệ như sau:

- » Tối thiểu 25% giá trị trái phiếu phát hành vào ngày tròn hai mươi bốn (24) tháng kể từ ngày phát hành;
- » Tối thiểu 25% giá trị trái phiếu phát hành vào ngày tròn ba mươi sáu (36) tháng kể từ ngày phát hành;
- » Tối thiểu 25% giá trị trái phiếu phát hành vào ngày tròn bốn mươi tám (48) tháng kể từ ngày phát hành; và
- » Giá trị trái phiếu còn lại vào ngày tròn sáu mươi (60) tháng kể từ ngày phát hành.

Tổng số tiền thu được từ đợt phát hành này được sử dụng để bổ sung nguồn vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, trái phiếu được đảm bảo bằng 92.118.000 cổ phiếu của Vocarimex và 17.000.000 cổ phiếu của Tường An – các công ty con trong Tập đoàn (TM số 1).

21. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

VND		
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	107.312.917.413	69.885.930.547
Trích quỹ trong năm	40.403.428.617	41.804.783.659
Sử dụng quỹ trong năm	(1.374.110.864)	(4.377.796.793)
Số cuối năm	146.342.235.166	107.312.917.413

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU

22.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

VND

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Năm trước:								
Số đầu năm	2.797.413.560.000	3.850.410.394.900	104.000.000.000	(1.959.478.509.838)	74.811.345.990	15.909.752.661	840.072.182.956	5.723.138.726.669
Phát hành cổ phiếu mới để mua lại cổ phần trong công ty con	-	(500.000.000)	-	-	-	-	-	(500.000.000)
Phát hành cổ phiếu thưởng	-	(878.991.536.570)	-	879.014.166.570	-	-	-	22.630.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	590.401.869.878	590.401.869.878
Cổ tức công bố	-	-	-	-	-	-	(137.249.460.000)	(137.249.460.000)
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	-	(34.515.283.355)	(34.515.283.355)
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát	-	-	-	-	-	-	(12.532.000.000)	(12.532.000.000)
Tăng từ hợp nhất kinh doanh	-	-	-	-	-	-	544.055.649.226	544.055.649.226
Số cuối năm	2.797.413.560.000	2.970.918.858.330	104.000.000.000	(1.080.464.343.268)	74.811.345.990	15.909.752.661	1.790.232.958.705	6.672.822.132.418
Năm nay:								
Số đầu năm	2.797.413.560.000	2.970.918.858.330	104.000.000.000	(1.080.464.343.268)	74.811.345.990	15.909.752.661	1.790.232.958.705	6.672.822.132.418
Tái phát hành cổ phiếu quỹ	-	136.250.800.000	-	215.191.200.000	-	-	-	351.442.000.000
Thanh lý đầu tư	-	-	-	-	-	-	37.213.808.524	37.213.808.524
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	362.600.497.164	362.600.497.164
Cổ tức công bố	-	-	-	-	-	-	(305.308.812.000)	(305.308.812.000)
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	-	(35.434.090.087)	(35.434.090.087)
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát	-	-	-	-	-	-	(14.807.558.508)	(14.807.558.508)
Hợp nhất kinh doanh	-	-	-	-	-	-	(215.047.582.159)	(215.047.582.159)
Số cuối năm	2.797.413.560.000	3.107.169.658.330	104.000.000.000	(865.273.143.268)	74.811.345.990	15.909.752.661	1.619.449.221.639	6.853.480.395.352

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)

22.2 Cổ phiếu

	Cổ phiếu	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Cổ phiếu phổ thông được phép phát hành	279.741.356	279.741.356
Cổ phiếu phổ thông đã được phát hành và góp vốn đầy đủ	279.741.356	279.741.356
Cổ phiếu quỹ do Công ty nắm giữ	(22.517.346)	(28.117.346)
<i>Trong đó: được nắm giữ bởi Công ty</i>	<i>(22.517.346)</i>	<i>(28.117.346)</i>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	257.224.010	251.624.010

(*) Tại ngày 6 tháng 6 năm 2022, Hội đồng Quản trị Công ty đã đưa ra Nghị quyết số 06/2022/NQ/HĐQT thông qua phương án bán 28.117.346 cổ phiếu quỹ. Theo thông báo thay đổi số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết số CB02/2022/CPQ ngày 30 tháng 8 năm 2022, Công ty đã bán thành công 5.600.000 cổ phiếu quỹ để bổ sung nguồn vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

22.3 Cổ tức

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Cổ tức công bố cho cổ đông của công ty mẹ trong năm	305.308.812.000	137.249.460.000
Cổ tức đã trả cho cổ đông của công ty mẹ	308.926.127.980	335.265.451.270

22.4 Lãi trên cổ phiếu

Tập đoàn sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu:

	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	362.600.497.164	590.401.869.878
Điều chỉnh giảm do trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	(17.900.575.814)
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	362.600.497.164	572.501.294.064
Số cổ phiếu bình quân lưu hành trong năm	230.641.408	230.634.395
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (<i>Mệnh giá mỗi cổ phiếu là 10.000 VND</i>)	1.572	2.482
Lãi suy giảm trên mỗi cổ phiếu (<i>Mệnh giá mỗi cổ phiếu là 10.000 VND</i>)	1.572	2.482

(*) Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được điều chỉnh lại để phản ánh khoản thực trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận để lại của năm 2021 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 23 tháng 3 năm 2022.

Không có giao dịch nào được ghi nhận liên quan tới cổ phiếu phổ thông và cổ phiếu phổ thông tiềm năng giữa ngày kết thúc năm tài chính và ngày hoàn thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)

22.5 Lợi ích cổ đông không kiểm soát

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	221.820.520.523	1.976.248.726.071
Lợi nhuận thuần trong năm	12.055.017.131	62.888.703.639
Mua lại của cổ đông không kiểm soát	(31.786.632.861)	(1.747.619.614.915)
Cổ tức đã công bố	(19.346.124.000)	(71.618.400.000)
Trích lập các quỹ	(4.969.338.530)	(7.289.500.304)
Thù lao Hội đồng Quản trị	(782.869.412)	(588.000.000)
Tăng từ hợp nhất kinh doanh	-	9.798.606.032
Thanh lý khoản đầu tư	22.256.658.591	-
Số cuối năm	199.247.231.442	221.820.520.523

23. DOANH THU

23.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	12.787.155.345.809	10.675.274.452.835
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu thành phẩm đã bán</i>	<i>10.954.451.890.032</i>	<i>8.955.598.554.056</i>
<i>Doanh thu hàng hóa đã bán</i>	<i>1.826.363.799.483</i>	<i>1.699.269.725.450</i>
<i>Doanh thu khác</i>	<i>6.339.656.294</i>	<i>20.406.173.329</i>
Giảm trừ doanh thu	(251.971.860.773)	(178.409.982.077)
<i>Trong đó:</i>		
<i>Chiết khấu thương mại</i>	<i>(153.017.825.022)</i>	<i>(137.071.393.090)</i>
<i>Hàng bán bị trả lại</i>	<i>(98.954.035.751)</i>	<i>(41.338.588.987)</i>
DOANH THU THUẦN	12.535.183.485.036	10.496.864.470.758
<i>Trong đó:</i>		
<i>Bán cho bên liên quan</i>	<i>1.414.792.982</i>	<i>54.806.500.448</i>
<i>Bán cho các bên khác</i>	<i>12.533.768.692.054</i>	<i>10.442.057.970.310</i>

23.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi từ thanh lý đầu tư	122.499.247.718	-
Lãi tiền gửi	73.578.078.179	123.442.305.632
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	48.003.046.480	36.453.645.826
Khác	5.892.480.907	23.477.187
TỔNG CỘNG	249.972.853.284	159.919.428.645

24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

VND

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của thành phẩm đã bán	8.253.178.036.003	7.438.214.966.022
Giá vốn của hàng hóa đã bán	1.985.696.193.430	983.768.505.296
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	2.123.920.192	2.879.561.686
Giá vốn thuê dịch vụ	2.072.798.308	-
Khác	18.506.144.715	20.986.509.187
TỔNG CỘNG	10.261.577.092.648	8.445.849.542.191

25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

VND

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	232.943.464.615	177.888.774.790
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	28.662.281.182	7.550.876.541
Phân bổ chi phí phát hành trái phiếu	2.547.999.996	2.547.999.997
Khác	9.806.947.661	5.584.282.355
TỔNG CỘNG	273.960.693.454	193.571.933.683

26. CHI PHÍ BÁN HÀNG

VND

	Năm nay	Năm trước
Lương nhân viên	619.564.099.575	581.879.575.734
Chi phí mua ngoài	440.990.727.469	325.774.089.761
Quảng cáo và khuyến mãi	230.770.505.695	165.568.805.370
Khấu hao và hao mòn	67.857.053.763	68.132.652.514
Khác	86.842.464.714	55.235.550.302
TỔNG CỘNG	1.446.024.851.216	1.196.590.673.681

27. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

VND

	Năm nay	Năm trước
Lương nhân viên	164.318.241.751	180.754.638.110
Khấu hao và hao mòn	95.627.096.220	96.706.403.880
Chi phí mua ngoài	94.200.955.828	56.594.846.519
Phí thuê và bảo trì	41.597.321.061	34.338.659.105
Hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi	(1.200.000.000)	(137.901.265.105)
Khác	14.619.266.154	12.229.504.021
TỔNG CỘNG	409.162.881.014	242.722.786.530

28. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

VND

	Năm nay	Năm trước
Thu nhập khác	32.302.372.994	5.243.138.141
Nhận bồi thường từ nhà cung cấp	14.984.763.173	395.647.751
Lãi từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	3.788.242.550	644.741.483
Thu nhập từ cho thuê	3.633.987.825	107.200.000
Khác	9.895.379.446	4.095.548.907
Chi phí khác	20.213.663.267	5.933.368.627
Các khoản phạt	8.050.130.341	477.936.627
Chi phí hỗ trợ	3.684.255.016	11.260.000
Khác	8.479.277.910	5.444.172.000
LỢI NHUẬN KHÁC	12.088.709.727	690.230.486

29. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

VND

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên vật liệu	8.275.880.899.218	7.462.081.036.895
Giá vốn hàng hóa	1.985.696.193.430	983.768.505.296
Chi phí nhân công	783.882.341.326	756.063.763.948
Chi phí dịch vụ mua ngoài	677.063.419.440	426.841.677.866
Chi phí khấu hao và hao mòn	264.343.191.320	264.566.201.519
Hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi	(1.200.000.000)	(137.901.265.105)
Khác	131.098.780.144	129.743.081.983
TỔNG CỘNG	12.116.764.824.878	9.885.163.002.402

30. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Trong năm, Công ty và các công ty con có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") bằng 20% thu nhập chịu thuế, ngoại trừ thu nhập chịu thuế từ các dự án Phù Đổng III được áp dụng thuế suất TNDN thông thường theo quy định (20%). Ngoài ra, Dự án Phù Đổng III được miễn thuế TNDN trong hai (2) năm tính từ năm đầu tiên kinh doanh có thu nhập chịu thuế (2018) và được giảm 50% đối với thuế suất thuế TNDN tương ứng trong bốn (4) năm tiếp theo.

Các báo cáo thuế của Công ty và các công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

30. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (TIẾP THEO)

30.1 Chi phí thuế TNDN

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	144.737.861.945	129.604.774.860
Thuế TNDN trích thiếu các năm trước	1.156.397.708	-
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	(9.951.380.672)	(95.065.891.202)
TỔNG CỘNG	135.942.878.981	34.538.883.658

Dưới đây là đối chiếu giữa chi phí thuế TNDN và kết quả của tổng lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	510.598.393.276	687.829.457.176
Thuế TNDN theo thuế suất áp dụng cho các công ty trong Tập đoàn	102.119.678.655	137.565.891.435
<i>Điều chỉnh:</i>		
Chi phí không được trừ	9.161.640.612	6.137.256.461
Phân bổ lợi thế thương mại	6.139.758.531	6.515.579.208
Hao mòn của tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được định giá lại	387.512.421	411.074.401
Lợi nhuận từ công ty liên doanh, liên kết	(20.815.772.712)	(22.094.144.869)
Lỗi tính thuế chưa được ghi nhận thuế hoãn lại	36.866.307.423	3.263.930.568
Lỗi tính thuế các năm trước chuyển sang	(1.242.985.185)	(102.986.366.137)
Khác	2.307.822.874	5.725.662.591
Chi phí thuế TNDN phát sinh trong năm	134.923.962.619	34.538.883.658
Giảm thuế	(137.481.346)	-
Thuế TNDN trích thiếu các năm trước	1.156.397.708	-
Chi phí thuế TNDN	135.942.878.981	34.538.883.658

30.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được tính toán dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm hiện hành. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải nộp của Tập đoàn được tính theo các thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

30. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (TIẾP THEO)

30.3 Thuế TNDN hoãn lại

Tập đoàn đã ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả, cùng với biến động trong năm nay và năm trước như sau:

	VND		Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	
	Bảng cân đối kế toán hợp nhất		Năm nay	Năm trước
	Số cuối năm	Số đầu năm		
Các khoản chi phí phải trả	52.941.717.153	56.996.158.175	(4.054.441.022)	37.358.505.836
Dự phòng trợ cấp thôi việc	6.932.360.346	5.103.126.644	1.829.233.702	(1.034.422.381)
Lợi nhuận chưa thực hiện	15.904.258.126	9.854.196.762	6.050.061.364	574.881.906
Các khoản dự phòng ở báo cáo tài chính riêng	687.769.736	1.076.523.945	(388.754.209)	1.028.992.950
Dự phòng đầu tư vào công ty con	(11.770.175.451)	(3.907.588.280)	(7.862.587.171)	(3.275.790.335)
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	(16.868.191.982)	(11.896.788.017)	(4.971.403.965)	41.065.840.823
Lãi từ mua công ty con	(73.926.849.590)	(73.926.849.590)	-	-
Lãi từ việc đánh giá lại tài sản phát sinh từ hợp nhất kinh doanh	(618.966.686.430)	(638.315.958.403)	19.349.271.973	19.347.882.403
TỔNG CỘNG	(645.065.798.092)	(655.017.178.764)	9.951.380.672	95.065.891.202
<i>Trong đó:</i>				
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	76.466.105.361	73.030.005.526		
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(721.531.903.453)	(728.047.184.290)		

30.4 Lỗi thuế chuyển sang các năm sau

Tập đoàn được phép chuyển các khoản lỗi thuế sang các năm sau để bù trừ với lợi nhuận chịu thuế thu được trong vòng 5 năm liên tục kể từ sau năm phát sinh khoản lỗi đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Tập đoàn có khoản lỗi thuế lũy kế ước tính là 209.089.551.342 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2021: 120.190.566.173 VND) có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận chịu thuế phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

	VND				
Năm phát sinh	Có thể chuyển lỗi đến năm	Lỗi tính thuế	Đã chuyển lỗi đến ngày 31 tháng 12 năm 2022	Không được chuyển lỗi	Chưa chuyển lỗi tại ngày 31 tháng 12 năm 2022
2017	2022	79.615.353.795	(79.615.353.795)	-	-
2018	2023	187.007.586.065	(139.291.089.461)	-	47.716.496.604
2019	2024	154.133.305.314	(120.305.057.441)	-	33.828.247.873
2020	2025	109.548.112.552	(93.436.869.623)	-	16.111.242.929
2021	2026	6.421.880.784	(6.214.925.927)	-	206.954.857
2022	2027	111.226.609.079	-	-	111.226.609.079
TỔNG CỘNG		647.952.847.589	(438.863.296.247)	-	209.089.551.342

30. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (TIẾP THEO)

30.4 Lỗ thuế chuyển sang các năm sau (tiếp theo)

Lỗ thuế ước tính nêu trên của Tập đoàn chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

Lỗ tính thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 và 2019 đã được điều chỉnh theo hướng dẫn của Nghị định 68/2020/NĐ-CP do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 24 tháng 6 năm 2020, sửa đổi, bổ sung khoản 3 điều 8 Nghị định 20/2017/NĐ-CP do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 24 tháng 2 năm 2017 về quản lý thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết.

Tập đoàn chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại đối với số lỗ thuế lũy kế tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 nêu trên do tại thời điểm này, Tập đoàn không thể dự tính được thu nhập chịu thuế trong tương lai.

31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có quan hệ kiểm soát và các bên liên quan có giao dịch trọng yếu với Công ty trong năm như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty Dầu thực vật Việt Nam	Công ty con
Công ty Cổ phần Thực phẩm Đông lạnh Kido	Công ty con
Công ty Cổ phần Dầu Thực vật Tường An	Công ty con
Công ty TNHH Kido - Nhà Bè	Công ty con
Công ty TNHH MTV Thực phẩm Kido	Công ty con
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Kido	Công ty con
Công ty TNHH Kido Long An	Công ty con
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại TTV (cho đến tháng 11 năm 2022)	Công ty con trước đây
Công ty Cổ phần Đầu tư Lavenue	Công ty liên kết đồng kiểm soát
Công ty TNHH Liên doanh Thực phẩm và Đồ uống VibeV	Công ty liên doanh
Công ty Cổ phần Chế biến Thực phẩm Dabaco	Công ty liên kết đồng kiểm soát
Công ty Cổ phần Dầu thực vật Tân Bình ("Nakydaco")	Công ty đầu tư khác trước đây
Công ty Cổ phần Địa ốc Kido ("KDL")	Đồng quản lý chủ chốt
Công ty TNHH Đầu tư Kido ("KDI")	Đồng quản lý chủ chốt
Ông Trần Hoàng Nam	Cổ đông của công ty con
Bà Lê Thị Mỹ Vinh	Cổ đông của công ty con

31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Tập đoàn với các công ty có liên quan trong năm được trình bày như sau:
VND

Bên liên quan	Nghiệp vụ	Năm nay	Năm trước
Bà Lê Thị Mỹ Vinh	Cho vay	281.200.000.000	-
	Thu hồi cho vay	101.200.000.000	-
Ông Trần Hoàng Nam	Cho vay	118.000.000.000	-
	Thu hồi cho vay	10.000.000.000	-
Nakydaco	Bán nguyên vật liệu và hàng hóa	-	47.013.674.000
	Mua hàng hóa	-	2.800.525.000
Calofic	Cổ tức được chia	62.700.055.368	106.800.579.335
	Cung cấp dịch vụ	-	6.316.870.085
Dabaco	Bán hàng hóa	-	112.320.000
VibeV	Bán nguyên vật liệu và hàng hóa	4.021.859.414	-
KDI	Cho thuê văn phòng	1.414.792.982	1.363.636.363

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu, phải trả với các bên liên quan được trình bày như sau:

Bên liên quan	Nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu ngắn hạn của khách hàng			
VibeV	Bán hàng hóa	1.082.220.190	2.325.987
Phải thu ngắn hạn khác			
Ông Trần Hoàng Nam	Ủy thác đầu tư	97.000.000.000	-
	Lãi cho vay	14.350.191.779	-
Bà Lê Thị Mỹ Vinh	Lãi cho vay	2.448.493.151	-
KDI	Chi trả hộ	1.478.229.017	-
Kido Land Corporation	Phí thuê văn phòng	-	19.055.803
VibeV	Chi trả hộ	-	3.000.000
		115.276.913.947	22.055.803
Phải thu về cho vay ngắn hạn			
Bà Lê Thị Mỹ Vinh	Cho vay	140.000.000.000	-
Ông Trần Hoàng Nam	Cho vay	118.000.000.000	-
		258.000.000.000	-
Phải thu về cho vay dài hạn			
Ông Trần Hoàng Nam	Cho vay	30.000.000.000	-

31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu, phải trả với các bên liên quan được trình bày như sau (tiếp theo):

VND			
Bên liên quan	Nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả người bán ngắn hạn			
Vibev	Mua hàng hóa	(1.510.446.175)	(2.325.987)
Phải trả ngắn hạn khác			
Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	Thù lao	(23.840.000.000)	(23.840.000.000)

Thù lao của các thành viên của Hội đồng Quản trị đã chi trong năm:

VND			
Tên	Chức vụ	Năm nay	Năm trước
Ông Trần Kim Thành	Chủ tịch	2.456.000.000	96.000.000
Ông Trần Lệ Nguyên	Phó Chủ tịch	3.197.030.899	616.206.686
Bà Vương Bửu Linh	Thành viên HĐQT	1.770.000.000	-
Bà Vương Ngọc Xiêm	Thành viên HĐQT	1.770.000.000	-
Ông Trần Quốc Nguyên	Thành viên HĐQT	1.180.000.000	-
Bà Nguyễn Thị Xuân Liễu	Thành viên HĐQT	684.024.719	531.605.731
Ông Nguyễn Văn Thuận	Thành viên HĐQT	394.120.000	-
Ông Nguyễn Gia Huy Chương	Thành viên HĐQT	392.940.000	-
Ông Nguyễn Đức Trí	Thành viên HĐQT	392.940.000	-
		12.237.055.618	1.243.812.417

Tiền lương của Ban Tổng Giám Đốc:

VND			
Tên	Chức vụ	Năm nay	Năm trước
Ông Trần Lệ Nguyên	Tổng Giám đốc	3.141.600.000	2.997.862.000
Bà Vương Bửu Linh	Phó Tổng Giám đốc	1.589.280.000	1.548.000.000
Bà Vương Ngọc Xiêm	Phó Tổng Giám đốc	1.589.280.000	1.548.000.000
Bà Nguyễn Thị Xuân Liễu	Phó Tổng Giám đốc	1.589.280.000	1.548.000.000
Ông Wang Ching Hua	Phó Tổng Giám đốc	1.589.280.000	1.589.280.000
Ông Mai Xuân Trâm	Phó Tổng Giám đốc	1.589.280.000	1.589.280.000
Ông Bùi Thanh Tùng	Phó Tổng Giám đốc	1.589.280.000	1.589.280.000
Ông Trần Quốc Nguyên	Phó Tổng Giám đốc	1.589.280.000	1.589.280.000
Ông Trần Tiến Hoàng	Phó Tổng Giám đốc	1.589.280.000	1.589.280.000
Ông Mã Thanh Danh	Phó Tổng Giám đốc	-	-
		15.855.840.000	15.381.862.000

Tiền lương của Ban kiểm soát:

VND			
	Năm nay	Năm trước	
Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát	489.000.000	366.000.000	

32. CÁC CAM KẾT

Cam kết thuê hoạt động

Tập đoàn hiện đang thuê đất, văn phòng và nhà xưởng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả trong tương lai theo các hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

VND		
	Số cuối năm	Số đầu năm
Đến 1 năm	49.826.041.162	59.187.910.199
Từ 1 đến 5 năm	26.685.991.784	69.329.184.170
Trên 5 năm	16.585.966.548	15.961.230.594
TỔNG CỘNG	93.097.999.494	144.478.324.963

Cam kết góp vốn

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Tập đoàn có cam kết với số tiền là 460.900.000.000 VND liên quan đến nghĩa vụ góp vốn đầu tư vào các công ty con và đầu tư vào đơn vị khác.

33. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được, tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro vì lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Theo đó, hoạt động theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn bao gồm ngành dầu ăn, ngành hàng thực phẩm và các ngành hàng khác.

Bộ phận theo lĩnh vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được, tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có có rủi ro vì lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác. Toàn bộ hoạt động kinh doanh của Tập đoàn phát sinh tại Việt Nam. Vì vậy, Tập đoàn xác định không có sự khác biệt về khu vực địa lý cho toàn bộ hoạt động của Tập đoàn.

Báo cáo bộ phận bao gồm các khoản mục phân bổ trực tiếp cho một bộ phận cũng như các bộ phận được phân chia theo một cơ sở hợp lý. Các khoản mục không được phân bổ bao gồm tài sản, nợ phải trả, doanh thu từ hoạt động tài chính, chi phí tài chính, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, lãi hoặc lỗ khác và thuế Thu nhập doanh nghiệp.

Tập đoàn lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu bao gồm ngành dầu ăn, ngành hàng lạnh và các ngành hàng khác.

33. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (TIẾP THEO)

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

VND

	Ngành đầu ăn	Ngành hàng thực phẩm	Các ngành khác	Tổng cộng
Năm nay				
Doanh thu bộ phận				
Doanh thu từ bán hàng ra bên ngoài	10.462.835.313.473	1.924.498.794.425	399.821.237.911	12.787.155.345.809
Các khoản giảm trừ doanh thu	(137.795.191.212)	(81.841.690.817)	(32.334.978.744)	(251.971.860.773)
	10.325.040.122.261	1.842.657.103.608	367.486.259.167	12.535.183.485.036
Lợi nhuận gộp bộ phận	1.004.165.622.882	1.083.205.657.959	186.235.111.547	2.273.606.392.388
Chi phí bán hàng	(635.106.159.453)	(657.926.317.557)	(152.992.374.206)	(1.446.024.851.216)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	(292.977.260.036)	(66.685.991.601)	(49.499.629.377)	(409.162.881.014)
Phần lãi trong công ty liên doanh, liên kết	148.558.186.770	(2.833.031.055)	(41.646.292.154)	104.078.863.561
Doanh thu tài chính				249.972.853.283
Chi phí tài chính				(273.960.693.454)
Lợi nhuận khác				12.088.709.727
Lợi nhuận kế toán trước thuế				510.598.393.275
Tài sản bộ phận	8.892.044.809.653	1.159.303.011.099	5.813.075.087.098	15.864.422.907.850
<i>Đối chiếu:</i>				
Phải thu nội bộ				(1.860.634.412.542)
Tổng tài sản				14.003.788.495.308
Nợ phải trả bộ phận	3.609.114.390.762	394.795.915.381	4.807.243.197.933	8.811.153.504.076
<i>Đối chiếu:</i>				
Phải trả nội bộ				(1.860.634.412.542)
Tổng nợ phải trả				6.950.519.091.534

33. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (TIẾP THEO)

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo ngành hàng của Tập đoàn như sau: (tiếp theo)

VND

	Ngành đầu ăn	Ngành hàng thực phẩm	Các ngành khác	Tổng cộng
Năm trước				
Doanh thu bộ phận				
Doanh thu từ bán hàng ra bên ngoài	9.013.138.989.531	1.591.702.582.181	70.432.881.123	10.675.274.452.835
Các khoản giảm trừ doanh thu	(108.913.872.529)	(69.496.109.548)	-	(178.409.982.077)
	8.904.225.117.002	1.522.206.472.633	70.432.881.123	10.496.864.470.758
Lợi nhuận gộp bộ phận	1.227.550.385.146	809.834.658.324	13.629.885.097	2.051.014.928.567
Chi phí bán hàng	(846.967.391.424)	(342.999.277.441)	(6.624.004.816)	(1.196.590.673.681)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	(280.312.955.616)	(61.292.005.481)	98.882.174.567	(242.722.786.530)
Phần lãi trong công ty liên doanh, liên kết	104.500.092.281	2.929.876.212	3.040.755.851	110.470.724.344
Doanh thu tài chính				159.919.428.645
Chi phí tài chính				(193.571.933.683)
Lỗ khác				(690.230.486)
Lợi nhuận kế toán trước thuế				687.829.457.176
Tài sản bộ phận	8.491.731.032.114	1.073.711.790.227	5.421.891.756.524	14.987.334.578.865
<i>Đối chiếu:</i>				
Phải thu nội bộ				(914.629.020.932)
Tổng tài sản				14.072.705.557.933
Nợ phải trả bộ phận	3.103.058.121.439	436.788.513.671	4.552.845.290.814	8.092.691.925.924
<i>Đối chiếu:</i>				
Phải trả nội bộ				(914.629.020.932)
Tổng nợ phải trả				7.178.062.904.992

34. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.



Trần Minh Nguyệt
Người lập



Nguyễn Thị Oanh
Kế toán trưởng



Trần Lệ Nguyên
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 31 tháng 3 năm 2023

KIDO GROUP

138 - 142 Hai Bà Trưng, Phường Đa Kao, Quận 1, TP. HCM

T : (+84-28) 3827 0468

F : (+84-28) 3827 0469

E : info@kdc.vn

www.kdc.vn